

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ÔNG ĐÌNH

-----o0o-----

# BÁO CÁO

## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Của dự án: Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Ông Đình,  
huyện Khoái Châu

Địa điểm dự án: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên



*Hưng Yên, năm 2024*

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỞ ĐẦU .....                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1  |
| 1. Xuất xứ của dự án.....                                                                                                                                                                                                                                                         | 1  |
| 1.1. Thông tin chung về dự án.....                                                                                                                                                                                                                                                | 1  |
| 1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư .....                                                                                                                                                                                                                  | 1  |
| 1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt..... | 1  |
| 1.3.1 Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch vùng.....                                                                                                                                                                                   | 2  |
| 1.3.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh .....                                                                                                                                                                                                                              | 2  |
| 2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM .....                                                                                                                                                                                                                      | 2  |
| 2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án .....                                                                                                                     | 3  |
| 2.1.1. Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết .....                                                                                                                                                                                                                                | 3  |
| 2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam .....                                                                                                                                                                                                                                   | 6  |
| 2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án .....                                                                                                                                                                                | 6  |
| 2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ đầu tư dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.....                                                                                                                                                | 8  |
| 3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường.....                                                                                                                                                                                                                            | 8  |
| 4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường .....                                                                                                                                                                                                                                 | 9  |
| 4.1. Nhóm phương pháp ĐTM .....                                                                                                                                                                                                                                                   | 10 |
| 4.2. Nhóm các phương pháp khác .....                                                                                                                                                                                                                                              | 10 |
| 5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM .....                                                                                                                                                                                                                                   | 11 |
| 5.1. Thông tin về dự án.....                                                                                                                                                                                                                                                      | 11 |
| 5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường .....                                                                                                                                                                                     | 12 |
| 5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án .....                                                                                                                                                                                 | 13 |
| 5.4. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN                                                                                                                                                                                                                      | 14 |
| 5.4.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí.....                                                                                                                                                                                                        | 14 |
| 5.4.2. Các công trình và biện pháp xử lý nước thải.....                                                                                                                                                                                                                           | 15 |
| 5.4.3. Công trình lưu giữ chất thải.....                                                                                                                                                                                                                                          | 15 |
| 5.4.4. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.....                                                                                                                                                                                                  | 16 |
| 5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án .....                                                                                                                                                                                                       | 17 |

|                                                                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| CHƯƠNG 1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN .....                                                                                  | 18 |
| 1.1. Thông tin về dự án.....                                                                                        | 18 |
| 1.1.1. Tên dự án .....                                                                                              | 18 |
| 1.1.2. Chủ đầu tư dự án .....                                                                                       | 18 |
| 1.1.3. Vị trí địa lý dự án.....                                                                                     | 18 |
| 1.1.4. Mục tiêu, quy mô công suất, công nghệ và loại hình dự án .....                                               | 21 |
| 1.2. Các hạng mục công trình của dự án .....                                                                        | 22 |
| 1.2.1. Quy mô các hạng mục công trình của dự án .....                                                               | 22 |
| 1.2.2. Các hạng mục công trình chính của dự án .....                                                                | 22 |
| 1.2.3. Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật .....                                                               | 25 |
| 1.2.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường .....                                                              | 24 |
| 1.2.5. Hiện trạng sử dụng đất khu đất thực hiện dự án; sự phù hợp địa điểm thực hiện dự án .....                    | 27 |
| 1.2.6. Danh mục máy móc, thiết bị.....                                                                              | 26 |
| 1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án ..... | 28 |
| 1.3.1. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng .....                                       | 28 |
| 1.3.2. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn vận hành .....                                                              | 29 |
| 1.4. Quy trình thực hiện dự án.....                                                                                 | 30 |
| 1.5. Biện pháp tổ chức thi công .....                                                                               | 31 |
| 1.5.1. Giai đoạn thi công .....                                                                                     | 31 |
| 1.5.2. Biện pháp thi công.....                                                                                      | 33 |
| 1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....                                                  | 35 |
| 1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án.....                                                                                 | 35 |
| 1.6.2. Vốn đầu tư .....                                                                                             | 35 |
| 1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....                                                                     | 35 |
| CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN .....               | 36 |
| 2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội .....                                                                     | 36 |
| 2.1.1. Điều kiện tự nhiên .....                                                                                     | 36 |
| 2.1.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội.....                                                                            | 40 |
| 2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án .....                             | 42 |
| 2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường .....                                                          | 44 |
| 2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án .....               | 47 |
| 2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án .....                                                         | 48 |

---

|                                                                                                                           |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,.....     | 49  |
| ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....                                                                                             | 49  |
| 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của dự án .....    | 49  |
| 3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị dự án.....                                                  | 49  |
| 3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....                                                 | 51  |
| 3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án .....    | 52  |
| 3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án .....                                        | 52  |
| 3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....                                                 | 71  |
| 3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành ..... | 78  |
| 3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....                                                                                 | 78  |
| 3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....                                                 | 85  |
| 3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....                                                  | 92  |
| 3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....                                        | 93  |
| CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG .....                                                               | 95  |
| 4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ đầu tư dự án .....                                                           | 95  |
| 4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án .....                                                      | 97  |
| CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ THAM VẤN.....                                                                                           | 98  |
| 5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng .....                                                                 | 98  |
| 5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng .....                                                                                     | 99  |
| KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT .....                                                                                      | 103 |
| 1. Kết luận.....                                                                                                          | 104 |
| 2. Kiến nghị .....                                                                                                        | 104 |
| 3. Cam kết của chủ dự án đầu tư .....                                                                                     | 104 |

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|       |                              |
|-------|------------------------------|
| ATLĐ  | An toàn lao động             |
| BTNMT | Bộ Tài nguyên Môi trường     |
| BGTVT | Bộ giao thông vận tải        |
| BVMT  | Bảo vệ môi trường            |
| BYT   | Bộ Y tế                      |
| CTNH  | Chất thải nguy hại           |
| CBNV  | Cán bộ nhân viên             |
| ĐTM   | Đánh giá tác động môi trường |
| PCCC  | Phòng cháy chữa cháy         |
| GPMB  | Giải phóng mặt bằng          |
| NĐ-CP | Nghị định – Chính phủ        |
| QH    | Quốc hội                     |
| TCVN  | Tiêu chuẩn Việt Nam          |
| QCVN  | Quy chuẩn Việt Nam           |
| UBND  | Ủy ban nhân dân              |
| WHO   | Tổ chức Y tế thế giới        |

## DANH MỤC BẢNG

|                                                                                                    |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1.1: Quy mô sử dụng đất của dự án .....                                                       | 11 |
| Bảng 1.2: Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường .....                    | 12 |
| Bảng 1.3: Các hạng mục công trình của dự án.....                                                   | 22 |
| Bảng 1.4: Thiết bị chính phục vụ giai đoạn xây dựng và hoạt động của dự án .....                   | 27 |
| Bảng 1.5: Tổng hợp khối lượng vật liệu xây dựng cho các hạng mục công trình .....                  | 28 |
| Bảng 1.6: Nhu cầu tiêu thụ nước của Dự án trong giai đoạn vận hành.....                            | 30 |
| Bảng 2.1: Lượng mưa trung bình các tháng trong năm.....                                            | 37 |
| Bảng 2.2: Số giờ nắng các tháng trong năm.....                                                     | 38 |
| Bảng 2.3: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm .....                                            | 39 |
| Bảng 2.4: Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong năm .....                                     | 39 |
| Bảng 2.5: Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh .....                                         | 44 |
| Bảng 2.6: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....                                               | 45 |
| Bảng 2.7: Kết quả phân tích chất lượng đất .....                                                   | 46 |
| Bảng 3.1: Sinh khối của 1m <sup>2</sup> loại thảm thực vật .....                                   | 50 |
| Bảng 3.2: Nguồn tác động và các đối tượng chịu tác động của dự án .....                            | 52 |
| Bảng 3.3: Hệ số ô nhiễm từ quá trình đào đắp .....                                                 | 54 |
| Bảng 3.4: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp.....                                          | 54 |
| Bảng 3.5: Dự báo nồng độ bụi thực tế ở một số công trường xây dựng .....                           | 56 |
| Bảng 3.6: Tải lượng khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động.....                        | 57 |
| Bảng 3.7: Tải lượng khí độc phát sinh trong quá trình vận chuyển của PTGTVT .....                  | 57 |
| Bảng 3.8: Định mức tiêu thụ nhiên liệu của các động cơ.....                                        | 58 |
| Bảng 3.9: Tải lượng các khí phát sinh từ các loại máy san lấp và xây dựng .....                    | 59 |
| Bảng 3.10: Tỷ trọng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn điện kim loại.....                        | 60 |
| Bảng 3.11: Tải lượng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn .....                                    | 60 |
| Bảng 3.12: Bảng tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....                              | 62 |
| Bảng 3.13: Bảng nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt .....                               | 62 |
| Bảng 3.15: Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng .....                    | 64 |
| Bảng 3.16: Nguồn phát sinh, mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn theo khoảng cách .....                   | 66 |
| Bảng 3.17: Giới hạn rung của các thiết bị xây dựng công trình.....                                 | 67 |
| Bảng 3.18: Tổng hợp nguồn phát sinh chất thải giai đoạn hoạt động của dự án .....                  | 78 |
| Bảng 3.21: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....                                   | 81 |
| Bảng 3.20: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....                              | 81 |
| Bảng 3.23: Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án..... | 83 |
| Bảng 3.25: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án.....                             | 92 |
| Bảng 3.26: Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM .....                                                | 93 |

**DANH MỤC HÌNH**

|                                                         |    |
|---------------------------------------------------------|----|
| Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án.....                   | 19 |
| Hình 1.2. Quy trình thực hiện dự án.....                | 31 |
| Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa .....           | 87 |
| Hình 3.2. Công nghệ xử lý nước thải bằng Bể Bastaf..... | 88 |

## MỞ ĐẦU

### 1. Xuất xứ của dự án

#### 1.1. Thông tin chung về dự án

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ chung của tỉnh Hưng Yên, huyện Khoái Châu luôn là một trong những đầu tàu kinh tế phát triển nhất tỉnh với rất nhiều lợi thế rõ ràng về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực và kinh tế xã hội. Xã Ông Đình là xã thuộc huyện Khoái Châu, trong những năm gần đây theo xu hướng phát triển kinh tế chung, tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã ngày một đi lên, đời sống nhân dân trong xã ngày một thay đổi và có những bước phát triển mới, kéo theo đó là những yêu cầu cấp thiết xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu phát triển của lực lượng công an xã.

Chính vì vậy, việc thực hiện dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu”, tại xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là điều cần thiết hiện nay nhằm đảm bảo cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu làm việc của lực lượng công an xã theo Đề án bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được UBND tỉnh phê duyệt.

Dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” đã được Hội đồng nhân dân xã Ông Đình phê duyệt tại Nghị quyết số **39/NQ-HĐND ngày 30/10/2022** về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình *Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu*.

Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và căn cứ vào mục 2, 6, cột 2, phụ lục IV, nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án phải lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường, nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt.

Việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” của UBND xã Ông Đình là cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng và vận hành dự án nhằm mục tiêu đánh giá tác động và đưa ra các biện pháp quản lý, xử lý và kiểm soát chất thải phát sinh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình triển khai dự án.

#### 1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Dự án thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư của HĐND xã Ông Đình.

**1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt**

### **1.3.1 Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch vùng**

- Theo Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024:

Với mục tiêu tổng quát của quy hoạch là chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thKhoái Châuuen với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, dự án thuộc loại hình dự án công trình dân dụng, với mục tiêu là xây dựng công trình nhằm đáp ứng cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu làm việc của lực lượng công an xã, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên phát sinh chất thải chỉ từ hoạt động sinh hoạt, làm việc của cán bộ của trụ sở, không phát sinh khí thải, nước thải sản xuất gây ô nhiễm môi trường; nước thải sinh hoạt được xử lý đảm bảo theo QCVN 01:2019/HY và Quyết định số 175/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên, ngoài ra, phân bố không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với QCVN 01:2021/BXD. Do vậy, dự án được đánh giá là chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường nên hoàn toàn phù hợp với mục tiêu tổng quát của Quy hoạch môi trường Quốc gia.

### **1.3.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh**

- Theo Quyết định số 489/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu, chỉ tiêu phát triển như sau:

Đến năm 2030, Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế và trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước; theo hướng trở thành một đô thị thông minh, xanh, môi trường sống tốt; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước; phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên sự phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; thực hiện tốt phòng chống các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Tầm nhìn đến năm 2050, Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thông minh, thành phố giàu đẹp, văn minh, văn hiến hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ những giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến xưa; là nơi đáng sống của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng; là trung tâm kết nối giữa các địa phương trong vùng và cả nước. Các hoạt động kinh tế, xã hội và quản trị của chính quyền vận hành chủ yếu theo phương thức của nền kinh tế số, xã hội số. Các ngành sản xuất, dịch vụ phát triển theo phương thức thông minh với các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0”. Các lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

Dự án được thiết kế có kiến trúc hiện đại, đời sống văn minh, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất của tỉnh Hưng Yên. Khu đất thực hiện dự án có quy hoạch rõ ràng, không chồng lấn, ảnh hưởng tới các dự án xung quanh, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Khoái Châu đã được phê duyệt theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Khoái Châu.

Dự án đi vào hoạt động tạo lên cơ sở hạ tầng đồng bộ, kết nối với các hạ tầng khác đã phê duyệt tạo nên không gian đô thị hiện đại và tạo một diện mạo mới cho khu vực xã Ông Đình phù hợp với Quy hoạch được phê duyệt và định hướng cho sự phát triển của huyện Khoái Châu;

## **2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM**

### ***2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án***

#### **2.1.1. Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết**

##### **► Luật**

- Luật PCCC số 27/2001/QH10 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2001 và có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 22/11/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;
- **Luật số 31/2024/QH15 – Luật Đất đai được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2024;**

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 13/06/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2020;
  - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
  - Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.
  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
  - Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
  - Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2020;
  - **Luật thủy lợi số 08/2017/QH14** Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/6/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2018;
- **Nghị định**
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật phòng cháy chữa cháy;
  - Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
  - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
  - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
  - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
  - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
  - **Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;**

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- **Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.**

► **Thông tư**

- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/ 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;
- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;
- Thông tư số 02/2019/TT-BYT ngày 21/3/2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- Thông tư số 10/2019/TT-BYT ngày 10/6/2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/03/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh;

► **Quyết định**

• Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường;

• Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt đề án “Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

• Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

► **Chỉ thị**

• Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh;

• Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

► **Nghị quyết**

• Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/06/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên tại hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

► **Công văn**

• Công văn số 1384/SNN-TrTr ngày 15/9/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước khi thực hiện dự án xây dựng công trình.

• Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

*2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam*

• **TCXDVN 7957:2023/BXD: Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;**

• **TCVN 13606:2023/BXD: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế;**

• **QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;**

• **TCVN 5738:2021 – Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy tự động – Yêu cầu kỹ thuật;**

• **TCVN 3890:2023 – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí.**

• **TCVN 6707:2009/BTNMT: về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo;**

- Quyết định số 3733:2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

• QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- QCDP 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- TCVN 6707:2009/BTNMT: Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo.
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 08:2023/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

- QCVN 03:2023/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất
- QCDP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp;

## **2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án**

- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của HĐND xã Ông Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu.

- Thông báo số 60/TB-UBND ngày 01/03/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận vị trí xây dựng Trụ sở Công an các xã: Đông Tảo, Bình Minh, Đông Kết, Ông Đình - huyện Khoái Châu; Ngọc Thanh, Vũ Xá – huyện Kim Động; Lạc Đạo - huyện Văn Lâm;

- Quyết định của UBND huyện Khoái Châu về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu’;

- Công văn của UBMTTQ xã Ông Đình về việc ý kiến tham vấn về dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu”;

- Công văn của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc gửi kết quả tham vấn ĐTM của dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu”.

- Công văn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ý kiến tham vấn nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu.

### **2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ đầu tư dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu”.

- Kết quả phân tích hiện trạng chất lượng môi trường do Đơn vị tư vấn đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại khu đất thực hiện dự án trên địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

### **3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường**

Báo cáo ĐTM cho dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” do chủ đầu tư là UBND xã Ông Đình.

#### **a, Cơ quan chủ trì lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: UBND xã Ông Đình**

- Người đại diện: Ông **Vũ Văn Mạnh**

- Chức danh: Chủ tịch UBND xã.

- Địa chỉ trụ sở chính: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

#### **b) Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường DG**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường Giang - Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số 9 Giải phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0383659986/0968933186

Trình tự lập báo cáo theo các bước như sau:

- **Bước 1:** Tiến hành thu thập và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của Dự án đầu tư “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” thu thập các số liệu, tài liệu về điều kiện địa lý, khí hậu, thủy văn, kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực thực hiện dự án.

- **Bước 2:** Khảo sát thực địa, quan trắc, đo đạc, lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường tự nhiên tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.

- **Bước 3:** Trên cơ sở các tài liệu, số liệu thu thập được và các kết quả phân tích về hiện trạng môi trường khu vực, tiến hành lập báo cáo ĐTM cho dự án theo hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- **Bước 4:** Tổng hợp báo cáo và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên chờ thẩm định theo quy định.

- **Bước 5:** Bảo vệ trước hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của tỉnh Hưng Yên.

- **Bước 6:** Chính lý, sửa chữa hoàn chỉnh bản báo cáo ĐTM theo ý kiến đóng góp của hội đồng thẩm định. Xin cấp quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Danh sách những người tham gia trực tiếp lập báo cáo ĐTM như sau:

| TT        | Họ và tên                                                            | Học hàm/<br>học vị | Chuyên ngành                     | Chức vụ/Nội dung phụ trách                                                 | Chữ ký |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------|
| <b>I</b>  | <b>Chủ đầu tư dự án: UBND xã Ông Đình</b>                            |                    |                                  |                                                                            |        |
| 1         | <b>Vũ Văn Mạnh</b>                                                   | Chủ tịch UBND xã   |                                  | Phối hợp thực hiện                                                         |        |
| <b>II</b> | <b>Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường D&amp;G</b> |                    |                                  |                                                                            |        |
| 1         | Nguyễn Tiến Dân                                                      | Thạc sỹ            | Khoa học Môi trường              | Chủ trì, tổng hợp báo cáo Chỉ đạo thực hiện và kiểm soát hồ sơ báo cáo ĐTM |        |
| 2         | Nguyễn Văn Nghiệp                                                    | Kỹ Sư              | Kỹ thuật Công trình dân dụng     | Mô tả các hạng mục xây dựng của dự án                                      |        |
| 3         | Trần Thị Thanh Tâm                                                   | Cử nhân            | Địa kỹ thuật – Địa môi trường    | Tham gia khảo sát                                                          |        |
| 4         | Lại Ngọc Dự                                                          | Cử nhân            | Địa kỹ thuật – Địa môi trường    | Thực hiện báo cáo theo phân công của chủ trì                               |        |
| 5         | Nguyễn Tú Huyền                                                      | Cử nhân            | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | Thực hiện báo cáo theo phân công của chủ trì                               |        |
| 6         | Nguyễn Thị Thu                                                       | Kỹ sư              | Thủy văn học                     | Thực hiện báo cáo theo phân công của chủ trì                               |        |

#### 4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

**Chủ đầu tư:** UBND xã Ông Đình

**Địa điểm xây dựng:** xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo đánh giá tác động môi trường này được hoàn thành dựa trên việc sử dụng 2 nhóm phương pháp sau đây:

#### **4.1. Nhóm phương pháp ĐTM**

- *Phương pháp so sánh*: Kết quả phân tích được so sánh với QCVN hiện hành, nhằm đánh giá chất lượng môi trường nền của dự án. Phương pháp so sánh được sử dụng tại chương II của báo cáo.

- *Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm của WHO*: Đây là phương pháp đánh giá tải lượng các chất ô nhiễm do hoạt động của dự án gây ra dựa trên các hệ số tải lượng đối với lĩnh vực hoạt động. Đây là tài liệu chuẩn được ban hành bởi tổ chức y tế thế giới nên các hệ số đáng tin cậy. Phương pháp này được sử dụng tại chương III của báo cáo.

- *Phương pháp liệt kê*: liệt kê các tác động phát sinh có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án, phương pháp này được sử dụng tại chương III của báo cáo.

#### **4.2. Nhóm các phương pháp khác**

- *Phương pháp thống kê*: nhằm thu thập và xử lý số liệu khí tượng, thủy văn, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án để đánh giá nguy cơ bị ảnh hưởng từ khu vực xưởng tới khu vực dân cư theo các mùa trong năm (chủ yếu đối với thành phần khí thải), và khả năng bị ảnh hưởng của các thành phần môi trường khác như nước ngầm thông qua cấu tạo địa chất của khu vực. Phương pháp được thực hiện tại chương II của báo cáo.

- *Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm*: để xác định hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án. Đây là phương pháp được thực hiện tại hiện trường trong phạm vi của dự án và khu vực lân cận (tiền hành lấy mẫu môi trường nước, không khí, đất) và phân tích tại phòng thí nghiệm để phân tích các thành phần ô nhiễm trong môi trường. Tại phòng thí nghiệm, các chỉ tiêu môi trường được phân tích bằng các phương pháp chuẩn được cơ quan quản lý môi trường đưa ra. Các kết quả phân tích được sử dụng để đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực dự án và khu vực lân cận. Trên cơ sở đó đánh giá được mức độ ảnh hưởng tới khu vực xung quanh do hoạt động của dự án gây ra. Phương pháp này được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng môi trường nền của dự án.

- *Phương pháp lấy ý kiến cộng đồng dân cư qua hình thức họp*: Độ xác thực và hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc nhiều vào phương pháp và cách tiến hành xin ý kiến dân cư. Chủ đầu tư đã gửi công văn tham vấn đến UBND xã Ông Đình xin ý kiến tham vấn. UBND xã tổ chức cuộc họp xin ý kiến cộng đồng chịu tác động trực tiếp của dự án. Đồng thời nó cũng phụ thuộc nhiều vào số lượng đối tượng được lấy ý kiến và sự khác biệt về trình độ nhận thức của họ, do vậy nếu phương pháp này không được thực hiện một cách nghiêm túc, nó sẽ không thể phát huy được hiệu quả và vai trò của mình trong việc đánh giá những tác động đến môi trường. Phương pháp này được thực hiện tại chương V của báo cáo này.

## 5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

### 5.1. Thông tin về dự án

Tên Dự án : Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu

Địa điểm thực hiện dự án : xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Chủ đầu tư : UBND xã Ông Đình

#### \* Mục tiêu, quy mô, công suất và phạm vi dự án

Mục tiêu của dự án: Đáp ứng cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu làm việc của lực lượng công an xã Ông Đình, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Quy mô dự án:

Trụ sở làm việc 2 tầng: Nhà có quy mô 02 tầng, chiều cao công trình 10,65m; chiều cao tầng (3,6m -3,9m). Diện tích sàn xây dựng khoảng 700 m<sup>2</sup>. Diện tích sử dụng đất khoảng 350 m<sup>2</sup>.

Các hạng mục phụ trợ: cổng, tường rào; san nền, sân đường nội bộ, bồn cây, bó vỉa; hệ thống rãnh thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà...

Phạm vi thực hiện dự án:

+ Phạm vi về không gian: Dự án được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 2.076 m<sup>2</sup> trên địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

+ Phạm vi về thời gian: Toàn bộ quá trình thực hiện dự án, bao gồm 03 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

UBND xã Ông Đình chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và quản lý giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án. Sau khi hoàn thiện xây dựng các hạng mục, sang giai đoạn vận hành, UBND xã sẽ bàn giao dự án cho Công an xã Ông Đình chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng.

- Các công việc cần thực hiện tại dự án:

+ San lấp mặt bằng toàn bộ khu đất;

+ Xây dựng các hạng mục công trình;

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của báo cáo này là tập trung đánh giá tác động của dự án *Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu* do UBND xã Ông Đình làm chủ đầu tư: trong giai đoạn xây dựng sẽ tập trung đánh giá tác động của hoạt động san nền, xây dựng các công trình: Khối nhà làm việc 02 tầng, Lán ô tô, xe máy, lán kho vật chứng ngoài trời; xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông nội bộ, cổng, cây xanh, vỉa hè, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước...

#### Bảng 1.1: Quy mô sử dụng đất của dự án

Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình

Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

| STT        | Loại đất                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tầng cao tối đa (tầng) | Tỷ lệ (%)     |
|------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Đất xây dựng</b>                             | <b>580,0</b>                |                        |               |
| 1          | Nhà làm việc công an xã                         | 350                         | 2                      |               |
| 2          | Nhà để xe                                       | 100                         | 1                      |               |
| 3          | Nhà để tang vật                                 | 60                          | 1                      |               |
| 4          | Bể nước ngầm                                    | 50                          |                        |               |
| <b>II</b>  | <b>Đất cây xanh, sân vườn, vỉa hè, thể thao</b> |                             |                        |               |
| <b>III</b> | <b>Đất giao thông nội bộ</b>                    |                             |                        |               |
|            | <b>Tổng diện tích</b>                           | <b>2.076</b>                |                        | <b>100,00</b> |

\* **Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 2.076 m<sup>2</sup>. Theo trích lục khu đất, dự án sẽ thu hồi 2.076 m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa nước.

## 5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Tóm tắt các hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án như sau:

**Bảng 1.2: Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

| Hạng mục công trình/Hoạt động           | Các tác động xấu đến môi trường |      |           |                     |                  |
|-----------------------------------------|---------------------------------|------|-----------|---------------------|------------------|
|                                         | Đất                             | Nước | Không khí | Tài nguyên sinh học | Kinh tế - xã hội |
| <b>I. Giai đoạn xây dựng</b>            |                                 |      |           |                     |                  |
| San nền, hệ thống giao thông            | ++                              | +++  | ++        | +                   | +                |
| Hệ thống cấp, thoát nước mưa, nước thải | +                               | +    | ++        | +                   | +                |
| Hệ thống cấp điện, vỉa hè, xây xanh     | ++                              | ++   | ++        | +                   | +                |
| Hệ thống công trình                     | +                               | +++  | +++       | +                   | +                |
| <b>II. Giai đoạn hoạt động</b>          |                                 |      |           |                     |                  |
| Trụ sở làm việc                         | +                               | +    | +         | +                   | +                |

Ghi chú: +: Ít tác động có hại;

++: Tác động có hại ở mức độ trung bình;

+++ : Tác động có hại ở mức độ cao;

### **5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

#### **\* Giai đoạn xây dựng**

##### *Bụi, khí thải:*

- Bụi phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp mặt bằng: Chủ yếu là bụi từ quá trình phát quang thảm thực vật và bụi từ quá trình đào đất và đắp đất san nền.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, vận chuyển nguyên vật liệu: chủ yếu gồm CO, NO<sub>x</sub>, HC do đốt cháy nhiên liệu, nguồn gây ô nhiễm này ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công: khí thải phát sinh và các chất gây ô nhiễm giống như các phương tiện giao thông vận tải với lượng không lớn và không liên tục.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Công đoạn hàn sử dụng que hàn kim loại khi bị cháy phát sinh ra khói hàn, các chất ô nhiễm CO, NO<sub>x</sub>.

- Bụi từ quá trình tập kết, bốc dỡ tại bãi vật tư: Lượng bụi này phát tán vào môi trường sẽ ảnh hưởng đến chất lượng các thành phần môi trường xung quanh, đồng thời sẽ gây tác động trực tiếp đến công nhân, gây các bệnh về hô hấp, bệnh về mắt,...

- Bụi phát sinh từ quá trình thi công xây dựng: Bụi đất cát sinh khi vận chuyển vật liệu, thi công xây dựng,... Bụi bị cuốn lên từ đường giao thông do phương tiện, gió thổi qua bãi chứa vật liệu xây dựng như xi măng, đất cát...

##### *Nước thải*

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường với lượng thải 0,9 m<sup>3</sup>/ngày.

- **Nước mưa chảy tràn: với tổng lượng nước mưa là 3.338 m<sup>3</sup>/quá trình xây dựng (thời gian xây dựng khoảng 9 tháng).**

- Nước thải thi công: phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng như rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng, phun nền với lượng thải 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.

##### *Chất thải rắn*

- Chất thải rắn sinh hoạt: 6 kg/ngày, phát sinh trong quá trình ăn ở của công nhân như: rau củ quả, thức ăn thừa, nilon, giấy,...

- **Chất thải xây dựng: Tổng lượng chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng là 0,69 tấn;**

- Chất thải nguy hại: bao gồm giẻ lau dính dầu từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận chuyển và thi công trong khu vực dự án, dầu mỡ thải, bao bì thải có chứa thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang hỏng... với tổng khối lượng phát sinh khoảng 211 kg/quá trình xây dựng.

### *Tiếng ồn, độ rung*

- Tác động của tiếng ồn và rung động do sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thi công trên công trường và trên các tuyến giao thông là không thể tránh khỏi. Ở vị trí cách nguồn ồn 15m khi nguồn phát sinh là riêng lẻ hay đồng loạt thì mức ồn vẫn nằm trong TCCP đối với môi trường lao động.

- Rung động trong quá trình thi công chủ yếu là sự hoạt động của các loại máy móc thi công như máy đầm bê tông, máy san ủi, vận chuyển nguyên vật liệu. Mức rung của các máy móc và thiết bị thi công nằm trong khoảng từ 74 – 80 dBA đối với các vị trí cách xa 10 m so với nguồn rung động.

#### **\* Giai đoạn hoạt động**

##### *Bụi, khí thải:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải gồm: Bụi TSP, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>...

- Mùi phát sinh từ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn: mùi do chất thải rắn sinh hoạt tập kết bị phân hủy kỵ khí tạo thành các chất khí như CO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu của dự án: với nguồn nhiên liệu chính sử dụng là gas, khí gas khi đốt sẽ phát sinh ra bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, THC.

##### *Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động là: 1,35 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- **Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng dòng chảy sinh ra do nước mưa trong 1 năm khoảng: 4.451 m<sup>3</sup>/năm.**

##### *Chất thải rắn:*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động công vụ của trụ sở công an xã: khoảng 2 kg/ngày tương đương 0,7 tấn/năm;

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động: 6 kg/ngày tương đương 2,2 tấn/năm;

- Chất thải nguy hại:

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khoảng 8,5 kg/năm.

##### *Tiếng ồn, rung động:*

- Tiếng ồn phát sinh từ các máy điều hòa, máy in,...với mức độ ồn không đáng kể và không thường xuyên.

- Các phương tiện chủ yếu là xe máy, ô tô nên tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các nguồn này là không đáng kể.

## **5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

### **5.4.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí**

**\* Giai đoạn xây dựng**

- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi;
- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm, đặt biển báo, phân vùng cách ly an toàn khu vực thi công;
- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;
- Sử dụng các phương tiện máy móc tự động, không thi công vào thời điểm nắng nóng, chú ý đến hướng gió có ảnh hưởng đến khu vực dân cư;
- Công nhân làm việc phải có đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động.

**\* Giai đoạn vận hành**

- Bụi, khí thải và tiếng ồn từ phương tiện giao thông: Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào, trồng nhiều cây xanh giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho dự án.
- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu: Thiết kế cửa sổ thông gió và bố trí quạt hút khu vực nấu ăn;
- Khí thải từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác tạm thời: Thường xuyên nạo vét cống rãnh thoát nước, định kỳ hút bùn cặn bể tự hoại và vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày để tránh phát tán mùi hôi thối.

**5.4.2. Các công trình và biện pháp xử lý nước thải**

**\* Giai đoạn xây dựng**

Biện pháp xử lý nước thải xây dựng

Chủ dự án xây dựng hố ga lắng cặn nước thải thi công xây dựng với thể tích hố ga là 3 m<sup>3</sup> (3x1x1m), (bên trong hố ga có vật liệu thấm dầu) được xây dựng gần cống ra vào dự án. Nước thải thi công sau lắng được tận dụng để tưới ẩm trong quá trình san lấp để hạn chế bụi nên không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường.

Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Chủ đầu tư thuê 01 nhà vệ sinh di động đặt tại công trường, nhà vệ sinh di động, module nguyên khối, vật liệu composite, có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ, bồn chứa cặn 1.200 lít và bồn nước 2.000 lít.

**\* Giai đoạn vận hành**

Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt được thu gom về xử lý tại Bể Bastaf trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là **hệ thống rãnh thoát nước hiện có, chạy dọc theo trục đường giao thông phía Tây khu đất** dự án.

Nước thải sau xử lý cam kết đạt quy chuẩn hiện hành.

Tóm tắt sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt:

Dự án đầu tư bể tự hoại cải tiến Bastaf dung tích 5 m<sup>3</sup> để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh. Để đảm bảo nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường. Đơn vị sử dụng, vận hành dự án sẽ tăng

cường hiệu quả xử lý của bể bastaf bằng cách thường xuyên bổ sung chế phẩm sinh học vào bể để tăng hiệu quả xử lý (tần xuất 03 tháng/lần) và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn cặn bể Bastaf thường xuyên mang đi xử lý theo quy định (tần xuất 01 năm/lần).

#### **5.4.3. Công trình lưu giữ chất thải**

##### **\* Giai đoạn xây dựng**

Chủ dự án bố trí các thùng chứa bằng nhựa chuyên dụng có nắp đậy tại khu đất gần cổng ra vào của dự án để lưu giữ tạm thời chất thải rắn xây dựng và chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

##### **\* Giai đoạn hoạt động**

Trong quá trình hoạt động của dự án, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt cán bộ làm việc tại dự án, chủ dự án sẽ bố trí sử dụng 02 xe rác đẩy tay với dung tích 1,5 m<sup>3</sup>/1 xe để thu gom toàn bộ chất thải phát sinh của dự án. Cuối ngày làm việc sẽ được cán bộ đưa xe chở rác ra phía trước cổng của dự án và được đội vệ sinh môi trường xã thu gom vận chuyển trong ngày đi xử lý theo quy định.

Đối với CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án phát sinh ít, được thu gom và phân loại. Sau đó, sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

#### **5.4.4. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

##### **\* Giai đoạn xây dựng**

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông và giờ cao điểm.

- Các công nhân xây dựng sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt;

- Ngoài ra, các phương tiện vận tải hạng nặng sẽ được quản lý tốt trong khi vận chuyển vật liệu xây dựng trong vùng đô thị để giảm phát sinh tiếng ồn.

- Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung nêu trên sẽ cho phép môi trường tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép theo quy định của:

QCVN 26:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn);

QCVN 27:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung);

##### **\* Giai đoạn hoạt động**

- Hoạt động của các phương tiện giao thông: Hạn chế sử dụng còi xe khi lưu thông trên mặt bằng sân, đường nội bộ khu dự án; trồng và chăm sóc cây xanh tại các khu vực theo quy hoạch;

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án với loại cây, mật độ và diện tích

nêu trên.

- Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung nêu trên sẽ cho phép môi trường tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép theo quy định của:

QCVN 26:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn);

QCVN 27:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung);

#### **5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án**

##### **\* *Giám sát giai đoạn thi công xây dựng:***

\* Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại vị trí xây dựng Trụ sở Công an xã Ông Đình;

- Thông số giám sát: Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió), bụi, SO<sub>2</sub>,

CO, NO<sub>2</sub>;

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong quá trình xây dựng;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT;

\* Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại của dự án;

- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;

- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình xây dựng và định kỳ 06 tháng tổng hợp báo cáo 01 lần.

##### **\* *Giám sát trong giai đoạn vận hành của dự án***

- *Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm*

Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát mẫu nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

- *Giám sát trong giai đoạn vận hành thương mại*

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Vị trí: Điểm tập kết, trung chuyển chất thải;

+ Thông số giám sát: Tổng hợp khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn phát sinh;

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày;

Việc quản lý chất thải của dự án tuân thủ theo các quy định:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

---

## Chương 1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

### 1.1. Thông tin về dự án

#### 1.1.1. Tên dự án

Tên Dự án : Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu

Địa điểm thực hiện dự án : xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

#### 1.1.2. Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư : UBND xã Ông Đình

Địa chỉ trụ sở chính : xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Nghị quyết : Số 39/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của HĐND xã Ông Đình

Người đại diện theo pháp luật : Ông Cao Việt Hoàng – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã

- Nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư của dự án là 14.980.000.000 đồng, trong đó: Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 2.500.000.000 đồng, ngân sách huyện hỗ trợ, còn lại là Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tiến độ thực hiện dự án:

Theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của HĐND xã Ông Đình thì tiến độ thực hiện hiện dự án được thực hiện như sau:

+ Năm 2024 – 2026: Giai đoạn thực hiện dự án;

+ Năm 2026: Giai đoạn vận hành dự án.

#### 1.1.3. Vị trí địa lý dự án

- Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu thực hiện trên khu đất có diện tích 2.076 m<sup>2</sup> trên địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Vị trí địa lý của toàn bộ khu đất quy hoạch cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp đất canh tác;

+ Phía Tây giáp đường giao thông liên xã;

+ Phía Bắc giáp đất canh tác.

+ Phía Nam giáp trường mầm non.



Hình 1.1. Vị trí khu đất thực hiện dự án

Bảng 1.1. Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°) các điểm mốc của dự án

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**\* Vị trí xả thải dự kiến:** Tọa độ vị trí xả nước thải của dự án thải vào hệ thống rãnh thoát nước hiện có, chạy dọc theo trục đường giao thông phía Tây khu đất dự án (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°):

**X=2305568 ; Y= 559499**

Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là hệ thống rãnh thoát nước hiện có, chạy dọc theo trục đường giao thông phía Tây khu đất dự án, thuộc địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của dự án là sông Từ Hồ Sài Thị.

**\* Môi trường xung quanh dự án với các đối tượng xung quanh:**

- **Giao thông khu vực:**

Hệ thống đường giao thông của xã Ông Đình quanh khu vực dự án đều được bê tông hóa khắp các khu dân cư theo nhiều hướng khác nhau thuận lợi cho việc di chuyển của người dân tới dự án.

- **Sông ngòi:** Lưu vực sông gần khu vực dự án là sông Từ Hồ Sài Thị, xung quanh dự án là đất canh tác nên có 1 số ruộng nội đồng nhỏ.

- *Di tích văn hoá - lịch sử:* Trong khu vực dự án không có công trình kiến trúc, công trình Quốc gia và di tích lịch sử văn hoá.

- *Dân cư:*

Về phía Đông Bắc cách khoảng 150m, về phía Bắc cách dự án khoảng 250m là khu dân cư hiện hữu của xã. Về phía Đông, Đông Nam cách khoảng 250m qua sông Từ Hồ Sài Thị là khu dân cư hiện hữu chạy dọc bên sông Từ Hồ Sài Thị. Hiện trạng chưa đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thoát nước mưa và nước thải chưa phân tách riêng biệt.

Thực hiện Quyết định số 175/QĐ-UBND, UBND xã Ông Đình đang trong quá trình tiến hành rà soát, bố trí điểm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn. Tuy nhiên tính tới thời điểm hiện tại, trên địa bàn xã vẫn chưa quy hoạch bố trí được vị trí phù hợp để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

Nằm cách dự án về phía Đông Bắc khoảng 600m là khu đất quy hoạch thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ông Đình, huyện Khoái Châu do UBND xã Ông Đình làm chủ đầu tư đang triển khai hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật. Theo quy hoạch đã được phê duyệt thì dự án sẽ đầu tư xây lắp 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án.

Tuy nhiên do khoảng cách của 2 dự án khá xa, bên cạnh đó nằm giữa hai dự án là đường ĐT.200 nên phương án kết nối nước thải từ dự án Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ông Đình, huyện Khoái Châu là không khả thi.

Theo quy định, nước thải phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Do đó, dự án sẽ xây dựng 01 bể Bastaf 5 ngăn để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của trụ sở và thiết kế đường ống chờ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải khi xã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

#### **1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án**

\* *Hiện trạng sử dụng đất, đất mặt nước của dự án*

Khu đất hiện trạng 100% là đất chuyên trồng lúa nước.

Trong diện tích thu hồi đất không có đất ở của các hộ dân nên dự án không phải tiến hành di dân, tái định cư.

Ngoài ra, trong khu đất thực hiện dự án không có ngôi mộ nào, không có ao hồ thuộc danh mục ao hồ cấm san lấp theo quy định của UBND tỉnh và không có rác thải tồn đọng.

#### **1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Cách dự án về phía Đông và phía Bắc khoảng 250m là khu dân cư hiện hữu của xã Ông Đình. Cách dự án về phía Đông khoảng 400m là trạm y tế xã Ông Đình, cách khoảng 250m về phía Tây Bắc là trường THCS Ông Đình.

**Yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng

Yên: Đất nông nghiệp trồng lúa theo vụ chiếm tỷ lệ là 100% tổng diện tích khu đất thực hiện dự án.

Ngoài ra, khu trên khu đất thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm như: đền chùa, di tích,... nên dự án rất thuận lợi trong việc giải phóng mặt bằng.

#### **1.1.4. Mục tiêu, quy mô công suất, công nghệ và loại hình dự án**

*Mục tiêu của dự án:* Đáp ứng cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu làm việc của lực lượng công an xã Ông Đình, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

- Quy mô đầu tư:

Trụ sở làm việc 2 tầng: Nhà có quy mô 02 tầng, chiều cao công trình 10,65m; chiều cao tầng (3,6m -3,9m). Diện tích sàn xây dựng khoảng 700 m<sup>2</sup>. Diện tích sử dụng đất khoảng 350 m<sup>2</sup>.

Lán kho vật chứng ngoài trời; Nhà để xe.

Các hạng mục phụ trợ: công, tường rào; sân nền, sân đường nội bộ, bồn cây, bó vỉa; hệ thống rãnh thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà...

Các hạng mục công trình do UBND xã Ông Đình làm chủ đầu tư để thực hiện dự án *Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu* trên địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, bao gồm:

- Phạm vi thực hiện dự án: Toàn bộ quá trình thực hiện dự án bao gồm 03 giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị: thực hiện giải phóng mặt bằng, hoàn thiện các thủ tục pháp lý.
- Giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án: thực hiện thi công các hạng mục công trình hạ tầng.
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: vận hành trụ sở làm việc.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của của báo cáo này là tập trung đánh giá tác động của dự án *Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu* do UBND xã Ông Đình làm chủ đầu tư: trong giai đoạn xây dựng sẽ tập trung đánh giá tác động của hoạt động san nền, xây dựng các công trình và các công trình phụ trợ khác, xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông nội bộ, cây xanh, vỉa hè, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước.

UBND xã Ông Đình chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và quản lý giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án. Sau khi hoàn thiện xây dựng các hạng mục, sang giai đoạn vận hành, UBND xã sẽ bàn giao dự án cho Công an xã Ông Đình chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng.

- Các công việc cần thực hiện tại dự án trong giai đoạn xây dựng:

+ San lấp mặt bằng (với diện tích là 2.076 m<sup>2</sup>);

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm: đường giao thông, cấp điện và chiếu sáng,

cấp thoát nước, cây xanh cảnh quan, cổng, tường rào, bể nước.

\* Loại hình dự án: dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng.

## 1.2. Các hạng mục công trình của dự án

### 1.2.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

Cơ cấu các hạng mục công trình của dự án được trình bày tại bảng sau:

**Bảng 1.3: Các hạng mục công trình của dự án**

| STT        | Loại đất                                            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tầng cao tối đa (tầng) | Tỷ lệ (%)     |
|------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Đất xây dựng</b>                                 | <b>580,0</b>                |                        | <b>23,26</b>  |
| 1          | Nhà làm việc công an xã                             | 350                         | 2                      |               |
| 2          | Lán để xe máy                                       | 40,0                        | 1                      |               |
| 3          | Lán để ô tô; lán kho vật<br>chứng ngoài trời        | 120,0                       | 1                      |               |
| 4          | Bể nước sinh hoạt, PCCC                             | 35,0                        |                        |               |
| <b>II</b>  | <b>Đất cây xanh, sân vườn,<br/>vĩa hè, thể thao</b> |                             |                        |               |
| <b>III</b> | <b>Đất giao thông nội bộ</b>                        |                             |                        |               |
|            | <b>Tổng diện tích</b>                               | <b>2.076</b>                |                        | <b>100,00</b> |

### 1.2.2. Các giải pháp kỹ thuật công trình

\* Các hạng mục đầu tư xây dựng như sau:

- Khối nhà làm việc 02 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 700 m<sup>2</sup>.
- Một số hạng mục phụ trợ: Lán xe máy, ô tô; Sân thể thao; lán kho vật chứng ngoài trời; sân nền, cổng, tường rào, sân, đường; hệ thống rãnh thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng, thiết bị...

- Hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

\* Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Sân nền với tổng diện tích là 2.076 m<sup>2</sup>;
- Đường giao thông;
- Cấp nước;
- Thoát nước mưa, nước thải và vệ sinh môi trường;
- Cấp điện; Chiếu sáng;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Cây xanh cảnh quan;

#### a/ Sân nền:

Dự án thực hiện sân nền diện tích 2.076 m<sup>2</sup>, Sân nền bằng cát nền độ đầm chặt K90.

• Trong quá trình thi công xây dựng, trước khi san nền dự án tiến hành bóc lớp đất hữu cơ bề mặt với chiều dày bóc là 0,2m. Khối lượng đất bóc là:

$$V = S_{\text{đất lúa}} \times 0,2 = 2.076 \times 0,2 = 493,7 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đất bóc hữu cơ được tận dụng để đắp bù các khu vực đất cây xanh, vỉa hè, sân vườn của dự án. Trong đó, diện tích cây xanh, vỉa hè, sân vườn của dự án là 388 m<sup>2</sup>, chiều cao đất đắp tại khu vực đất cây xanh là 1,97m.

$$\text{Khối lượng đất cần đắp khu vực này là: } 388 \times 1,97 = 764,4 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Như vậy, lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của dự án được tận dùng hoàn toàn để bù đắp đất cây xanh, vỉa hè, sân vườn của dự án.

\* Cát san nền

Dự án sẽ thực hiện đắp cát trung bình trên toàn khu vực đất dự án với chiều cao trung bình 1,97 m. Khối lượng cát đen san nền cần sử dụng cho san nền:

$$\begin{aligned} V_{\text{cát đắp}} &= S \times h_{\text{cát đắp tb}} - V_{\text{đất đắp diện tích cây xanh}} \\ &= 2.076 \times 1,97 - 493,7 = 4.418,5 \text{ m}^3 \end{aligned}$$

Vật liệu dùng để san lấp của dự án là cát đen. Ngoài ra nếu nguồn nguyên liệu cát đen không đủ, chủ đầu tư sử dụng vật liệu san nền và các vật liệu, khác đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**b/ Nhà làm việc:**

- Giải pháp kiến trúc:

Công trình 02 tầng: tầng một cao 3,9m; tầng hai cao 3,6m; diện tích xây dựng khoảng 700m<sup>2</sup>. Giao thông ngang nhà là hành lang rộng 1,88m nối liền giao thông đứng là cầu thang bộ rộng 3,38m

Công trình sử dụng ngôn ngữ kiến trúc, hình khối công trình khoẻ khoắn, đường nét đơn giản, vật liệu, màu sắc nhẹ nhàng trang nhã tạo nên tính văn hóa đặc trưng cho công trình an ninh, đảm nhận vai trò là công trình chủ đạo trong tổng thể.

- Giải pháp kết cấu:

Nền, móng: Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát địa chất, đơn vị tư vấn đưa ra phương án kết cấu móng sử dụng giải pháp kết cấu móng băng giao thoa BTCT đá 2x4 mác M250 chịu lực, cổ móng xây gạch XMCL đặc, vữa XM M75; Gia cố nền móng bằng đệm cát dày 1,5m.

Thân nhà: Dùng giải pháp kết cấu tường gạch chịu lực, tường xây gạch XMCL đặc, vữa XM M50; Dầm, sàn nhà sử dụng bê tông đá 1x2 M250. Chống nóng bằng mái tôn sóng vuông dày 0,42mm màu đỏ, trên hệ xà gồ thép U80x40x3, được đặt trên hệ tường thu hồi 110 hỗ trợ 220.

- Giải pháp cấp thoát nước:

Thoát nước mái bằng ống PVC, thoát nước mặt được đưa vào hệ thống rãnh thoát nước có tấm đan xung quanh công trình, sau đó được đưa ra hệ thống thoát nước

chung. Thoát nước WC bằng ống PVC xuống bể phốt sau đó được đưa vào hệ thống rãnh thoát nước có tấm đan xung quanh công trình thoát ra hệ thống thoát nước chung.

Cấp nước cho công trình: Sử dụng nguồn nước từ mạng cấp nước sạch của khu vực cấp lên bể nước đặt trên mái nhà sau đó cấp xuống các khu vệ sinh.

- Giải pháp cấp điện:

Điện cấp cho hạng mục công trình có cấp điện áp 220V được lấy từ nguồn điện hạ thế của khu vực, đường điện trực nhà dùng loại cáp CU/XLPE/PVC; 2x10mm<sup>2</sup>.

Dây ra đèn và quạt dùng loại CU/PVC/PVC 2x1.5mm<sup>2</sup>, dây ra ổ cắm dùng loại CU/PVC/PVC 2x2.5mm<sup>2</sup>. Toàn bộ dây dẫn điện được đi âm tường, trần và được luôn trong ống gen nhựa.

Các ổ cắm, công tắc, tủ điện được bố trí ở độ cao 1,5m từ sàn và đặt âm tường.

Đèn chiếu sáng và quạt trần được lắp đặt treo trên trần.

Riêng phòng tạm giữ toàn bộ ổ cắm, công tắc được bố trí ở ngoài, trong phòng chỉ có bóng đèn được gia cường chống tự sát.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Bậc chịu lửa: bậc III.

Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu xây dựng về phòng cháy, chữa cháy theo tiêu chuẩn TCVN2622:1978.

Thiết kế đảm bảo việc liên hệ thuận tiện và thoát hiểm nhanh chóng kịp thời.

Công trình trang bị các phương tiện chữa cháy tại chỗ, tại các khu đầu hành lang, sảnh, nút giao thông nội bộ có các bình bột ACB.MZF-8, bình khí ACB.MZF-4.

- Hoàn thiện công trình:

\* Trát tường trong, ngoài bằng vữa XM M50, dày 1,5cm. Trát xà dầm, trần, cột bằng vữa XM M75, dày 1,5cm.

\* Tường trong và ngoài nhà lăn sơn 3 nước màu vàng sáng, trần màu trắng.

\* Nền lát gạch Ceramic KT 400x400 sáng màu.

- Tam cấp, bậc cầu thang trát Granito.

- Cửa công trình dùng cửa nhôm hệ, kính trắng dày 6,38mm, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ; Riêng cửa phòng tạm giữ và phòng kho là cửa Pano đặc gỗ dổi; Cửa đi phòng tạm giữ có thêm 1 lớp cửa inox.

### **1.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường**

#### **a, Thoát nước mưa**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo dạng xương cá, nước mưa sẽ được thu gom từ bề mặt vào các giếng hàm ếch đặt trên sân với khoảng cách 40m đến 50m một giếng. Độ dốc trung bình của sân là 0,04% theo độ dốc san nền.

- Mạng lưới mương thoát nước mưa chính là đường rãnh B300, được bố trí trong khu vực. Nước mưa được thu gom bằng các hố gia thu nước ven đường bằng

BTCT có nắp (khoảng cách trung bình 25-30m), có lưới chắn rác, rồi đổ vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

- Đường ống được chôn sâu trung bình từ 0,7 đến 1,2m, độ dốc là  $i=0,017\%$ .

Thoát nước mưa sử dụng đường ống D150, dài 180m..

Ga cho công dùng các loại ga như: Ga thu nước mưa bằng BTCT có cửa thu theo kiểu cửa thu mặt đường và giếng thăm tường xây gạch, đáy bê tông, nắp bằng BTCT. Cửa xả xây bằng đá hộc vữa xi măng.

#### **b, Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

*Phương án thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

Hệ thống thoát nước thải được quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa thoát nước thải sinh hoạt và thoát nước mưa.

*Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ và nước thải nhà vệ sinh sẽ được thu gom về xử lý tại bể Bastaf trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Độ dốc của cống thoát nước được thiết kế sao cho vận tốc nước thải đủ lớn để đảm bảo khả năng tự làm sạch của cống và không nhỏ hơn  $1/D$  (D: đường kính của cống thoát nước).

*Hệ thống thu gom chất thải rắn:*

Trong quá trình hoạt động của dự án, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt cán bộ làm việc tại dự án, chủ dự án sẽ bố trí sử dụng 02 xe rác đẩy tay với dung tích  $1,5\text{ m}^3/1$  xe để thu gom toàn bộ chất thải phát sinh của dự án. Cuối ngày làm việc sẽ được cán bộ đưa xe chở rác ra phía trước cổng của dự án và được đội vệ sinh môi trường xã thu gom vận chuyển trong ngày đi xử lý theo quy định.

Đối với CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án phát sinh ít, được thu gom và phân loại. Sau đó, sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

*Hệ thống PCCC:*

- Hệ thống báo cháy: Để đảm bảo việc báo cháy cho công trình, công trình sử dụng hệ thống báo cháy thông thường bao gồm các đầu báo khói và tủ điều khiển báo cháy. Các đầu báo cháy được nối với nhau theo từng vùng. Việc bố trí và lắp đặt các đầu báo khói đảm bảo theo tiêu chuẩn của PCCC. Tủ báo cháy được lắp ở khu vực có người trực 24/24h, như nhà thường trực. Để đảm bảo cho việc thoát hiểm khi có sự cố xảy ra, công trình được thiết kế hệ thống chiếu sáng dẫn hướng thoát hiểm và chiếu sáng thoát hiểm bằng các bộ đèn có pin tại chỗ đặt tại chiếu sáng tại các lối ra như sảnh chính, hành lang.

Trụ cứu hỏa được bố trí trên các đoạn ống có đường kính  $DN \geq 100\text{ mm}$ . Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 100-120m. Nên đặt tại các ngã 3,4,5...vv. Tiện cho xe đi lại lấy nước khi có cháy xảy ra.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm: Bộ phận điều khiển, bộ phận cung ứng, dự trữ chất chữa cháy, bộ phận phân bố chất chữa cháy và đầu phun, lăng phun, bộ phận đường ống.

+ Giải pháp kết hợp bể nước sinh hoạt và bể nước PCCC dùng chung, phần nổi tận dụng một phần mặt bể xây nhà để máy bơm nước sinh hoạt và máy bơm PCCC

+ Bể sử dụng kết cấu bê tông đổ toàn khối để đảm bảo chứa được dung tích lớn và không bị thấm lút trong quá trình vận hành.

- Hệ thống đường nội bộ bên trong và bên ngoài: được thông suốt, đảm bảo theo đúng quy định về PCCC.

#### **1.2.4. Các hoạt động của dự án**

+/**Trong giai đoạn xây dựng dự án** bao gồm các hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; san nền; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu; tiến hành thi công xây dựng các hạng mục công trình cho dự án:

+ Xây dựng các hạng mục trụ sở làm việc, lán xe máy, lán xe ô tô, lán kho vật chứng để ngoài trời và các hạng mục phụ trợ.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước và PCCC;

+ Lắp đặt hệ thống chiếu sáng ngoài nhà;

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa;

+ Và các hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

+/**Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành** sẽ diễn ra các hoạt động làm việc, sinh hoạt của cán bộ chiến sỹ, hoạt động của người dân ra vào trụ sở công an và hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

#### **1.2.5. Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học, công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn**

Dự án không có các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học, công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, bồi lắng nhiễm mặn, nhiễm phèn do dự án thực hiện tại khu vực có địa hình bằng phẳng, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp.

#### **1.2.6. Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, các công trình bảo vệ môi trường khác**

Dự án thực hiện xây dựng công trình dân dụng – trụ sở và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ đi kèm nên không có công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và công trình bảo vệ môi trường khác.

#### **1.2.7. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

\* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phát quang, đào đắp, san lấp mặt bằng: Việc vận chuyển vật liệu đất đắp dùng để san lấp, vận chuyển đất đào hữu cơ đổ thải, san gạt, đầm nén các hoạt động này làm phát sinh lượng bụi và khí thải vào môi trường. Làm ảnh hưởng tới các phương tiện tham gia giao thông và người dân sinh sống dọc các tuyến đường mà xe vận chuyển đi qua.

- Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án: san nền, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng gây tác động chủ yếu đến môi trường không khí xung quanh và dọc tuyến đường vận chuyển chính của dự án;

- Sinh hoạt của công nhân: Chất thải của công nhân tác động chủ yếu đến môi trường đất và nước mặt khu vực.

\* Các hoạt động khi Dự án đi vào hoạt động:

Nước thải và chất thải rắn phát sinh từ dự án trong quá trình hoạt động nếu không được tổ chức thu gom, xử lý và kiểm soát chặt chẽ không chỉ gây ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ chiến sỹ trong dự án mà còn tác động đến môi trường xung quanh và khu dân cư lân cận

#### 1.2.8. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc sử dụng trong thi công được hợp đồng với các đơn vị thi công và đơn vị tự thực hiện. Máy móc, thiết bị được sử dụng là các loại đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, nhà thầu sử dụng các thiết bị chuyên dụng cho việc xây dựng dự án.

**Bảng 1.4: Thiết bị chính phục vụ giai đoạn xây dựng và hoạt động của dự án**

| TT        | Tên thiết bị                                  | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng hoạt động |
|-----------|-----------------------------------------------|--------|----------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Giai đoạn san lấp</b>                      |        |          |                      |
| 1         | Máy đào một gầu bánh xích 1,25 m <sup>3</sup> | Chiếc  | 03       | Hoạt động tốt        |
| 2         | Máy lu bánh thép tự hành 12T                  | Chiếc  | 04       | Hoạt động tốt        |
| 3         | Máy lu bánh hơi tự hành 16T                   | Chiếc  | 02       | Hoạt động tốt        |
| 4         | Máy đầm rung                                  | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 5         | Máy ủi 110CV                                  | Chiếc  | 02       | Hoạt động tốt        |
| 6         | Ô tô tự đổ                                    | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| <b>II</b> | <b>Giai đoạn xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>    |        |          |                      |
| 1         | Máy đầm bê tông, đầm dùi                      | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 2         | Máy đầm đất cầm tay                           | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 3         | Máy lu rung 15T                               | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |

| TT         | Tên thiết bị                               | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng hoạt động |
|------------|--------------------------------------------|--------|----------|----------------------|
| 5          | Máy rải cấp phối đa dăm                    | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 6          | Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa               | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 7          | Máy trộn bê tông                           | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 8          | Ô tô tự đổ                                 | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| 9          | Cần cẩu bánh hơi 6 tấn                     | Chiếc  | 01       | Hoạt động tốt        |
| <b>III</b> | <b>Giai đoạn hoạt động của dự án</b>       |        |          |                      |
| 1          | Hệ thống điều hòa không khí                | HT     | 01       | Hoạt động tốt        |
| 2          | Hệ thống thông tin liên lạc, camera        | HT     | 01       | Hoạt động tốt        |
| 3          | Hệ thống tủ điện                           | HT     | 01       | Hoạt động tốt        |
| 4          | Hệ thống trang, thiết bị phục vụ công việc | HT     | 01       | Hoạt động tốt        |

(Nguồn: Đơn vị thi công xây dựng)

### 1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

#### 1.3.1. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng

Nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng chính bao gồm: gạch, cát, đá, xi măng, bê tông tươi... phục vụ cho giai đoạn san lấp, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật của dự án.

**Bảng 1.5: Tổng hợp khối lượng vật liệu xây dựng cho các hạng mục công trình**

| STT | Tên vật tư                                  | Đơn vị         | Khối lượng | Quy đổi sang đơn vị tấn |
|-----|---------------------------------------------|----------------|------------|-------------------------|
| 1   | Vật liệu san nền đảm bảo quy định (cát đen) | m <sup>3</sup> | 4418.5     | 5744.1                  |
| 2   | Cát vàng                                    | m <sup>3</sup> | 518.6      | 674.8                   |
| 3   | Cọc tre                                     | cái            | 1774.8     | 2.7                     |
| 4   | Cột chống thép ống                          | Kg             | 3569.0     | 3.6                     |
| 5   | Đá 1x2, 2x4 ,4x6                            | m <sup>3</sup> | 139.6      | 173.2                   |
| 6   | Dây thép                                    | Kg             | 128.0      | 0.1                     |
| 7   | Đinh                                        | Kg             | 21.2       | 0.0                     |
| 8   | Gạch lát 300x300mm                          | m <sup>2</sup> | 247.7      | 6.3                     |
| 9   | Gạch lát 600x600mm                          | m <sup>2</sup> | 124.4      | 5.6                     |
| 10  | Gạch bê tông xi măng 6,0 x10,5 x22cm        | viên           | 18334.5    | 27.5                    |

|     |                |                |          |         |
|-----|----------------|----------------|----------|---------|
| 111 | Thép tấm       | Kg             | 325.4    | 0.3     |
| 12  | Thép tròn      | Kg             | 77588.8  | 77.6    |
| 13  | Giáo thép      | Kg             | 126.6    | 0.1     |
| 10  | Gỗ các loại    | m <sup>3</sup> | 4.1      | 0.8     |
| 11  | Xi măng PCB 40 | Kg             | 208212.2 | 208.3   |
| 12  | Vật liệu khác  | Tấn            | 5.1      | 5.1     |
|     | <b>Tổng</b>    |                |          | 6.930,1 |

(Nguồn: Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư)

**\* Nguồn cung cấp nguyên liệu**

Trong quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công. Trong đó, nhà thầu thi công sẽ chứng minh nguồn vật tư cung cấp kịp thời cho công trình, đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ. Từ đó, chủ đầu tư sẽ lựa chọn nhà thầu thi công phù hợp. Việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng được nhà thầu thi công nghiêm túc thực hiện, ưu tiên lựa chọn nguồn cung cấp vật tư là các Công ty liên doanh, các cơ sở dự án sản xuất có sẵn tại Hưng Yên và các vùng lân cận như Hà Nội, Hải Dương,...

**\* Nhu cầu sử dụng điện, nước, nhiên liệu**

**- Nhu cầu sử dụng điện**

Nguồn điện phục vụ thi công xây dựng được lấy từ điểm đấu nối tại hàng rào của dự án. Điểm đấu nối do điện lực Khoái Châu cung cấp. Điện chủ yếu phục vụ thi công và vận hành một số máy móc thi công.

**- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt**

Dự án sử dụng nước sạch được cung cấp bởi Nhà máy cấp nước Hồng Quang.

+ Việc tuyển dụng công nhân xây dựng sẽ tăng cường sử dụng nhân lực địa phương.

Số lượng công nhân giai đoạn thi công xây dựng là 20 người

Với định mức sử dụng nước là 45 lít/người.ngày (không nấu ăn) thì lượng nước cần cấp sẽ khoảng  $(20 \times 45 / 1000) = 0,9$  (m<sup>3</sup>/ngày đêm).

+ Nhu cầu sử dụng nước cho thi công xây dựng khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Nhu cầu sử dụng nhiên liệu**

+ Dầu Diesel loại 0,001S sử dụng cho phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi, máy lu, ... đây là nhiên liệu sử dụng chủ yếu, ước khoảng 10kg/h.

+ Xăng E92 sử dụng cho máy đầm cóc (chỉ sử dụng khi đầm đất san gạt, khu vực có diện tích và góc nhỏ), đây là loại nhiên liệu sử dụng với số lượng tương đối ít.

**1.3.2. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn vận hành**

Nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là điện, nước phục vụ sinh hoạt cho cán bộ nhân viên làm việc tại dự án.

**\*) Nhu cầu sử dụng điện**

- Nguồn cung cấp: Nguồn điện cung cấp cho dự án lấy từ điện lực Khoái Châu cung cấp.

**\*) Nhu cầu sử dụng nước**

Dự án sử dụng nước sạch được cung cấp bởi Nhà máy cấp nước Hồng Quang.

- Nhu cầu sử dụng nước: Khi dự án đi vào hoạt động, nhu cầu sử dụng nước của dự án gồm:

Lượng nước dùng trong sinh hoạt tính như sau:

+ Nước cấp cho CBCNV thuộc Công an xã Ông Đình: 100 lít/người/ngày số lượng cán bộ tối đa là 12 người.

+ Nước cấp cho khách ra vào trụ sở: 5 lít/người; ước tính số lượng khách ra vào dự án là 30 người/ngày;

Cụ thể được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 1.6: Nhu cầu tiêu thụ nước của Dự án trong giai đoạn vận hành**

| STT         | Nhu cầu cấp nước   | Đơn vị | Số lượng | Tiêu chuẩn cấp nước |             | Nhu cầu dùng nước (m <sup>3</sup> /ng.đ) |
|-------------|--------------------|--------|----------|---------------------|-------------|------------------------------------------|
| 1           | Nước cấp cho CBNV  | Người  | 12       | 100                 | L/người-ngđ | 1,2                                      |
| 2           | Nước cấp cho khách | Người  | 30       | 5                   | L/người-ngđ | 0,15                                     |
| <b>Tổng</b> |                    |        |          |                     |             | <b>1,35</b>                              |

**1.4. Quy trình thực hiện dự án**

Quy trình thực hiện dự án trải qua 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn vận hành. Trong mỗi một giai đoạn thì các tác động mà dự án gây ra cho các đối tượng chịu tác động xung quanh dự án là khác nhau.

**\* Giai đoạn chuẩn bị:**

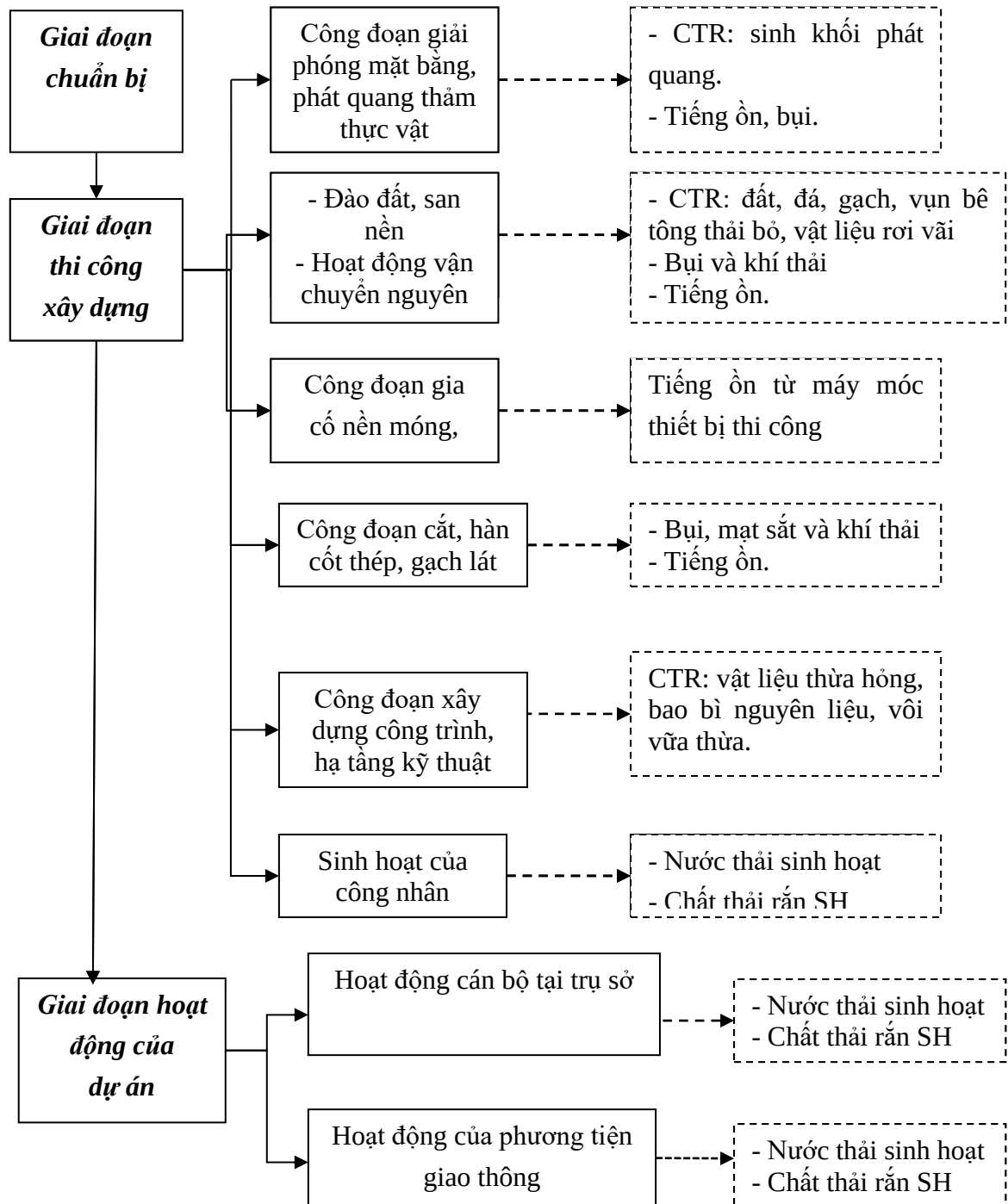
Chủ dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị công tác đền bù và giải phóng, san lấp mặt bằng.

**\* Giai đoạn xây dựng:**

- UBND xã Ông Đình là chủ đầu tư dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu”. Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng cơ sở hạ tầng theo đúng thiết kế kỹ thuật được phê duyệt, bao gồm san nền, xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng, xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng kỹ thuật và trong giai đoạn vận hành dự án. Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu thi công và đơn vị tư vấn giám sát theo đúng các quy định. Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định hiện hành của pháp luật.

\* *Giai đoạn vận hành:* Sau khi xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, UBND xã Ông Đình sẽ bàn giao lại cho Công an xã Ông Đình trực tiếp vận hành và quản lý trực tiếp các hạng mục công trình hạ tầng và hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định chung.

Quy trình thực hiện dự án được cụ thể hóa qua sơ đồ dưới đây:



**Hình 1.2. Quy trình thực hiện dự án**

## 1.5. Biện pháp tổ chức thi công

### 1.5.1. Giai đoạn thi công

#### 1.5.1.1. Tổ chức thi công

##### Bố trí mặt bằng

Mặt bằng thi công được bố trí gọn gàng, tiết kiệm diện tích công trường. Các loại vật tư, máy móc bố trí hợp lý, đảm bảo không chông chéo các hoạt động thi công vệ sinh vật liệu và sử dụng tối đa công suất máy móc thiết bị.

Tối thiểu hóa việc di chuyển máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và các công trình tạm để tiết kiệm vật liệu thi công.

Trên cơ sở đó, mặt bằng công trường cần bố trí đầy đủ, hợp lý các khu vực phục vụ thi công như: kho vật tư, thiết bị lắp đặt; khu vực để thiết bị thi công, chỗ tập kết thép, cá đá gạch, vật liệu, khu gia công chế tạo thép, chỗ vệ sinh cho cán bộ công nhân trong công trường...

Giao thông vận chuyển nguyên vật liệu đến công trường:

+ Vật liệu xây dựng: Sử dụng xe tải vận chuyển trên tuyến đường trục của huyện Khoái Châu (hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm).

*Tập kết nguyên vật liệu:*

Để đảm bảo vật tư cung cấp kịp thời cho công trình, đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ, công trình sẽ sử dụng vật tư, vật liệu xây dựng từ các nguồn cung cấp là các Công ty cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng có trụ sở tại huyện Khoái Châu nhằm tận dụng triệt để lợi thế về vị trí, khoảng cách tiết kiệm và tối ưu chi phí dự án.

+ Cát nền do nhà thầu cung cấp đến chân công trình bằng ô tô tự đổ từ các bãi tập kết vật liệu gần khu vực thực hiện dự án, khoảng cách đến dự án khoảng 10 km. Quá trình vận chuyển đến chân công trình nhà thầu chịu trách nhiệm.

+ Xi măng: Sử dụng xi măng của các nhà máy xi măng trong khu vực miền Bắc;

+ Cát xây dựng do các nhà thầu cung cấp đến chân công trình, khi vận chuyển có bạt phủ hạn chế bụi, rơi vãi;

+ Bê tông nhựa, bê tông thương phẩm, bê tông sản xuất tại trạm trộn,... do nhà thầu cung cấp đến chân công trình.

Bố trí kho chứa nguyên vật liệu: Các loại vật liệu chính như xi măng, sắt thép, cát, sỏi, đá dăm được vận chuyển theo đường ô tô từ đường chính tới chân công trình và tập kết tại kho vật tư công trường. Khu vực kho chứa với diện tích khoảng 200 m<sup>2</sup>/kho. Khu vực nhà kho lợp mái tôn, các nguyên vật liệu được sắp xếp tập kết gọn gàng.

Phương án tập kết nguyên vật liệu: Các nguyên vật liệu sẽ được tập kết tại công trình với khối lượng vừa đủ, sử dụng tới đâu tập kết tới đó, không tập kết quá nhiều nguyên vật liệu tại 01 thời điểm gây cản trở công trình thi công.

+ Đối với cát, đá dăm: Được tập kết, đổ thành đống;

+ Xi măng: Xếp bao gọn gàng trong khu vực nhà kho.

+ Các ống nước, dây điện: Bố trí các giá đỡ bằng gỗ để đặt ống, dây điện lên trên, tránh để liền những nơi có địa thế nghiêng, để làm ống bị lún. Phải có biện pháp

neo buộc ống, không chắt ống cao hơn mức quy định, khi đặt ống phải đảm bảo nhẹ nhàng, không được va chạm mạnh xuống đất hoặc va đập giữa các ống với nhau.

Quãng đường vận chuyển vật liệu xây dựng khoảng: 10 km.

- Chủ dự án sẽ có điều khoản rõ ràng về yêu cầu trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhà thầu và giám sát việc thực hiện các điều khoản của nhà thầu.

*Về thiết bị:*

Máy móc thi công tại công trường gồm cơ giới kết hợp với lao động thủ công. Máy móc thi công gồm máy đào, máy xúc, máy đầm, cần cẩu, máy hàn, máy cắt,... Công trường sử dụng cốp pha và cây chống phù hợp.

*Cấp nước, thoát nước:*

Nguồn nước cấp được lấy từ nguồn cấp nước sạch chung của khu vực về đến bể dự trữ thi công và cứu hỏa của công trình. Từ đây nước được bơm vào hệ thống đường ống phục vụ thi công của công trường và phục vụ sinh hoạt của công nhân tham gia thi công. Nước thải thi công được thu gom tập trung vào hố lắng, nước thải từ hoạt động vệ sinh được tập trung thu gom xử lý tại các nhà vệ sinh di động. Định kỳ, chủ dự án thuê đơn vị chức năng xử lý các nhà vệ sinh di động đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực.

### **1.5.2. Biện pháp thi công**

#### **a) San nền**

- Sử dụng máy ủi, máy đào và các thiết bị khác tiến hành san nền theo cốt thiết kế. San gạt đất đá từ vị trí cao đến vị trí thấp, tận dụng tối đa đất đá để san lấp mặt bằng, đất được vận chuyển đến vị trí đắp bằng các phương tiện chuyên dụng.

- San gạt các lớp đất bằng máy ủi (trong quá trình san cần chú ý độ dốc ngang, dốc dọc bãi san nền).

- Tiến hành lu đầm các lớp đất, cát đạt độ chặt thiết. Trong lu lèn, nếu độ ẩm ko đạt yêu cầu cần sử dụng xe tưới nước, đảm bảo độ ẩm tối ưu. Quá trình được lặp đi lặp lại đến cao độ thiết kế.

- Giải pháp san nền được thực hiện theo quy hoạch kiến trúc, đảm bảo thoát nước nhanh nhất.

- Đào, đắp theo tiêu chuẩn thiết kế thi công và nghiệm thu công tác đất và công trình bằng đất TCVN 4447: 2012.

- Đắp bờ chắn đất tạm khi thi công ranh giới san nền khi cao độ san nền cao hơn cao độ tự nhiên phía ngoài.

- Cao trình san nền được khống chế theo cao trình quy hoạch tim đường của các đường trục chính, các đường nội khu, dựa trên yếu tố độ dốc, cao độ tự nhiên.

- Không chế cao độ san nền theo các tuyến đường thiết kế và phù hợp với hệ thống thoát nước.

#### **b, Công trình trụ sở làm việc Công an xã**

Xây dựng mới khối nhà làm việc 02 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 700 m<sup>2</sup>. Giải pháp kỹ thuật: Móng, cột, dầm và sàn đổ BTCT; tường bao xây gạch không nung; mái chống nóng lợp tôn kết hợp với hệ thống xà gồ thép. Tường trát VXM, lăn sơn; nền nhà lát gạch Ceramic, bậc tam cấp và cầu thang lát đá Granit nhân tạo; hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, hoa sắt cửa dùng thép hình. Giải pháp cấp điện, cấp thoát nước đồng bộ.

Hạng mục phụ trợ: Lán để xe; Sân thể thao; Lán kho vật chứng ngoài trời; sân nền, cổng, tường rào, sân, đường; hệ thống rãnh thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng, thiết bị...

#### **c, Đường giao thông, tổ chức giao thông**

*Nguyên tắc thiết kế:*

Tuân thủ Quy hoạch vùng huyện và quy hoạch chung xã Ông Đình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mạng lưới đường trong khu vực quy hoạch được thiết kế sao cho khả năng khai thác đất đai hiệu quả, tiết kiệm kinh phí đầu tư xây dựng, kết nối thuận lợi với đường giao thông đối ngoại song không làm ảnh hưởng tới khả năng thông xe và an toàn của các phương tiện lưu thông cũng như bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và tính chất, chức năng của khu vực.

Khớp nối thông nhất với các dự án xây dựng tuyến giao thông đã và đang triển khai xung quanh.

Quy hoạch hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí liên hoàn hệ thống giao thông thuận lợi giữa các khối công trình chức năng với nhau. Các khối công trình được đầu tư xây dựng khoa học đồng bộ với kỹ thuật hạ tầng cơ sở.

Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đường trong khu vực nghiên cứu, tạo thành hệ thống giao thông đồng bộ, phục vụ tốt nhất cho nhu cầu sử dụng, cũng như đảm bảo yêu cầu giải quyết các sự cố.

Kết hợp với kiến trúc cảnh quan đô thị, gắn kết không gian, hình thành các trục, tuyến, điểm thẩm mỹ tạo hiệu quả thị giác tốt nhất đối với cảnh quan không gian khu vực.

#### **d, Cấp nước**

Nguồn cấp cho dự án: Dự án sử dụng nước sạch được cung cấp bởi Nhà máy cấp nước Hồng Quang.

#### **e, Cấp điện**

Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ nguồn điện được cấp của huyện Khoái Châu.

*\* Giải pháp thiết kế*

Điện cấp cho hạng mục công trình có cấp điện áp 220V được lấy từ nguồn điện hạ thế của khu vực, đường điện trục nhà dùng loại cáp CU/XLPE/PVC; 2x10mm<sup>2</sup>.

#### **f, Cây xanh cảnh quan**

---

**Chủ đầu tư:** UBND xã Ông Đình

**Địa điểm xây dựng:** xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Không gian dự án được bố cục dọc theo các tuyến giao thông chính nhằm đạt được sự thuận tiện tối đa về giao thông. Không gian cây xanh được bố trí đan xen tại các khu vực công cộng, dọc các đường giao thông; tăng hiệu quả tối đa tối đa của không gian sinh hoạt cộng đồng đồng thời tận dụng sự bố trí mềm mại, hài hòa của cảnh quan cây xanh nâng cao tính mỹ quan cho khu dự án nói riêng và khu vực địa bàn xã nói chung.

## **1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

### **1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án**

Theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 30/10/2022 của HĐND xã Ông Đình thì tiến độ thực hiện hiện dự án được thực hiện như sau:

- + Năm 2024 – 2026: Giai đoạn thực hiện dự án;
- + Năm 2026: Giai đoạn vận hành dự án.

### **1.6.2. Vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư của dự án là 14.980.000.000 đồng, trong đó: Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 2.500.000.000 đồng, ngân sách huyện hỗ trợ, còn lại là Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

- Giai đoạn thi công xây dựng dự án cần sử dụng khoảng 20 người thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Khi dự án đi vào hoạt động, cán bộ làm việc tại dự án tối đa khoảng 12 người.

Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các giải pháp đảm bảo về an toàn, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự chung của khu vực.

---

## **Chương 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội**

#### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

##### *2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất*

###### *a. Vị trí địa lý*

Khoái Châu là huyện đồng bằng Bắc Bộ, nằm trên bờ tả ngạn của sông Hồng. Phía Nam và Đông Nam giáp các xã Thọ Vinh, Đồng Thanh, Vĩnh Xá, Toàn Thắng của huyện Kim Động, góc phía Đông giáp xã Xuân Trúc của huyện Ân Thi, phía Đông Bắc và Bắc giáp các xã Minh Châu, Yên Hoà, Hoàn Long, Yên Phú, Lý Thường Kiệt của huyện Yên Mỹ, phía Tây Bắc giáp Mễ Sở, Tân Tiến, Liên Nghĩa của huyện Văn Giang. Phía Tây giáp các xã nằm trong các huyện của Hà Nội: xã Tự Nhiên, Thống Nhất, Vạn Điểm, Lê Lợi của huyện Thường Tín (ở chính phía tây) và Văn Nhân, Thụy Phú, Hồng Thái của huyện Phú Xuyên (ở phía Tây Nam), ranh giới là sông Hồng.

Diện tích chung toàn huyện là 13.086 ha, trong đó có đất nông nghiệp là 8.779 ha, còn lại là đất thổ cư, đường sá, sông ngòi, công trình công cộng, đình chùa, nhà thờ... Khoái Châu nằm ở đồng bằng châu thổ sông Hồng, có địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình 3.5 - 4.5, nơi cao nhất 7 - 8, nơi thấp nhất dưới 2. Đồng đất Khoái Châu thích hợp với cây lúa, trồng rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả.

###### *b. Địa chất công trình*

Khu vực nghiên cứu quy hoạch là khu đất hiện đang là khu đất nông nghiệp. Địa chất khu đất xây dựng không có sự biến động nhiều nên ít tốn kém về biện pháp xử lý nền móng, thuận lợi khi bố trí thoát nước mặt và nước thải.

Đặc điểm địa hình, địa mạo khu vực dự kiến xây dựng mang những nét đặc trưng của vùng đồng bằng Sông Hồng, kiểu địa hình tích tụ, nguồn gốc sông, biển, hồ, đầm lầy và hỗn hợp. Bề mặt địa hình thấp và tương đối bằng phẳng. Thành tạo nên địa hình này là các trầm tích đệ tứ: sét, sét pha, cát pha, cát và đất nhân sinh

Cột địa tầng tổng hợp đến độ sâu khoan từ trên xuống dưới trong khu khảo sát lân cận bao gồm các lớp:

- Lớp 1. Đất ruộng thành phần phần chủ yếu là đất sét pha, lẫn tạp chất. Chiều dày từ 0,2-0,4m;
- Lớp 2. Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm. Chiều dày từ 1,4-1,8 m;
- Lớp 3. Cát mịn, màu xám vàng, xám đen, trạng thái xốp. Chiều dày từ 15,7-16,2 m;
- Lớp 4. Sét pha, màu xám nâu, xám ghi, trạng thái dẻo chảy. Chiều dày từ 1,7-2,9 m;
- Lớp 5. Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo cứng. Chiều dày từ 2,6-5,1 m;
- Lớp 6. Sét, màu xám đen, trạng thái dẻo mềm. Chiều dày từ 1,7-2,2m;

Với các đặc điểm cơ bản của đất và cường độ chịu tải cho phép, khi đầu tư xây dựng công trình cụ thể cần tính toán cụ thể tải trọng công trình để chọn giải pháp nền - móng, bề rộng móng, chiều sâu chôn móng, kết cấu móng, tính toán các vấn đề sức chịu tải và biến dạng của đất nền (*độ lún cho phép, mức độ lún lệch của công trình*). Trước khi chọn giải pháp nền, móng, kết cấu cho công trình cần luận chứng đầy đủ cả về kỹ thuật, kinh tế và điều kiện thi công.

Hiện trạng tài nguyên quý hiếm không có.

*(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu địa chất kỹ thuật- Trường đại học mỏ địa chất)*

#### 2.1.1.2. Điều kiện về khí tượng

Cũng như các tỉnh khác thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, Hưng Yên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai hướng gió chủ đạo Đông Bắc và Đông Nam, có 4 mùa rõ rệt với 4 kiểu thời tiết đặc trưng: mùa xuân ấm áp, mùa hè nắng nóng, mùa thu mát mẻ và mùa đông lạnh giá.

✓ Chế độ mưa:

Tổng lượng mưa trung bình năm tại Hưng Yên dao động trong khoảng 1.500mm-1.600mm. Lượng mưa trong những tháng mùa mưa trung bình từ 1.200 mm đến 1.300 mm, bằng 80-85% tổng lượng mưa năm tại Hưng Yên.

Mùa khô lượng mưa trung bình từ 200-300 mm chiếm khoảng 15-20% tổng lượng mưa năm. Số ngày mưa trong năm trung bình khoảng 140-150 ngày, trong đó số ngày mưa nhỏ, mưa phùn chiếm khoảng 60- 65 ngày.

Ngoài ra, ở Hưng Yên còn xuất hiện mưa giông, thường là những trận mưa lớn đột xuất kèm theo gió lớn và giông sét. Mưa giông xuất hiện từ tháng 2 đến tháng 11 và tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 9.

**Bảng 2.1: Lượng mưa trung bình các tháng trong năm**

(Đơn vị: mm)

| Tháng    | 2018  | 2019  | 2020  | 2021  | 2022  |
|----------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tháng 1  | 25,6  | 26,9  | 121,5 | 1,4   | 83,4  |
| Tháng 2  | 9,7   | 17,1  | 25,9  | 62,1  | 5,8   |
| Tháng 3  | 32,3  | 31,0  | 68,1  | 118,3 | 49,7  |
| Tháng 4  | 82,8  | 204,3 | 80,6  | 163,8 | 119,6 |
| Tháng 5  | 236,3 | 155,4 | 59,8  | 149,9 | 206,5 |
| Tháng 6  | 75,4  | 92,9  | 70,4  | 250,6 | 211,4 |
| Tháng 7  | 569,9 | 63,1  | 26,2  | 312,3 | 367,1 |
| Tháng 8  | 429,6 | 541,6 | 365,8 | 150,1 | 328,2 |
| Tháng 9  | 114,2 | 153,3 | 149,5 | 585,8 | 166,6 |
| Tháng 10 | 127,9 | 198,2 | 289,3 | 337,1 | 8,7   |
| Tháng 11 | 55,8  | 55,5  | 60,9  | 8,9   | 2,1   |

|                |                |                |                |                |                |
|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tháng 12       | 59,8           | 6,9            | 8,4            | 3,8            | 41,8           |
| <b>Tổng số</b> | <b>1.819,3</b> | <b>1.546,2</b> | <b>1.326,4</b> | <b>2.144,1</b> | <b>1.590,9</b> |

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên)

✓ Chế độ nắng:

Thời gian chiếu sáng trung bình nhiều năm khoảng 1.540-1.550 giờ.

Mùa nóng từ tháng 5 – 10, số giờ nắng chiếm khoảng 1080-1100 giờ. Mùa lạnh từ tháng 11 – 4 năm sau số giờ nắng chiếm khoảng 500-520 giờ.

Số giờ nắng tháng cao nhất tuyệt đối 268 giờ. Số giờ nắng tháng thấp nhất tuyệt đối 6,8 giờ.

**Bảng 2.2: Số giờ nắng các tháng trong năm**

(Đơn vị: giờ)

| Tháng       | 2017           | 2018           | 2019           | 2020           | 2021          |
|-------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| Tháng 1     | 51,6           | 22,9           | 25,5           | 57,2           | 69,1          |
| Tháng 2     | 74,1           | 37,2           | 82,0           | 58,9           | 90,3          |
| Tháng 3     | 28,6           | 78,3           | 30,9           | 33,1           | 15,0          |
| Tháng 4     | 82,5           | 71,0           | 95,9           | 52,0           | 63,8          |
| Tháng 5     | 160,2          | 241,7          | 117,1          | 178,9          | 211,2         |
| Tháng 6     | 137,7          | 178,4          | 184,3          | 247,2          | 183,8         |
| Tháng 7     | 110,1          | 137,1          | 168,5          | 203,6          | 212,5         |
| Tháng 8     | 121,8          | 120,6          | 147,9          | 144,8          | 165,9         |
| Tháng 9     | 135,7          | 160,6          | 193,5          | 130,8          | 143,6         |
| Tháng 10    | 112,7          | 152,9          | 141,5          | 103,7          | 95,7          |
| Tháng 11    | 64,3           | 146,9          | 130,3          | 127,4          | 122,4         |
| Tháng 12    | 72,4           | 99,3           | 141,7          | 92,8           | 109,6         |
| <b>Tổng</b> | <b>1.151,7</b> | <b>1.446,9</b> | <b>1.459,1</b> | <b>1.430,4</b> | <b>1482,9</b> |

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021).

Trong năm 2022, số giờ nắng cao nhất vào tháng 6,7, với 4-6 đợt nắng (kéo dài từ 02 ngày trở lên) và một số ngày riêng lẻ do ảnh hưởng của rìa Nam rãnh áp thấp nối với vùng áp thấp nóng phía Tây kết hợp với hiệu ứng phơn. Số giờ nắng giảm dần về các tháng cuối năm (Theo: Bản tin dự báo khí tượng thủy văn các tháng trong năm 2022 của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hưng Yên).

Nhiệt độ:

Nhiệt độ trung bình nhiều năm của Hưng Yên là 23,2°C phân bố khá đồng đều trên địa bàn tỉnh.

Mùa hè nền nhiệt độ trung bình nhiều năm :27,3°C.

Mùa đông nền nhiệt độ trung bình nhiều năm :19,1°C.

Tổng nhiệt trung bình năm :8.400-8.500°C.

Tổng nhiệt trung bình mùa nóng :4.800-5.000°C.

Tổng nhiệt trung bình mùa lạnh :3.300-3.500°C.

**Bảng 2.3: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm**

(Đơn vị: °C)

| Tháng                | 2018        | 2019        | 2020        | 2021        | 2022        |
|----------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Tháng 1              | 17,6        | 17,6        | 19,3        | 16,3        | 16,1        |
| Tháng 2              | 17,0        | 22,2        | 19,6        | 20,6        | 16,6        |
| Tháng 3              | 22,0        | 22,2        | 22,7        | 22,4        | 18,9        |
| Tháng 4              | 23,8        | 27,0        | 21,9        | 25,5        | 24,1        |
| Tháng 5              | 28,7        | 27,9        | 29,2        | 29,4        | 27,7        |
| Tháng 6              | 30,2        | 31,4        | 31,5        | 31,3        | 28,3        |
| Tháng 7              | 29,2        | 30,8        | 31,2        | 30,3        | 29,2        |
| Tháng 8              | 28,5        | 29,1        | 28,9        | 30,2        | 28,2        |
| Tháng 9              | 28,2        | 28,7        | 28,9        | 28,3        | 27,4        |
| Tháng 10             | 25,5        | 25,9        | 23,9        | 23,9        | 24,1        |
| Tháng 11             | 23,6        | 22,6        | 22,9        | 21,8        | 16,7        |
| Tháng 12             | 19,3        | 18,8        | 18,3        | 18,3        | 16,6        |
| <b>Bình quân năm</b> | <b>24,5</b> | <b>25,3</b> | <b>24,9</b> | <b>24,8</b> | <b>24,2</b> |

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên)

✓ Độ ẩm:

Độ ẩm trung bình năm từ 80-90%.

Độ ẩm cao nhất trong năm xuất hiện vào tháng 2.

Độ ẩm nhỏ nhất trong năm xuất hiện vào tháng 11 và tháng 12.

**Bảng 2.4: Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong năm**

(Đơn vị: %)

| Tháng    | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|----------|------|------|------|------|------|
| Tháng 1  | 85   | 85   | 86   | 73   | 74   |
| Tháng 2  | 77   | 86   | 86   | 82   | 84   |
| Tháng 3  | 84   | 86   | 90   | 87   | 80   |
| Tháng 4  | 84   | 85   | 87   | 88   | 87   |
| Tháng 5  | 80   | 84   | 81   | 81   | 81   |
| Tháng 6  | 77   | 77   | 73   | 75   | 79   |
| Tháng 7  | 83   | 77   | 77   | 81   | 75   |
| Tháng 8  | 88   | 85   | 86   | 81   | 75   |
| Tháng 9  | 83   | 75   | 74   | 84   | 81   |
| Tháng 10 | 82   | 81   | 81   | 83   | 85   |
| Tháng 11 | 86   | 81   | 80   | 76   | 85   |

|                 |           |           |           |           |           |
|-----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Tháng 12        | 85        | 78        | 74        | 74        | 79        |
| <b>TB tháng</b> | <b>83</b> | <b>82</b> | <b>81</b> | <b>80</b> | <b>80</b> |

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên).

✓ Bốc hơi:

Lượng bốc hơi phụ thuộc rất nhiều vào chế độ nắng và gió trên địa bàn Hưng Yên. Tổng lượng bốc hơi theo trung bình nhiều năm là 8.730 mm, lớn nhất tuyệt đối 144,9mm, nhỏ nhất tuyệt đối 20,8mm.

✓ Gió:

Hưng Yên có 2 mùa gió chính: mùa Đông có gió mùa Đông Bắc, thịnh hành từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau. Mùa hè có gió Đông Nam thịnh hành từ tháng 3 đến tháng 7. Gió Đông Nam chiếm ưu thế trong năm, sau đó là gió bắc. Các hướng khác chỉ xuất hiện đan xen nhau với tần xuất thấp không thành hệ thống.

Tốc độ gió cực đại thống kê được ở Hưng Yên là 40m/s, hướng thổi Tây Nam.

✓ Mưa bão:

Hưng Yên là một tỉnh nằm sâu trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, không có diện tích tiếp giáp với biển nên hàng năm bão và áp thấp nhiệt đới hầu như không đổ bộ trực tiếp vào vùng này như các tỉnh tiếp giáp biển, nhưng ảnh hưởng về mưa do bão gây ra là rất lớn. Lượng mưa do bão gây nên tại Hưng Yên chiếm tới 15-20% tổng lượng mưa năm.

Mùa bão bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc tháng 11, nhưng ảnh hưởng với tần suất lớn nhất trong các tháng 7, 8 và 9.

### 2.1.1.3. Điều kiện thủy văn

Huyện Khoái Châu có mạng lưới sông ngòi đan xen chằng chịt, Các sông đóng vai Trên địa bàn huyện Khoái Châu hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải (Hệ thống) được giới hạn bởi sông Đuống ở phía Bắc; sông Hồng ở phía Tây; sông Luộc, sông Thái Bình ở phía Nam và phía Đông. Diện tích tự nhiên của Hệ thống là 214.932 ha (diện tích trong đê: 192.045 ha, ngoài đê: 22.887 ha), bao gồm toàn bộ 10 huyện thị của tỉnh Hưng Yên, 7 huyện và thành phố của tỉnh Hải Dương, 3 huyện của tỉnh Bắc Ninh và 2 quận huyện của thành phố Hà Nội.

Mạng lưới sông ngòi dày đặc bao gồm: sông Đông Quê, sông Mười, sông Cấp tiến Tân Dân, sông Từ Hồ Sài Thị, sông 5 xã, sông Vĩnh Trụ.. cùng với hệ thống kênh mương thoát nước thủy lợi đảm bảo việc dẫn nước tưới tiêu nông nghiệp và hoạt động tiêu thoát nước cho khu vực.

- Nguồn tiếp nhận nước thải và đặc điểm thủy văn của nguồn tiếp nhận:

Trong khu vực dự án, nước thải được thu gom và xử lý qua bể bastaf đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCDP và xả ra kênh tưới tiêu N6-6 thoát ra kênh T35, sau đó chảy ra sông Từ Hồ Sài Thị.

Sông Từ Hồ- Sài Thị bắt nguồn từ cống Từ Hồ thuộc xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, chảy qua xã Yên Hòa (Yên Mỹ) sang huyện Khoái Châu qua các xã Thuần Hưng, Đại Hưng, Phùng Hưng, Thị trấn Khoái Châu, xã An Vĩ, Ông Đình, Tân Dân. Nước

sông không sử dụng được cho mục đích sinh hoạt và tưới tiêu do bị ảnh hưởng bởi nước thải sinh hoạt; với chiều dài 12,16km, rộng 20 m, làm nhiệm vụ tưới cho 2.908 ha và nhiệm vụ tiêu cho 3.565 ha đất khu vực Yên Mỹ, Khoái Châu. **Sông có với lưu lượng dòng chảy khoảng 8 m<sup>3</sup>/s nên hoàn toàn có khả năng tiếp nhận nước thải từ khu vực dự án và các khu vực lân cận, không gây ngập úng.**

(Theo Báo cáo Quy hoạch tài nguyên nước mặt tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025)

## **2.1.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội**

### **2.1.2.1. Điều kiện về kinh tế, xã hội huyện Khoái Châu**

Năm 2023, tổng giá trị sản phẩm bình quân đầu người trên địa bàn huyện đạt 72,2 triệu đồng; giá trị sản phẩm trên 1 héc-ta canh tác đạt 278 triệu đồng; tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 569,132 tỷ đồng, đạt 288,6% dự toán tình hình; tỷ lệ hộ nghèo là 1,59%; tạo thêm việc làm mới cho 3.300 lao động. Các khu, cụm công nghiệp đang thực hiện các bước đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; công tác giải phóng mặt bằng được tập trung cao, bảo đảm tiến độ triển khai các dự án, công trình. Sản xuất nông nghiệp bảo đảm các chỉ tiêu, chăn nuôi phát triển ổn định, các địa phương tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao. Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục đạt nhiều kết quả tích cực; công tác quân sự, quốc phòng địa phương được củng cố; an ninh trật tự được giữ vững.

#### **- Sản xuất nông nghiệp**

Tổng diện tích gieo trồng được 15.278,68 ha, giảm 5,79% so với cùng kỳ, tăng 5,33% so với kế hoạch. Năng suất lúa bình quân đạt 63,99 tạ/ha. Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 1.231 ha, trong đó: Cây nhãn: 496,75ha; cây vải: 64,2 ha; cây ôi 77ha; cây có múi: 96,83 ha; cây ăn quả khác: 197,67 ha. Tổng sản lượng cây ăn quả các loại ước đạt trên 19.800 tấn.

Tình hình chăn nuôi phát triển khá ổn định, không có dịch bệnh xảy ra. Tính đến nay, đàn trâu ước 655 con, tăng 40,8% kế hoạch. Đàn bò ước 2.170 con, tăng 3,33% kế hoạch. Đàn lợn ước 52.649 con, tăng 25,3% kế hoạch; đàn gia cầm ước 1.471 nghìn con, tăng 15,8% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 885,8 ha, tăng 11,14% kế hoạch

#### **- Thương mại và dịch vụ:**

Các hoạt động thương mại, dịch vụ khá tích cực, hiệu quả. Tham gia Hội chợ Xuân, tạo cơ hội mở rộng thị trường, kết nối giao thương, học tập, trao đổi kinh nghiệm, quảng bá thương hiệu sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, nông sản chế biến, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề của huyện.

#### **- Công tác môi trường**

Công tác môi trường thường xuyên được quan tâm, bình quân mỗi ngày thu gom, vận chuyển rác ở các xã, thị trấn về nhà máy xử lý rác khoảng 06 tấn, còn khoảng 50 tấn rác thải sinh hoạt, hàng ngày do các tổ vệ sinh môi trường của các xã,

thị trấn thu gom, vận chuyển về các hố chôn lấp rác, đảm bảo không ứn tắc, đồng thời các xã, thị trấn tăng cường kiểm tra, tuần tra các tuyến huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ đi qua, nhằm ngăn chặn, phát hiện xử lý nghiêm các đối tượng đổ, đốt rác trộm bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

- Y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Các hoạt động khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện, các Trạm Y tế xã, thị trấn được duy trì. Đã khám và chữa bệnh cho 31.292 lượt người, đạt 83% KH năm, điều trị nội trú cho 2.608 lượt người, đạt 69% KH năm, điều trị ngoại trú cho 3.395 lượt người, đạt 179% KH năm. Khám cận lâm sàng đều hoàn thành vượt chỉ tiêu giao.

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm*

*2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024 – UBND huyện Khoái Châu)*

### **2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội xã Ông Đình**

#### **a. Điều kiện về kinh tế xã Ông Đình**

##### **\*) Sản xuất nông nghiệp**

Trong 6 tháng đầu năm tình hình thời tiết bất thường, không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với công ty khai thác công trình thủy lợi đã kịp thời bơm nước phục vụ nhân dân khắc phục khó khăn gieo trồng đảm bảo đúng cơ cấu, lịch thời vụ. Tổ chức khơi thông dòng chảy, nạo vét mương máng phục vụ công tác tiêu thoát nước mùa mưa bão. Tập trung, triển khai thực hiện chiến dịch diệt chuột vụ Xuân năm 2024 đảm bảo đúng kế hoạch. Nhân dân tích cực theo dõi, chăm bón và phòng trừ sâu bệnh gây hại trên các loại cây trồng đặc biệt là cây nhãn, cây bưởi... loại cây chủ lực trên địa bàn xã để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Tổ chức thực hiện tốt quy trình vùng sản xuất cây nhãn an toàn theo tiêu chuẩn VietGap. Tổng diện tích cây nhãn 425 mẫu, cây chuối 11 mẫu, táo 4 mẫu, bưởi 60 mẫu, cam 2 mẫu, đu đủ 8 mẫu, các loại cây khác 10 mẫu.

##### **\*) Chăn nuôi**

Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi tương đối ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác vệ sinh trường trại để ổn định, tái tạo và phát triển đàn. Tăng cường giám sát tình hình dịch bệnh, tổ chức triển khai hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc gia cầm và triển khai thực hiện vệ sinh khử trùng, tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn xã. Tổ chức đăng ký tiêm vắc xin phòng cho đàn chó, mèo. Tổng đàn lợn có khoảng 700 con, đàn gia cầm khoảng 7000 con, đàn bò có khoảng 70 con, trong đó có 30 con bò sữa.

##### **\*) Thương mại – dịch vụ, khoa học công nghệ**

Các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ có nhiều chuyển biến phát triển rộng rãi, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và cho thu nhập khá tốt.

Có khoảng 200 lao động đi xuất khẩu lao động và buôn bán ở nước ngoài, và có khoảng trên 1.800 lao động hiện đang làm việc tại các công ty, xí nghiệp trong nước.

Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín chấp tăng cường công tác quản lý và quy trình cho vay vốn đúng mục đích, phục vụ nhu cầu nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho nhân dân.

*b. Điều kiện văn hóa, xã hội, y tế*

*\*) Công tác giáo dục*

Năm học 2023- 2024 cả ba nhà trường đều hoàn thành công tác phổ cập giáo dục và đã làm tốt công tác dạy và học. Các nhà trường tổ chức tổng kết năm học đảm bảo đúng kế hoạch và quy định của cấp trên. Năm học 2023-2024 trẻ mầm non chuyển lên Tiểu học đạt 100% về số lượng, học sinh Tiểu học lên THCS đạt 100%, học sinh THCS xét tốt nghiệp đạt 98%.

Tuyên truyền học sinh phòng chống tai nạn thương tích và tai nạn đuối nước.

Tổ chức bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương.

*\*) Công tác y tế*

Chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân nhất là trong các lĩnh vực tiêm chủng, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

Thực hiện tháng hành động về vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức kiểm tra, rà soát các cơ sở kinh doanh về vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2024; Các cơ sở hành nghề y dược, y học cổ truyền ngoài công lập trên địa bàn xã. Thực hiện tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong độ tuổi vào ngày 25 hàng tháng đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Tổ chức thực hiện tốt công tác trực trạm đảm bảo thời gian, công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, giám sát dịch bệnh và tuyên truyền cách phòng chống dịch bệnh được tích cực triển khai nên tình hình dịch bệnh ổn định, duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình.

*\*) Công tác vệ sinh môi trường*

Tăng cường công tác vệ sinh môi trường; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thu gom, vận chuyển đúng quy định; tổ chức thu dọn các điểm thu gom vỏ bao bì thuốc trừ sâu ngoài đồng.

Tổ chức khảo sát công tác nạo vét mương máng, khơi thông dòng chảy, phòng chống úng nội đồng mùa mưa bão năm 2024

Tổ chức triển khai kế hoạch, xây dựng phương án PCTT và TKCN năm 2024, chuẩn bị các lực lượng, cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ trong mùa mưa bão, đảm bảo thiệt hại thấp nhất khi có bão úng xảy ra

*(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm 2024 và những nhiệm vụ giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024)*

**\*Hiện trạng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại xã Ông Đình:**

Công tác môi trường thường xuyên được quan tâm, với lượng rác thải từ các hộ gia đình bình quân các tổ vệ sinh các thôn thu gom, vận chuyển về các hố chôn lấp tập trung ước khoảng 1,5 đến 1,7 tấn rác thải mỗi ngày, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong thôn xóm.

Chỉ đạo các thôn thường xuyên, động viên duy trì và nâng cao hiệu quả của các tổ vệ sinh môi trường nhằm góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường trong khu vực dân cư, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân.

Tại các thôn tổ vệ sinh môi trường hoạt động có hiệu quả, không để tình trạng tồn đọng rác thải sinh hoạt trong khu dân cư. Tổ vệ sinh của xã theo lịch 2 lần/tuần sẽ thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt của các hộ gia đình và đưa về khu tập kết rác thải của xã. Ý thức của người dân cơ bản đã được nâng cao, giữ gìn cảnh quan môi trường sạch sẽ, thoáng mát, cơ bản không còn tình trạng thải rác ra nơi công cộng. Được sự quan tâm của cấp trên đã cấp phát về thùng nhựa phân loại rác thải hữu cơ và vô cơ, hiện nay đang được triển khai đồng đều ở các thôn, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác thu gom rác, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

UBND xã đang tiến hành rà soát, bố trí vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã, nhằm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn xã đạt chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

**2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án**

**2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường**

Để phục vụ cho việc lập báo cáo ĐTM của Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu môi trường không khí, môi trường nước để phân tích và đánh giá môi trường nền khu vực thực hiện dự án. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

**2.2.2.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí**

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 04 mẫu không khí xung quanh khu đất dự án để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh, kết quả phân tích được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.5: Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh**

| STT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp  | KK1  | KK2  | KK3  | KK4  | QCVN 05: 2023/BTNMT (TB 1h) <sup>(26)</sup> |
|-----|----------|--------|--------------|------|------|------|------|---------------------------------------------|
| 1   | Nhiệt độ | °C     | QCVN 46:2022 | 20,7 | 20,5 | 20,8 | 20,6 | -                                           |

|   |                 |                    | /BTNMT                 |                |                |                |                |                    |
|---|-----------------|--------------------|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--------------------|
| 2 | Độ ẩm           | %                  | QCVN 46:2022<br>/BTNMT | 74,6           | 74,4           | 74,5           | 74,6           | -                  |
| 3 | Tốc độ<br>gió   | m/s                | QCVN 46:2022<br>/BTNMT | 0,7            | 0,5            | 0,8            | 0,7            | -                  |
| 4 | Tiếng ồn        | dBA                | TCVN 7878-<br>2:2018   | 59,4           | 56,8           | 60,5           | 60,7           | 70 <sup>(26)</sup> |
| 5 | TSP             | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995         | 83,3           | 82,7           | 82,2           | 83,2           | 300                |
| 6 | SO <sub>2</sub> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5971:1995         | 71,0           | 77,8           | 72,2           | 75,1           | 350                |
| 7 | NO <sub>2</sub> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 6137:2009         | 60,1           | 60,5           | 59,6           | 61             | 200                |
| 8 | CO              | µg/Nm <sup>3</sup> | MTX.PT.KK-05           | <LOQ<br>(9600) | <LOQ<br>(9600) | <LOQ<br>(9600) | <LOQ<br>(9600) | 30000              |

**Ghi chú:**

- Vị trí lấy mẫu:

| STT | Tên mẫu | Vị trí lấy mẫu                        |
|-----|---------|---------------------------------------|
| 1   | KK1     | Mẫu không khí phía Bắc khu vực dự án  |
| 2   | KK2     | Mẫu không khí phía Đông khu vực dự án |
| 3   | KK3     | Mẫu không khí phía Tây khu vực dự án  |
| 4   | KK4     | Mẫu không khí phía Nam khu vực dự án  |

- GHCP: giá trị cho phép viện dẫn theo các quy chuẩn sau:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, từ 6 giờ đến 21 giờ;

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- Dấu “-”: Quy chuẩn không quy định.

**Nhận xét:** Qua bảng kết quả phân tích 04 mẫu không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án tại đợt khảo sát cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

**2.2.2.2. Chất lượng môi trường nước**

**\*) Môi trường nước mặt:**

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 01 mẫu nước mặt tại khu vực thực hiện dự án, kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.6: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt**

| STT | Thông số | Đơn vị | Kết quả | QCVN 08:2023/BTNMT |         |
|-----|----------|--------|---------|--------------------|---------|
|     |          |        | NM      | Bảng 1             | Bảng 2  |
| 1   | pH       | -      | 7,8     | -                  | 6,0-8,5 |

Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình

Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

|    |                         |           |       |     |        |
|----|-------------------------|-----------|-------|-----|--------|
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20°C) | mg/L      | 11,5  | -   | ≤100   |
| 3  | COD                     | mg/L      | 36,8  | -   | ≤15    |
| 4  | Amoni                   | mg/L      | 0,29  | -   | ≤6     |
| 5  | TSS                     | mg/L      | 9,2   | 0,3 | -      |
| 6  | Nitrat                  | mg/L      | 0,31  | -   | -      |
| 7  | phosphat                | mg/L      | 0,25  | -   | -      |
| 8  | Clorua                  | mg/L      | 31,2  | 250 | -      |
| 9  | Sắt                     | mg/L      | 0,21  | 0,5 | -      |
| 10 | Tổng Nitơ               | mg/L      | 1,93  | -   | ≤1,5   |
| 11 | Tổng Photpho            | mg/L      | 0,37  | -   | ≤0,3   |
| 12 | Tổng dầu mỡ             | mg/L      | <1    | 5   | -      |
| 13 | Coliform                | MPN/100ml | 4.600 | -   | ≤5.000 |

**Ghi chú :**

Vị trí lấy mẫu

| Stt | Tên mẫu | Vị trí lấy mẫu                       |
|-----|---------|--------------------------------------|
| 1   | NM      | Mẫu nước mặt tại mương khu vực dự án |

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số hưởng tới sức khỏe con người.

Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

- Dấu “-”: Quy chuẩn không quy định.

**Nhận xét:** Qua bảng kết quả phân tích trên và so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT cho thấy có 04/13 chỉ tiêu vượt quá giới hạn cho phép (BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, Tổng Phospho). Do trên địa bàn chưa có HTXLNT xử lý nước thải phát sinh từ các hộ dân của khu vực, nước thải chỉ mới được xử lý sơ bộ tại bể phốt 3 ngăn tại các hộ gia đình. Do đó chất lượng nước thải sinh hoạt thải ra ngoài môi trường chưa đạt tiêu chuẩn và bị ô nhiễm hữu cơ, photphon nitơ. Vậy nên, đánh giá sức chịu tải của môi trường là kém.

### 2.2.2.3. Chất lượng môi trường đất

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 01 mẫu đất tại khu đất dự án, kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.7: Kết quả phân tích chất lượng đất**

| STT | Thông số | Đơn vị | Kết quả | QCVN<br>03:2023/BTNMT |
|-----|----------|--------|---------|-----------------------|
| 1   | Cadimi*  | mg/kg  | <0,5    | 4                     |
| 2   | Chì*     | mg/kg  | <0,5    | 200                   |

|   |       |       |      |     |
|---|-------|-------|------|-----|
| 3 | Đồng* | mg/kg | 57,1 | 150 |
| 4 | Kẽm*  | mg/kg | 59,9 | 300 |

**Ghi chú:** Vị trí lấy mẫu

| STT | Tên mẫu | Vị trí lấy mẫu                | Toạ độ                        |
|-----|---------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Đ       | Mẫu đất tại khu vực của dự án | 20°52’7,3” N<br>106°5’44,0” E |

- QCVN 03:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

**Nhận xét:** Qua bảng kết quả phân tích trên và so sánh với QCVN 03:2023/BTNMT, cho thấy các chỉ tiêu quan trắc mẫu đất của dự án đều nằm trong giới hạn cho phép.

**\*) Đánh giá sơ bộ sức chịu tải môi trường khu vực dự án**

Qua kết quả khảo sát, phân tích chất lượng môi trường khu vực dự án có thể thấy môi trường không khí và môi trường đất khu vực dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm, môi trường nước mặt đang bị ô nhiễm và sức chịu tải kém. Tóm lại, sức chịu tải môi trường khu vực dự án được đánh giá là không cao, tính đa dạng của hệ sinh thái thấp. Xung quanh dự án là đường giao thông, khu dân cư, các khối cơ quan và doanh nghiệp. Việc bố trí đầu tư dự án vào vị trí này là phù hợp với quy định của tỉnh Hưng Yên nói chung và quy hoạch của huyện Khoái Châu nói riêng. Tuy nhiên, nhiệm vụ xử lý chất thải là rất quan trọng dự án phải quan tâm thực hiện đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

Dự án khi đi vào hoạt động phát sinh nước thải, cụ thể phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên (khoảng 12 người) và tính chất nước thải không có thành phần nguy hại. Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý qua Bể Bastaf rồi thoát ra nguồn tiếp nhận.

**2.2.2. Dữ liệu tài nguyên sinh vật**

Kết quả khảo sát sinh học của đơn vị tư vấn cho thấy xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật nào quý hiếm sinh sống.

Thực vật chủ yếu là cây cỏ dại, cây đào của các hộ dân trồng xung quanh khu vực dự án.

Động vật tự nhiên bao gồm các loại như chuột, cóc, chim sẻ, chim sâu, chim chích, chào mào, ong, bướm...và các loài côn trùng như gián, ruồi, muỗi, sâu, bọ, giun,... Hiện nay số lượng các loại động vật có xu hướng giảm do hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và hoạt động sản xuất công nghiệp.

**2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước thuộc thảm

quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

#### **2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án**

##### *\* Các đối tượng tự nhiên*

Khi dự án đi vào hoạt động nước thải sinh hoạt phát sinh không nhiều, do đó mức độ tác động đến việc tiêu thoát nước của khu vực xung quanh là không đáng kể.

- Môi trường đất: Khu vực thực hiện dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa nước thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

##### *\* Đối tượng kinh tế - xã hội*

- Khu dân cư:

Khu vực thực hiện dự án nằm tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng.

Khu đất thực hiện Dự án thuộc Quy hoạch khu cơ quan hành chính của xã Ông Đình. Xung quanh giáp đường liên xã. Khi dự án đi vào hoạt động cùng với kiến trúc cảnh quan khu vực dự án sẽ tạo thành không gian đô thị hiện đại và tạo một diện mạo mới cho khu vực xã Ông Đình.

*\* Cơ sở văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, di sản văn hóa phi vật thể, di sản thiên nhiên:* Khu vực lân cận xung quanh dự án không có cơ sở văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng, di sản văn hóa phi vật thể, di sản thiên nhiên cần bảo vệ.

### **Chương 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Để thực hiện dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” cần trải qua 03 giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị
- Giai đoạn thi công xây dựng;
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Mỗi giai đoạn dù ít hay nhiều đều gây ra những tác động tới môi trường, kinh tế xã hội và gây ảnh hưởng tới các đối tượng tại khu vực chịu tác động của Dự án theo nhiều hướng khác nhau. Do đó nội dung chương 3 là đánh giá tác động môi trường đối với mỗi giai đoạn của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội; dự báo các tác động tiêu cực đến môi trường và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường. Các tác động và các biện pháp mà dự án gây ra sẽ được trình bày cụ thể trong các mục dưới đây.

#### **3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của dự án**

##### **3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị dự án**

###### **3.1.1.1. Tác động do thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và hoạt động giải phóng mặt bằng**

Khu đất thực hiện dự án bằng phẳng, thuận lợi cho việc xây dựng dự án. Dự án thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 2.076 m<sup>2</sup>. Hiện trạng, trên khu đất thực hiện dự án không có những ngôi mộ vô danh/ đã cải táng và không có rác thải tồn đọng cần xử lý. Chủ dự án đã phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước địa phương để thực hiện các chương trình bồi thường thỏa đáng theo quy định của Nhà nước. Tổng số hộ dân được đền bù là 8 hộ. Các hộ dân có quyền lợi liên quan đã được đền bù thỏa đáng, đúng chính sách của Nhà nước, của tỉnh Hưng Yên. Hiện trạng khu đất chưa được san lấp mặt bằng.

###### **\* Tác động do dò phá bom mìn, vật liệu nổ**

Giai đoạn chuẩn bị sẽ tiến hành thuê đơn vị có chức năng tiến hành rà phá bom mìn và vật liệu nổ trên toàn bộ phạm vi đất thực hiện dự án. Hiện tại quá trình khảo sát chưa có phát hiện nào có liên quan đến vật liệu nổ, bom mìn còn sót lại trên khu vực dự án

###### **\* Tác động của hoạt động di dời mộ mả**

Không có ngôi mộ nào được phát hiện trên khu đất thực hiện dự án.

###### **\* Tác động do phát quang thảm thực vật**

Các hoạt động phát quang thảm thực vật khu vực công trình sẽ phát sinh chất thải là sinh khối các loài thực vật, đất hữu cơ bóc bề mặt.

Dự án sử dụng máy đào để bóc lớp đất hữu cơ, tiến hành nhanh gọn để phục vụ thi công, đảm bảo tiến độ của dự án.

- Theo tính toán tại chương 1, sẽ bóc 0,2 m lớp phủ bì trên mặt đất, để đảm bảo độ chặt của đất. Như vậy, lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của dự án được tận dùng hoàn toàn để bù đắp đất cây xanh, vỉa hè, sân vườn của dự án.

- Chất thải rắn từ thực vật phát quang:

Chất thải rắn hữu cơ (cành, lá, gốc cây...) từ việc phát quang lớp phủ thực vật tận thu chuẩn bị mặt bằng cho dự án.

Dự án sử dụng phát quang thủ công để thu dọn mặt bằng, tiến hành nhanh gọn để phục vụ thi công, đảm bảo tiến độ dự án.

Khối lượng sinh khối thực vật còn sót lại được tính theo công thức:  $M = S \times k$

Trong đó: M: Khối lượng sinh khối thực vật, (kg); S: diện tích đất canh tác 2.076 m<sup>2</sup>; k: Hệ số sinh khối thực vật.

Hệ số sinh khối thực vật tham khảo số liệu điều tra về sinh khối của 1 m<sup>2</sup> loại thảm thực vật theo cách tính của Ogawa và Kato như sau:

**Bảng 3.1: Sinh khối của 1m<sup>2</sup> loại thảm thực vật**

| Loại sinh khối           | Lượng sinh khối (kg/m <sup>2</sup> ) |       |      |      |                 |      |
|--------------------------|--------------------------------------|-------|------|------|-----------------|------|
|                          | Thân                                 | Cành  | Lá   | Rễ   | Cỏ dưới tán cây | Tổng |
| Cây bụi                  | 0,065                                | 0,054 | 0,05 | 0,03 | 0,001           | 0,2  |
| Lúa, hoa màu, cây ăn quả | 0,065                                | 0,054 | 0,05 | 0,03 | 0,001           | 0,2  |

Do đó, lấy  $k = 0,2 \text{ kg/m}^2$

Thay vào công thức tính toán được khối lượng sinh khối thực vật trên khu vực thực hiện dự án:  $M = 2.076 \text{ m}^2 \times 0,2 \text{ kg/m}^2 = 415,2 \text{ kg}$ .

Lượng thực vật phát quang kể trên sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và đem đi xử lý theo quy định.

\* Tác động có thể xảy ra khi xây dựng kế hoạch đền bù và GPMB:

- Việc xây dựng kế hoạch đền bù và giải phóng mặt bằng cho dự án được thực hiện mà không có sự tham khảo ý kiến của các hộ dân trong khu vực dự án thì khi triển khai thực hiện có thể gặp sự phản đối từ phía người dân do có những chính sách không phù hợp được thực thi trong kế hoạch này.

- Công tác vận động, giải thích từ phía Chủ dự án đến các hộ dân có đất trong khu vực dự án trong giai đoạn tham vấn ý kiến cộng đồng nếu không được thực hiện hợp lý sẽ gây hoang mang và bất hợp tác từ phía người dân.

- Công tác xây dựng kế hoạch đền bù và giải phóng mặt bằng cho dự án được thực hiện mà không có sự xem xét đến khả năng chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tìm

kiểm công việc mới cho người dân trong khu vực dự án thì khi triển khai thực hiện sẽ làm gia tăng khả năng thất nghiệp đối với các người dân này.

\* Tác động có thể xảy ra khi triển khai thực hiện đền bù và GPMB:

- Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng được thực hiện không hợp lý hoặc không đúng kế hoạch được duyệt sẽ xảy ra tranh chấp do các hộ dân có đất trong khu vực dự án không chấp nhận từ đó sẽ làm chậm tiến độ giải tỏa mặt bằng vì vậy sẽ làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án;

- Việc thực hiện đền bù và giải phóng mặt bằng nếu không được giám sát sẽ có khả năng thực hiện không đúng so với kế hoạch được duyệt.

### **3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện**

\* *Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất*

- Quá trình thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho dự án, chủ dự án đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan để thực hiện việc đo đạc đúng diện tích các loại đất sẽ được bồi thường, hỗ trợ phục vụ cho dự án:

+ **Đền bù thiệt hại về đất:** Bao gồm các chính sách đền bù đối với đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

+ Đền bù thiệt hại về tài sản: Bao gồm cây trồng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đơn giá đền bù được xác định theo quy định hiện hành;

+ Ưu tiên các hộ gia đình có nhu cầu tái định cư tại dự án;

- Chính sách hỗ trợ: Bao gồm các chính sách hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống, hỗ trợ đào tạo nghề cho những lao động phải chuyển nghề do mất đất canh tác, hỗ trợ các đối tượng thực hiện việc phá dỡ, di chuyển tiến độ để đẩy nhanh việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng;

Ngoài ra chủ dự án còn thực hiện một số biện pháp sau:

+ Tuyên truyền sâu rộng về chính sách phát triển kinh tế và chính sách đền bù của nhà nước tới các hộ bị ảnh hưởng cũng như nghĩa vụ và quyền lợi của họ.

+ Công khai về mức giá đền bù đối với từng chi tiết của từng loại tài sản bị ảnh hưởng. Công khai chính xác khối lượng đền bù của từng hộ dân.

+ Tường minh các thông tin về dự án, tiến độ thi công đối với địa phương và các hộ bị ảnh hưởng, chính sách và phương án đền bù hỗ trợ.

Công tác GPMB sẽ do Chủ dự án là UBND xã Ông Đình phối hợp với UBND huyện Khoái Châu thực hiện thông qua Hội đồng đền bù GPMB. Chủ dự án có trách nhiệm lập phương án bồi thường hỗ trợ, đảm bảo đủ kinh phí để chi trả cho những người bị ảnh hưởng.

- Kinh phí bồi thường: Chủ dự án tiến hành bồi thường toàn bộ diện tích đất chiếm dụng để thực hiện dự án. Kinh phí bồi thường được tính theo nhu cầu sử dụng đất và diện tích thực tế phải thu hồi cho dự án và theo quy định của pháp luật.

- Biện pháp ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp: Trong tổng kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, ngoài kinh phí bồi thường đất và hỗ trợ các hộ dân bị mất đất canh tác, chủ dự án bố trí một nguồn kinh phí cho công tác hỗ trợ tạo việc làm cho các hộ dân. Ngoài ra chủ dự án sẽ tổ chức họp dân, hướng dẫn các hộ dân sử dụng tiền đền bù. Như vậy, sẽ có những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng vốn, đặc biệt là hướng dẫn đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc cách thức gửi tiết kiệm cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể nhằm ổn định đời sống về lâu dài.

**\* Biện pháp giảm thiểu tác động do dò phá bom mìn, vật liệu nổ**

Giai đoạn chuẩn bị sẽ tiến hành thuê đơn vị có chức năng tiến hành rà phá bom mìn và vật liệu nổ trên toàn bộ phạm vi đất thực hiện dự án.

Để đảm bảo an toàn trong thời gian thi công, vận hành Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng thực hiện công tác rà phá bom mìn và cắm mốc rà phá bom mìn trên toàn bộ khu đất thực hiện dự án.

**\* Phương án xử lý chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật**

- Chất thải rắn trong quá trình phát quang sẽ được đơn vị thi công xây dựng dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đất rơi vãi tiến hành thu dọn ngay.

**\* Phương án xử lý lớp đất bóc hữu cơ bề mặt**

Như vậy, lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của dự án được tận dụng hoàn toàn để bù đắp đất cây xanh, vỉa hè, sân vườn của dự án.

### 3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án

#### 3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

##### 3.2.1.1. Các nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

Nguồn tác động và đối tượng chịu tác động được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 3.2: Nguồn tác động và các đối tượng chịu tác động của dự án**

| STT      | Yếu tố                 | Nguồn phát sinh                                                                                                          | Đối tượng, quy mô bị tác động                                                                  | Mức độ                                                                |
|----------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Bụi và khí thải</b> |                                                                                                                          |                                                                                                |                                                                       |
| 1.1      | Bụi                    | - Hoạt động san nền, đào đắp; vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng;<br>- Hoạt động của các phương tiện vận tải và | Đối tượng: Môi trường không khí; người lao động tham gia thi công dự án<br>Quy mô: Toàn bộ khu | Mang tính tạm thời, xảy ra trong thời gian ngắn (giai đoạn thi công); |

| STT | Yếu tố              | Nguồn phát sinh                                                                                                                                            | Đối tượng, quy mô bị tác động                                                                                                                           | Mức độ                                                               |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|     |                     | thiết bị cơ giới                                                                                                                                           | vực thực hiện dự án và các vùng phụ cận                                                                                                                 |                                                                      |
| 1.2 | Khí thải            | - Hoạt động từ phương tiện vận tải và thiết bị cơ giới;<br>- Sự vận hành của các máy móc thiết bị thi công                                                 | Đối tượng: Môi trường không khí và người lao động tham gia thực hiện dự án<br>Quy mô: Toàn bộ khu vực thực hiện dự án                                   |                                                                      |
| 2   | Nước thải           |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                         |                                                                      |
| 2.1 | Nước thải xây dựng  | - Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng xây dựng, các hoạt động thi công xây dựng;<br>- Bảo dưỡng, sửa chữa, rửa máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận tải | Đối tượng: Môi trường nước; sinh vật thủy sinh; cán bộ công nhân tham gia xây dựng dự án;<br>Quy mô: Không khí và nước, đất tại khu vực thực hiện dự án | Mang tính tạm thời, xảy ra trong thời gian ngắn (giai đoạn thi công) |
| 2.2 | Nước thải sinh hoạt | - Nước thải sinh hoạt từ cán bộ công nhân viên tham gia dự án                                                                                              |                                                                                                                                                         |                                                                      |
| 3   | Chất thải rắn       |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                         |                                                                      |
| 3.1 | Chất thải xây dựng  | - Xây dựng các hạng mục công trình                                                                                                                         | Đối tượng: môi trường đất, nước, không khí,<br>Quy mô: Khu vực thực hiện dự án                                                                          | Mang tính tạm thời, xảy ra trong thời gian ngắn (giai đoạn thi công) |
| 3.2 | Chất thải sinh hoạt | Từ sinh hoạt của công nhân xây dựng                                                                                                                        | Đối tượng: Môi trường đất nước, không khí, con người                                                                                                    |                                                                      |
| 3.3 | CTNH                | Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;<br>Sơn đường                                                                                                         | Đối tượng: Môi trường đất, nước, không khí, con người;<br>Quy mô: Khu vực dự án, khu lưu chứa chất thải                                                 | Mang tính tạm thời, xảy ra trong thời gian ngắn (giai đoạn thi công) |

**a, Các nguồn gây tác động đối với môi trường không khí**

Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình

Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Các nguồn gây ô nhiễm chính tới môi trường không khí trong quá trình thi công các hạng mục của dự án như san nền; xây dựng hệ thống giao thông; xây dựng khu nhà làm việc, xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc và xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường,... Như vậy, trong giai đoạn xây dựng tại khu vực dự án, các nguồn phát sinh ô nhiễm và hình thức tác động của các tác nhân gây ô nhiễm được dự báo như sau:

- Bụi phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp mặt bằng;
- Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ và tập kết vật liệu xây dựng;
- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, vận chuyển nguyên vật liệu;
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công;
- Hơi, khí thải từ hoạt động sơn tường, sơn vạch kẻ đường.

*\*) Bụi, khí thải từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san nền*

Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, bụi phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: Quá trình phát quang thảm thực vật chủ yếu là phát quang cây bụi. Đối với các cây hoa màu được người dân khai thác trước khi thu hồi đất. Do đó lượng bụi phát sinh không đáng kể.

**+ Bụi từ quá trình đào đất, san nền.**

Bụi phát sinh từ quá trình đào đất và đắp san nền. Với tổng khối lượng đào đắp = 4.418,5 m<sup>3</sup> (cát san nền) + 493,7 m<sup>3</sup> (đất đào lớp hữu cơ) = 4.912,2 m<sup>3</sup>, tương đương 6.385,8 tấn.

Tổng thời gian thực hiện bóc lớp hữu cơ, san lấp của dự án ước khoảng 2 tháng, tương đương 52 ngày làm việc (mỗi tháng 26 ngày). Ước tính nồng độ bụi phát sinh như sau:

Do tính chất của công việc san lấp cần phải khô ráo, do đó Chủ dự án sẽ lựa chọn phương án thực hiện công việc san lấp vào mùa khô.

Theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế, hệ số ô nhiễm bụi phát tán từ quá trình đào đắp như sau:

**Bảng 3.3: Hệ số ô nhiễm từ quá trình đào đắp**

| Mùa        | Hệ số ô nhiễm (kg/tấn) |
|------------|------------------------|
| Mùa mưa    | 1,66x10 <sup>-3</sup>  |
| Mùa khô    | 1,20x10 <sup>-3</sup>  |
| Trung bình | 1,43x10 <sup>-3</sup>  |

Tính theo hệ số ô nhiễm trung bình, tổng lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp của dự án:

$$6.385,8 \text{ tấn} \times 1,43 \times 10^{-3} \text{ kg/tấn} = 9,13 \text{ kg}$$

Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp được tính trong bảng sau:

**Bảng 3.4: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp**

| STT                                       | Thông số                                            | Đơn vị                  | Khối lượng |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|------------|
| 1                                         | Diện tích dự án                                     | m <sup>2</sup>          | 2.076      |
| 2                                         | Thể tích tác động trên mặt bằng dự án (độ cao 10 m) | m <sup>3</sup>          | 20.760     |
| 3                                         | Tải lượng                                           | Kg/h                    | 0,022      |
| 4                                         | Nồng độ bụi phát sinh trung bình (1 giờ)            | mg/m <sup>3</sup>       | 0,88       |
| <b>QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1h)</b> |                                                     | <b>mg/m<sup>3</sup></b> | <b>0,3</b> |

*Ghi chú:*

+ Tải lượng bụi (kg/h) = tổng tải lượng bụi (kg)/số ngày thi công/8 h

+ Thể tích tác động trên mặt bằng Dự án:  $V = S \times H$  với S là diện tích mặt bằng, H là độ cao phát tán (10 m);

+ Nồng độ bụi trung bình (mg/m<sup>3</sup>) = tải lượng (kg/h) x 10<sup>6</sup>/V (m<sup>3</sup>)

So sánh nồng độ cộng hưởng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp và môi trường nền với QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1h) là 0,3 (mg/m<sup>3</sup>) ta thấy nồng độ bụi phát sinh trong giai đoạn đào đắp san lấp là cao hơn quy chuẩn cho phép.

Quá trình đào lớp đất hữu cơ, san lấp mặt bằng ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân Khoái Châu công và các khu vực dân cư xung quanh.

*\*) Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ, tập kết vật liệu xây dựng*

Quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu tại công trường xây dựng sẽ gây phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Bụi chủ yếu phát tán từ các nguồn vật liệu: Gạch, cát, đá, xi măng và một phần từ sắt, thép.

Theo tính toán sơ bộ của chủ dự án thì tổng khối lượng nguyên vật liệu cần sử dụng cho các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án khoảng 6.930,1 tấn (sắt, thép, xi măng, cát, đá, gạch,...) Như vậy, với hệ số phát thải tối đa của bụi phát sinh từ nguyên vật liệu xây dựng trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ và tập kết là 0,075 kg/tấn (dựa theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO) thì tổng lượng bụi phát sinh từ quá trình này là khoảng 519,8 kg bụi (trong 9 tháng), do đó, lượng bụi phát sinh trung bình từ vật liệu trong giai đoạn xây dựng là khoảng 2,22 kg/ngày. Khi lượng bụi này phát tán vào môi trường sẽ ảnh hưởng đến chất lượng các thành phần môi trường xung quanh, đồng thời sẽ gây tác động trực tiếp đến công nhân, gây các bệnh về hô hấp, bệnh về mắt,...

Lượng bụi nhỏ và phát sinh cục bộ trong quá trình bốc dỡ. Tuy nhiên, chủ dự án cũng cần có biện pháp bốc dỡ hợp lý nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh này.

*\*) Bụi từ quá trình thi công xây dựng*

- *Nguồn phát sinh và đặc trưng của bụi:* Bụi đất cát sinh khi vận chuyển vật liệu, thi công xây dựng, ... Bụi bị cuốn lên từ đường giao thông do phương tiện, gió thổi qua bãi chứa vật liệu xây dựng như xi măng, đất cát... Thực tế mức độ ô nhiễm bụi phụ thuộc vào chất lượng của phương tiện vận tải, chất lượng đường và ý thức của

chủ phương tiện.

- *Mức độ tác động*: được dự báo như sau:

Nồng độ bụi ở một số công trường xây dựng theo thống kê của Viện khoa học vật liệu như sau:

**Bảng 3.5: Dự báo nồng độ bụi thực tế ở một số công trường xây dựng**

| Vị trí                                                                                                   | Nồng độ bụi<br>( $mg/m^3$ ) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| Bụi giao thông khi có xe qua trong điều kiện đường bình thường, khoảng cách 5 m từ lề đường sang hai bên | $0,7 \div 1,2$              |
| Bụi giao thông khi có xe qua trong điều kiện đường xấu, khoảng cách như trên                             | $3 \div >10$                |
| <b>QCVN 05:2023/BTNMT</b> : Chất lượng không khí xung quanh                                              | <b>0,3</b>                  |
| <b>QCVN 02:2019/BYT</b> : Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi                                             | <b>8,0</b>                  |

Từ hiện trạng đường giao thông khu vực (100% là đường nhựa, chất lượng tốt) và bảng tham khảo trên cho thấy nồng độ bụi tại khu vực được dự báo trong khoảng  $0,7 \div 1,2 mg/m^3$ , ngoài ra bụi phát sinh từ các khâu trong xây dựng nên nồng độ bụi trong khu vực dự án sẽ cao hơn. Mức độ xảy ra cao.

Bụi chủ yếu là đất, xi măng, cát, đá thuộc loại bụi nặng, không phát tán đi xa, dễ sa lắng và gây tác hại chủ yếu cho các đối tượng ở gần khu vực sinh bụi, với công nhân trong công trường xây dựng và môi trường xung quanh đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng... Khả năng phục hồi trung bình.

Tuy có tác động nhưng chỉ mang tính nhất thời, khi dự án đi vào hoạt động những tác động này sẽ chấm dứt.

Chủ dự án sẽ có các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động từ bụi đến môi trường và đặc biệt là công nhân làm việc trên công trường.

*\*) Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng*

Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, các phương tiện thi công có công suất lớn như ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cần cẩu, búa máy... thành phần chính của các loại khí thải này thường bao gồm  $CO_2$ , CO,  $NO_x$ , hydrocacbon, hơi xăng dầu. Các khí thải này thường là sản phẩm của quá trình đốt cháy nhiên liệu ở các động cơ đốt trong và các dạng nhiên liệu cháy không hết từ động cơ xe thải ra ngoài. Mức độ ô nhiễm giao thông phụ thuộc vào chất lượng đường, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, chất lượng kỹ thuật xe trên công trường và lượng nhiên liệu tiêu thụ.

- *Tính toán lượng bụi, khí thải phát sinh từ các PTGTVT*:

Trong quá trình thi công (san nền, xây dựng các hạng mục công trình, đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật), với khối lượng nguyên vật liệu xây dựng cần vận

chuyển trong quá trình xây dựng ước **khoảng 6.930,1 tấn và dự** tính mỗi xe vận chuyển được 16 tấn, các xe vận chuyển sử dụng nhiên liệu là diesel thì lượng xe cần vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình xây dựng của dự án vào **khoảng 433 xe.**

**Tổng số lượt xe ra, vào phục vụ cho cả giai đoạn thi công xây dựng của dự án là:**

$$433 \times 2 = 866 \text{ (lượt xe)}$$

Theo số liệu thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), lượng phát thải khí độc do các phương tiện được xác định trong bảng sau:

**Bảng 3.6: Tải lượng khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động**

| Xe tải                                              | Đơn vị (u)   | TSP<br>(kg/u) | SO <sub>2</sub><br>(kg/u) | NO <sub>2</sub><br>(kg/u) | CO<br>(kg/u) | THC<br>(kg/u) | Chì<br>(kg/u) |
|-----------------------------------------------------|--------------|---------------|---------------------------|---------------------------|--------------|---------------|---------------|
| <i>* Xe tải chạy xăng trọng tải 3,5 tấn trở lên</i> |              |               |                           |                           |              |               |               |
| Chạy trong thành phố                                | 1000km       | 0,4           | 4,5S                      | 4,5                       | 70           | 7             | 0,31          |
|                                                     | 1 tấn N.liệu | 3,5           | 20S                       | 20                        | 300          | 30            | 1,35          |
| Chạy trên đường cao tốc                             | 1000km       | 0,6           | 3,3S                      | 7,5                       | 50           | 3,5           | 0,22          |
|                                                     | 1 tấn N.liệu | 3,6           | 20S                       | 45                        | 300          | 20            | 1,35          |
| <i>*Xe tải chạy diesel trọng tải 3,5 đến 16 tấn</i> |              |               |                           |                           |              |               |               |
| Chạy trong thành phố                                | 1000 km      | 0,9           | 4,29S                     | 11,8                      | 60           | 2,6           |               |
|                                                     | 1 tấn N.liệu | 4,3           | 20S                       | 55                        | 28           | 12            |               |

( Nguồn: Tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới năm 1993)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu.

Giả thiết: quãng đường vận chuyển **nguyên vật liệu xây dựng từ cơ sở bán nguyên vật liệu xây dựng tới công trường thi công là 10 km, cả lượt đi và lượt về là 20 km** thì tải lượng khí thải phát sinh bởi 1 xe được ước tính như sau:

$$+ \text{Tải lượng bụi: } E_b = 0,9 \times 20/1000 = 0,018 \text{ (kg/xe)}$$

$$+ \text{Tải lượng SO}_2: E_{SO_2} = 4,29S \times 20/1000 = 0,0858S \text{ (kg/xe)}$$

$$+ \text{Tải lượng NO}_2: E_{NO_2} = 11,8 \times 20/1000 = 0,236 \text{ (kg/xe)}$$

$$+ \text{Tải lượng CO: } E_{CO} = 60 \times 20/1000 = 1,2 \text{ (kg/xe)}$$

$$+ \text{Tải lượng THC: } E_{THC} = 2,6 \times 20/1000 = 0,052 \text{ (kg /xe)}$$

**Vậy tổng lượng khí phát thải do hoạt động vận chuyển nguyên** vật liệu xây dựng của **1.134** lượt xe trong cả quá trình san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên liệu phục vụ giai đoạn xây dựng được thể hiện qua bảng số liệu sau:

**Bảng 3.7: Tải lượng khí độc phát sinh trong quá trình vận chuyển của PTGTVT**

| Khí độc         | Lượng phát thải trong 1000km (kg) | Lượng phát thải trong 20km (kg) | Lượng phát thải tổng số lượt xe(kg) |
|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| Bụi TSP         | 0,9                               | <b>0,018</b>                    | <b>15.588</b>                       |
| SO <sub>2</sub> | 4,29S                             | <b>0,0858S</b>                  | <b>74.3028S</b>                     |
| NO <sub>2</sub> | 11,8                              | <b>0,236</b>                    | <b>204.376</b>                      |

|     |     |       |        |
|-----|-----|-------|--------|
| CO  | 60  | 1,2   | 1039.2 |
| THC | 2,6 | 0,052 | 45.032 |

(Nguồn: Tính toán dựa trên thực tế và số liệu thống kê của WHO )

Theo kết quả tính toán cho thấy lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện GTVT trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đến dự án là tương đối lớn. Tuy nhiên, các xe vận chuyển không liên tục, nên tác động của bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển là mang tính nhất thời, khi dự án đi vào hoạt động những tác động này sẽ không còn. Khả năng phục hồi của các đối tượng nhanh.

*\*) Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công*

Căn cứ vào chủng loại các máy san lấp và xây dựng hoạt động trên công trường Dự án, định mức nhiên liệu tiêu hao của chúng trong mỗi ca làm việc (*phụ lục2, thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng*) và dựa vào trọng lượng riêng của dầu diesel là 0,84 (kg/lít) và số lượng máy hoạt động trên công trường có thể tính được tải lượng khí phát thải:

**Bảng 3.8: Định mức tiêu thụ nhiên liệu của các động cơ**

| STT | Loại máy                                        | ĐM tiêu thụ<br>NL (lít<br>diesel/máy/ca) | ĐM tiêu thụ<br>NL (kg<br>diesel/máy/ca) | Số<br>lượng<br>máy/ca | Nhu cầu<br>nhiên liệu<br>(kg<br>diesel/ca) |
|-----|-------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Máy đào một gầu<br>bán xích 1,25 m <sup>3</sup> | 83                                       | 69,72                                   | 03                    | 209,16                                     |
| 2   | Máy lu bánh thép<br>tự hành 12 T                | 32                                       | 26,88                                   | 04                    | 107,52                                     |
| 3   | Máy lu bánh hơi tự<br>hành 16T                  | 38                                       | 31,92                                   | 02                    | 63,84                                      |
| 4   | Máy đầm rung                                    | 29                                       | 24,36                                   | 01                    | 24,36                                      |
| 5   | Máy ủi 110CV                                    | 46                                       | 38,64                                   | 02                    | 77,28                                      |
| 6   | Ô tô tự đổ                                      | 46                                       | 38,64                                   | 02                    | 77,28                                      |
| 7   | Máy đầm bê tông,<br>đầm dùi                     | 26                                       | 21,84                                   | 01                    | 21,84                                      |
| 8   | Máy đầm đất cầm<br>tay                          | 13                                       | 10,92                                   | 01                    | 10,92                                      |
| 9   | Máy lu rung 15T                                 | 39                                       | 32,76                                   | 01                    | 32,76                                      |
| 10  | Máy phun nhựa<br>đường                          | 57                                       | 47,88                                   | 01                    | 47,88                                      |
| 11  | Máy rải cấp phối<br>đa dầm                      | 30                                       | 25,2                                    | 01                    | 25,2                                       |

|    |                              |    |       |    |       |
|----|------------------------------|----|-------|----|-------|
| 12 | Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa | 34 | 28,56 | 01 | 28,56 |
| 13 | Máy trộn bê tông             | 28 | 23,52 | 01 | 23,52 |
| 14 | Cần cầu bánh hơi 6 tấn       | 25 | 21    | 01 | 21    |

(Nguồn: phụ lục thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng)

Với nhu cầu nhiên liệu của từng loại máy trên và hệ số ô nhiễm của nhiên liệu ta có thể tính được tải lượng các khí thải phát sinh theo bảng sau:

**Bảng 3.9:Tải lượng các khí phát sinh từ các loại máy san lấp và xây dựng**

| <b>Chỉ tiêu<br/>Loại máy</b>                  | <b>SO<sub>2</sub><br/>g/ca</b> | <b>NO<sub>x</sub><br/>g/ca</b> | <b>CO<br/>g/ca</b> | <b>VOC<br/>g/ca</b> |
|-----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------|
| <b>Hệ số ô nhiễm (g/kg nhiên liệu)</b>        | <b>20*S</b>                    | <b>70</b>                      | <b>14</b>          | <b>4</b>            |
| Máy đào một gầu bánh xích 1,25 m <sup>3</sup> | 10.458                         | 14641.2                        | 2928.24            | 836.64              |
| Máy lu bánh thép tự hành 12 T                 | 5.376                          | 7526.4                         | 1505.28            | 430.08              |
| Máy lu bánh hơi tự hành 16T                   | 3.192                          | 4468.8                         | 893.76             | 255.36              |
| Máy đầm rung                                  | 1.218                          | 1705.2                         | 341.04             | 97.44               |
| Máy ủi 110CV                                  | 3.864                          | 5409.6                         | 1081.92            | 309.12              |
| Ô tô tự đổ                                    | 3.864                          | 5409.6                         | 1081.92            | 309.12              |
| Máy đầm bê tông, đầm dùi                      | 1.092                          | 1528.8                         | 305.76             | 87.36               |
| Máy đầm đất cầm tay 60kg                      | 0.546                          | 764.4                          | 152.88             | 43.68               |
| Máy lu rung 15T                               | 1.638                          | 2293.2                         | 458.64             | 131.04              |
| Máy phun nhựa đường                           | 2.394                          | 3351.6                         | 670.32             | 191.52              |
| Máy rải cấp phối đa dăm                       | 1.26                           | 1764                           | 352.8              | 100.8               |
| Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa                  | 1.428                          | 1999.2                         | 399.84             | 114.24              |
| Máy trộn bê tông                              | 1.176                          | 1646.4                         | 329.28             | 94.08               |
| Cần cầu bánh hơi 6 tấn                        | 1.05                           | 1470                           | 294                | 84                  |

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu (0,25%)

Tải lượng khí thải từ các phương tiện thi công chỉ mang tính cục bộ, tạm thời khi giai đoạn xây dựng dừng thì tác động này tới môi trường không khí sẽ không còn, do đó tác động đối với môi trường không lớn.

**\*) Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn**

Trong quá trình thi công các hạng mục của Dự án sẽ diễn ra các quá trình hàn. Trong quá trình hàn tạo các liên kết, các loại hóa chất trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa chất độc hại, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Bảng dưới đây cho biết nồng độ các chất khí độc trong quá trình hàn điện các vật liệu kim loại. Căn cứ vào khối lượng và chủng loại que hàn

sử dụng sẽ dự báo được tải lượng các chất ô nhiễm không khí phát sinh từ công đoạn hàn.

**Bảng 3.10: Tỷ trọng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn điện kim loại**

| Chất ô nhiễm                   | Đường kính que hàn (mm) |      |     |       |       |
|--------------------------------|-------------------------|------|-----|-------|-------|
|                                | 2,5                     | 3,25 | 4   | 5     | 6     |
| Khói hàn (mg/l.que hàn)        | 285                     | 508  | 706 | 1.100 | 1.578 |
| CO (mg/l.que hàn)              | 10                      | 15   | 25  | 35    | 50    |
| NO <sub>x</sub> (mg/l.que hàn) | 12                      | 20   | 30  | 45    | 70    |

Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB khoa học kỹ thuật -2000

Theo bảng nhu cầu nguyên liệu sử dụng tại chương I, khối lượng que hàn sử dụng trong giai đoạn xây dựng của dự án là 0,075 Tấn.

Giả sử lượng que hàn sử dụng cho quá trình hàn là loại có đường kính 4mm, 25 que/kg thì số lượng que hàn cần sử dụng cho quá trình xây dựng được tính như sau:

Lượng que hàn sử dụng = 25 x 0,075 x 1000 = 1.875 que/quá trình xây dựng.

Quá trình hàn các kết cấu để phục vụ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình dự án diễn ra trong khoảng thời gian là 1 tháng (26 ngày). Vì vậy mà lượng que hàn sử dụng một ngày trong quá trình xây dựng được tính như sau:  $1.875/26 = 72,11$  que/ngày.

Căn cứ vào số lượng và chủng loại que hàn sử dụng, tỷ trọng các chất khí độc hại phát sinh trong quá trình hàn điện các vật liệu kim loại sẽ dự báo được tải lượng các chất gây ô nhiễm không khí phát sinh từ công đoạn hàn.

Tải lượng chất gây ô nhiễm trong khí thải = tỷ trọng chất gây ô nhiễm x số que hàn.

Kết quả tính toán tải lượng chất gây ô nhiễm từ khí thải trong quá trình hàn được dự báo theo bảng sau:

**Bảng 3.11: Tải lượng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn**

| Chất ô nhiễm    | Đường kính que hàn 4<br>(mm) | Tải lượng ước tính<br>(mg/ngày) |
|-----------------|------------------------------|---------------------------------|
|                 | (mg/l, que hàn)              |                                 |
| Khói hàn        | 706                          | 49,14                           |
| CO              | 25                           | 1,74                            |
| NO <sub>x</sub> | 30                           | 2,088                           |

Mức độ tác động thấp do tải lượng không lớn. Ta có thể nhận định tải lượng khí thải từ công đoạn hàn không cao so với nguồn ô nhiễm khác, đồng thời khu vực công trường thoáng rộng nên tác động đến môi trường là không đáng kể; tác động đến công nhân thực hiện rất nhỏ, không gây ảnh hưởng tới sức khỏe. Mặt khác những tác động này chỉ mang tính chất nhất thời, khi dự án đi vào hoạt động những tác động này sẽ

chấm dứt và công nhân thực hiện quá trình hàn đều được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, kính mắt, găng tay.

*b, Nguồn gây tác động tới môi trường nước*

*1- Nước mưa chảy tràn*

*\* Thành phần chất ô nhiễm có trong nước mưa*

Nước mưa khi rơi vào khu vực hoặc chảy qua khu vực dự án sẽ cuốn theo nhiều CTR như đất, đá, bụi, vật liệu xây dựng vào các rãnh thoát nước.

*\* Mức độ tác động:* Được dự báo như sau:

**Lượng mưa tại Hưng Yên trung bình năm cao nhất (Theo niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên từ năm 2018-2022) là 2144,1 mm, diện tích khu đất thực hiện dự án là 2.076 m<sup>2</sup> và thời gian xây dựng của dự án là 9 tháng.**

**Vậy lượng nước mưa trong khu vực xây dựng ước tính trung bình khoảng:**

**$Q = \text{Diện tích xây dựng} \times \text{lưu lượng mưa} \times \text{thời gian xây dựng}$**

$$Q = 2.076 \times 2.144,1 \times 10^{-3} \times 9/12 = 3.338 \text{ m}^3/\text{quá trình xây dựng}.$$

- Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn theo WHO được ước tính như sau:

|                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| Tổng Nitơ             | : 0,5 ÷ 1,5 mg/l;    |
| Phospho               | : 0,004 ÷ 0,03 mg/l; |
| COD                   | : 10 ÷ 20 mg/l;      |
| Tổng chất rắn lơ lửng | : 10 ÷ 20 mg/l.      |

Lượng nước này khá lớn, nếu các tuyến cống thoát nước có bùn cặn lắng đọng nhiều thì khi nước mưa thoát không kịp sẽ gây úng ngập tức thời. Nước mưa tràn lên, chảy theo bề mặt, cuốn theo các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Trong nước mưa đợt đầu thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi,... của quá trình thi công xây dựng từ những ngày không mưa.

*2- Nước thải sinh hoạt*

*\* Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân; vệ sinh, rửa chân tay,...

Thành phần của nước thải sinh hoạt bao gồm: chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>), chất dinh dưỡng (N/P), chất rắn lơ lửng (SS), vi sinh vật,... đây là những chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao đối với nguồn nước mặt trong khu vực.

*\* Mức độ tác động:*

Trong quá trình xây dựng dự án thời điểm tối đa có khoảng 20 công nhân làm việc trên công trường. Công nhân không ăn ngủ ở tại công trường 24/24h nên lượng nước sử dụng cho công nhân xây dựng là 45 lít/người/ngày, với hệ số phát thải là 1 thì

ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án là:  $20 \times 0,045 \times 100\% = 0,9 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$ .

Về lý thuyết nồng độ bẩn của nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào lưu lượng thải, lượng chất bẩn đơn vị tính trung bình cho 1 người/ngày, đặc điểm, tính chất của các công trình và thiết bị vệ sinh. Nước thải sinh hoạt của công trường xây dựng được tính toán như sau:

$$P = \text{Định mức trung bình 1 người} \times N$$

Do đó, tổng tải lượng các chất gây ô nhiễm được trình bày như bảng sau:

**Bảng 3.12: Bảng tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

| Chất ô nhiễm         | Định mức TB<br>(g/người.ngày)* | Tổng tải lượng<br>(g/ngày) |
|----------------------|--------------------------------|----------------------------|
| BOD <sub>5</sub>     | 50                             | 1.000                      |
| COD                  | 89                             | 1.780                      |
| TSS                  | 86                             | 1.720                      |
| Dầu mỡ               | 20                             | 400                        |
| Coliform (MPN/100ml) | 10 <sup>4</sup>                | 20x10 <sup>4</sup>         |

Ghi chú: (\*) Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật

Nồng độ chất ô nhiễm được tính theo công thức:

$$C = P/V \text{ (g/m}^3\text{)} = P \times 10^3 / V \times 10^3 = P/V \text{ (mg/l)}$$

Trong đó:

P: Tổng tải lượng chất gây ô nhiễm (gam/ngày)

N: Số công nhân lao động trên công trường

V: Thể tích nước thải sinh hoạt (**V = 0,9 m<sup>3</sup>/ngày**)

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải phát sinh do quá trình sinh hoạt của công nhân và nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.13: Bảng nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

| Chất ô nhiễm         | Nồng độ chất ô nhiễm<br>(mg/l) | QCDP 01:2019/HY |                                                      |
|----------------------|--------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|
|                      |                                | C               | C <sub>max</sub> (K = 1,2,<br>K <sub>hy</sub> = 0,9) |
| BOD <sub>5</sub>     | 714,3                          | 30              | 32,4                                                 |
| COD                  | 1271,4                         | -               | -                                                    |
| TSS                  | 1228,6                         | 50              | 54                                                   |
| Dầu mỡ               | 285,7                          | 10              | 12                                                   |
| Coliform (MPN/100ml) | 142.857                        | 3.000           | 3.000                                                |

Theo QCDP 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt.

Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình

Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Kết quả tính toán cho thấy hầu hết các chỉ tiêu trong nước thải sinh hoạt đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép QCDP 01:2019/HY (nồng độ  $C_{max}$ ): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt. Ngoài ra trong nước thải sinh hoạt chứa các vi khuẩn mang mầm bệnh, trứng giun sán, các vi khuẩn này theo nguồn nước làm lan truyền mầm bệnh.

Vì vậy, chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu tác động này.

### 3- Nước thải thi công

\* Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải thi công:

Nước thải trong quá trình thi công xây dựng gần như không phát sinh do hầu hết lượng nước sử dụng cho mục tiêu xây dựng đều được tiêu thụ vào trong trộn xi măng, đầm cát,... không phát sinh ra ngoài môi trường. Phần nước thải phát sinh ra ngoài môi trường là nước thải từ hoạt động rửa máy móc, thiết bị thi công xây dựng với lượng không lớn, ước tính khoảng  $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Lượng nước thải này có chứa một số chất ô nhiễm như: xi măng, vôi vữa và một số chất vô cơ thông thường như cát, đá.

Thành phần của nước thải thi công chứa: chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ, bụi...Thành phần của nước thải thi công chứa: chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ, bụi...

- Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn theo nghiên cứu của Trung tâm Môi trường đô thị và khu công nghiệp CEETIA được ước tính như sau:

**Bảng nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải thi công xây dựng**

| Chất ô nhiễm       | Nồng độ chất ô nhiễm<br>(mg/l) | QCDP 02:2019/HY |
|--------------------|--------------------------------|-----------------|
| pH                 | 6,99                           | <b>6-9</b>      |
| Chất rắn lơ lửng   | 663                            | <b>50</b>       |
| Tổng dầu mỡ khoáng | 0,02                           | <b>5</b>        |

- **QCDP 02:2019/HY:** Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp.

Kết quả cho thấy, thông số pH và tổng dầu mỡ khoáng đều đạt theo quy chuẩn, nồng độ chất rắn lơ lửng trong nước thải thi công tương đối cao. Đây là điều tất yếu trong quá trình xây dựng. Do đó để đảm bảo chất lượng môi trường, Chủ đầu tư sẽ có những quy định buộc các nhà thầu xây dựng phải có những biện pháp quản lý cụ thể để tránh gây ra các tác động xấu.

### c, Chất thải rắn

\* Thành phần chất thải rắn:

Quá trình xây dựng phát sinh các chất thải rắn bao gồm:

- Chất thải rắn xây dựng: chất thải từ quá trình xây dựng gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép,...

- Chất thải rắn sinh hoạt: bao bì chứa, thức ăn thừa...

- Chất thải nguy hại: dầu mỡ thải, thùng chứa dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, ắc quy thải...

\* *Mức độ tác động*: được dự báo như sau:

- *Chất thải rắn xây dựng*:

+ Chất thải từ quá trình xây dựng gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép,... Căn cứ vào giáo trình quản lý và xử lý CTR, Nguyễn Văn Phước, NXB Xây dựng, 2008 và số liệu thực tế một số dự án tương tự khi thi công các công trình xây dựng khối lượng CTR trong quá trình thi công ước tính khoảng 0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu (gồm nguyên liệu không đạt và nguyên liệu rơi vãi). Với lượng nguyên vật liệu sử dụng cho quá trình xây dựng của dự án ước khoảng 6.930,1 tấn thì có khối lượng chất thải trong quá trình thi công khoảng:  $0,01\% \times 6.930,1 = 0,69$  tấn.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình ăn ở của công nhân như: rau củ quả, thức ăn thừa, nilon, giấy... Lấy tiêu chuẩn xả rác là 0,3 kg/người/ngày (*định mức thải theo Quy chuẩn số 01/2019/QĐ-BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng”*) thì với 20 công nhân làm việc lượng CTRSH phát sinh tính như sau:

$$Q = N \times 0,3 \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

Q: Tổng lượng CTRSH phát sinh

N: Tổng số người trên công trường

Vậy lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 6 kg/ngày. CTRSH chủ yếu là các chất hữu cơ (chiếm 55 – 70%), dễ gây mùi, là nơi lý tưởng cho sự sinh sôi và phát triển của các loài vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm, là nơi ở lý tưởng của ruồi, muỗi phát triển. Rác thải sinh hoạt nếu không được thu gom tốt sẽ cuốn theo nước mưa làm đường ống dẫn nước bị tắc nghẽn, làm mất mỹ quan, gây mùi hôi thối... ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí khu vực.

- *Chất thải nguy hại*

Trong giai đoạn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh bao gồm: giẻ lau dính dầu từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận chuyển và thi công trong khu vực dự án, dầu mỡ thải, bao bì thải có chứa thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang hỏng...

Cụ thể về thành phần, khối lượng và mã chất thải nguy hại của từng loại được trình bày trong bảng dưới đây:

**Bảng 3.15: Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng**

| STT                    | Tên chất thải nguy hại                              | Mã chất thải    | Khối lượng<br>(Kg/quá trình xây dựng) |
|------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1                      | Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất             | Mã số: 18 02 01 | 80                                    |
| 2                      | Dầu mỡ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thải bỏ | Mã số: 17 02 03 | 30                                    |
| 3                      | Bao bì mềm đựng dầu mỡ                              | Mã số: 18 01 01 | 25                                    |
| 4                      | Đầu mẫu que hàn                                     | Mã số: 07 04 01 | 8                                     |
| 5                      | Vật liệu thấm dầu                                   | Mã số: 18 02 01 | 18                                    |
| 6                      | Thùng đựng sơn thải                                 | Mã số: 18 01 03 | 50                                    |
| <b>Tổng khối lượng</b> |                                                     |                 | <b>211</b>                            |

➤ **Tác động:**

Tác động tới môi trường dễ nhận thấy nhất là làm mất mỹ quan, tạo nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước ngầm, môi trường nước mặt và tăng cao nguy cơ cháy nổ. Nếu không có biện pháp xử lý thì khả năng phục hồi của đối tượng bị tác động không cao. Vì vậy, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được thu gom, phân loại và đưa đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

**3.2.1.2. Các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải**

\* Các nguồn tác động không liên quan đến chất thải gồm có:

- Tiếng ồn, rung động của các thiết bị thi công cơ giới trong giai đoạn xây dựng.
- Tác động đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực.
- Những biến đổi môi trường, cảnh quan, dẫn tới biến đổi đa dạng sinh học.

\* *Mức độ tác động:*

**a. Tác động của tiếng ồn**

Tác động của tiếng ồn và rung động do sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thi công trên công trường và trên các tuyến giao thông là không thể tránh khỏi.

Mức ồn tính toán (Li) trên công trường xây dựng như sau:

$$Li = Lp - \Delta Ld - \Delta Lc$$

Trong đó:

- Lp: độ ồn tại điểm cách nguồn 15 m.
- $\Delta Ld$ : mức giảm độ ồn ở khoảng cách d và được tính theo công thức sau:

$$\Delta Ld = 20 \cdot \lg [(r_2/r_1)]^{(1+a)} \text{ (dBA)}$$

- a: hệ số tính đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất. Do mặt đất

**Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình**

**Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

khu vực sau GPMB được coi là trống trải, không có cây cối nên  $a = 0$ .

-  $r$ : khoảng cách từ nguồn đến điểm đo,  $r = 15 \text{ m}$ .

-  $\Delta L_c$ : mức độ giảm độ ồn khi đi qua vật cản. Ở đây tính trong trường hợp không có vật cản,  $\Delta L_c = 0 \text{ (dBA)}$ .

Tổng độ ồn sinh ra tại một điểm do tất các nguồn gây ra tính theo công thức:

$$\sum L = 10 \lg \sum_i^n 10^{(L_i / 10)} \quad (\text{dBA})$$

Kết quả tính toán mức ồn như bảng sau:

**Bảng 3.16: Nguồn phát sinh, mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn theo khoảng cách**  
(Đơn vị: dBA)

| TT               | Nguồn gây ồn                 | Khoảng cách |      |      | Tổng ồn |      |      |
|------------------|------------------------------|-------------|------|------|---------|------|------|
|                  |                              | 15m*        | 20m  | 50 m | 15m*    | 20m  | 50 m |
| 1                | Máy đầm rung                 | 76          | 73,5 | 65,5 | 81,2    | 77,8 | 72,5 |
| 2                | Thiết bị sơn kẻ vạch YHK 10A | 75          | 72,5 | 64,5 |         |      |      |
| 3                | Máy đầm bê tông, đầm dùi     | 72,5        | 70   | 62   |         |      |      |
| 4                | Máy đầm đất cầm tay          | 77          | 74,5 | 66,5 |         |      |      |
| 5                | Máy đào một gầu bánh xích    | 75          | 72,5 | 64,5 |         |      |      |
| 6                | Máy lu bánh thép tự hành     | 76          | 73,5 | 65,5 |         |      |      |
| 7                | Máy lu bánh hơi tự hành      | 79          | 76,5 | 68,5 |         |      |      |
| 8                | Máy lu rung                  | 78          | 76,5 | 74   |         |      |      |
| 9                | Máy phun nhựa đường          | 76          | 75   | 72   |         |      |      |
| 10               | Máy rải cấp phối đa dăm      | 77          | 74,5 | 72   |         |      |      |
| 11               | Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa | 86          | 83,5 | 81   |         |      |      |
| 12               | Máy trộn vữa                 | 82          | 76,5 | 72   |         |      |      |
| 13               | Máy ủi                       | 87          | 81,5 | 72,5 |         |      |      |
| 14               | Ô tô tự đổ                   | 84          | 80   | 76,5 |         |      |      |
| 15               | Cần cẩu bánh hơi 6 tấn       | 85          | 82   | 78   |         |      |      |
| 16               | Máy cắt uốn cốt thép 5kW     | 81          | 78,5 | 72,5 |         |      |      |
| 17               | Máy khoan đứng               | 89          | 82   | 78   |         |      |      |
| 18               | Máy hàn nối ống nhựa         | 86          | 82,5 | 79,5 |         |      |      |
| 19               | Máy hàn biến thể xoay chiều  | 87          | 82,5 | 78,5 |         |      |      |
| QCVN 24:2016/BYT |                              | 85 dBA      |      |      |         |      |      |

|                          |               |
|--------------------------|---------------|
| <b>QCVN26:2010/BTNMT</b> | <b>70 dBA</b> |
|--------------------------|---------------|

Nguồn tham khảo: (\*) theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật- 2002.

Từ bảng trên cho thấy:

- Ở vị trí cách nguồn ồn 15m khi nguồn phát sinh là riêng lẻ hay đồng loạt thì mức ồn vẫn nằm trong TCCP đối với môi trường lao động.

- Nếu các thiết bị có tiếng ồn lớn hoạt động đồng thời có thể gây mức ồn vượt TCCP (>75dBA) ở một số khu vực như khu dân cư cách dự án 20m.

Vì độ ồn tính toán từ nguồn gây ồn như trên là giá trị tối đa theo các tài liệu. Hiện nay, một số thiết bị xây dựng có độ ồn thấp hơn số liệu trên. Ví dụ, máy đầm bê tông theo chuẩn của GSA (Hội Địa chất Hoa Kỳ) chỉ gây ồn ở mức 72,5 dBA ở cự ly 15 m nên chỉ gây cường độ ồn 62 dBA ở cự ly 50 m.

### **b. Rung động**

Trong quá trình thi công chủ yếu là sự hoạt động của các loại máy móc thi công như máy đầm bê tông, vận chuyển nguyên vật liệu.

Rung động trong quá trình thi công chủ yếu là sự hoạt động của các loại máy móc thi công như máy đầm bê tông, máy san ủi, vận chuyển nguyên vật liệu. Theo số liệu đo đạc thống kê, mức rung của các thiết bị thi công trong bảng sau:

**Bảng 3.17: Giới hạn rung của các thiết bị xây dựng công trình**

| TT | Thiết bị thi công   | Mức rung tham khảo, dBA<br>(mức rung theo phương thẳng đứng z) |                     |
|----|---------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------|
|    |                     | Nguồn rung cách 10m                                            | Nguồn rung cách 30m |
| 1  | Máy đào/máy xúc     | 80                                                             | 71                  |
| 2  | Xe ủi đất           | 79                                                             | 69                  |
| 3  | Phương tiện vận tải | 74                                                             | 64                  |

(Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới - WHO 1993)

Qua các số liệu trong bảng cho thấy mức rung của các máy móc và thiết bị thi công nằm trong khoảng từ 74 – 80 dBA đối với các vị trí cách xa 10m so với nguồn rung động. Đối với các vị trí cách nguồn 30 m thì mức rung đều nhỏ hơn 75 dBA (nằm trong giới hạn cho phép của TCVN 6962: 2001 về Rung động và chấn động - Rung động do các hoạt động thi công).

Cũng như bụi và khí thải, tiếng ồn và độ rung phát sinh không liên tục, chỉ kéo dài trong khoảng thời gian thi công và chỉ ảnh hưởng tới công nhân Khoái Châu công trên công trường nên đơn vị thi công cũng cần có những biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và bố trí thời gian làm việc hợp lý.

### **c. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực**

Quá trình xây dựng dự án có thể gây nên những tác động tích cực hoặc tiêu cực tới môi trường kinh tế xã hội.

Các tác động tích cực:

- Xây dựng "Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu" đáp ứng cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu làm việc của lực lượng Công an xã Ông Đình, góp phần, tạo điều kiện để lực lượng Công an xã Ông Đình hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao. Tạo được một không gian kiến trúc đẹp, hài hoà phù hợp về quy hoạch và phát triển.

Các tác động tiêu cực

- Mật độ giao thông gia tăng có thể gây ra tai nạn giao thông, làm cản trở việc đi lại của nhân dân trong khu vực.

- Gia tăng áp lực lên kết cấu đường trong thời gian dài gây nên các biến dạng về kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nứt vỡ... làm giảm tốc độ lưu thông trên đường.

- Gây bụi làm giảm khả năng quan sát đường của các lái xe khi tham gia giao thông.

- Gia tăng các tai nạn:

+ Trong quá trình thi công các yếu tố môi trường, cường độ lao động, mức độ ô nhiễm môi trường, tiếng ồn với cường độ cao và nhất là những ngày nắng nóng có khả năng ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe của người công nhân trong quá trình thi công như gây mệt mỏi, đau đầu và ngất.

+ Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá với mật độ xe cao có thể gây ra các tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Quá trình thi công xây dựng còn nảy sinh ra các vấn đề an ninh, trật tự xã hội và sức khỏe cộng đồng khác.

#### **d. Tác động đến giao thông khu vực**

Trong giai đoạn thi công xây dựng, mật độ xe ra vào dự án gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông quanh khu vực dự án.

Tình trạng các xe chở đất đá, nguyên vật liệu xây dựng hoạt động liên tục dễ dẫn đến ách tắc giao thông, gây cản trở hoạt động đi lại của các phương tiện, người đi bộ trên tuyến đường này.

Ách tắc giao thông khiến các phương tiện lưu thông buộc phải giảm tốc độ hoặc để phương tiện trong tình trạng động cơ vẫn nổ nhưng không di chuyển, làm tăng lượng phát thải khí, bụi, tiếng ồn do quá trình chạy động cơ, đốt cháy nhiên liệu là xăng, dầu diesel... gây ngột ngạt, khó thở và tâm lý khó chịu cho người tham gia giao thông.

Ngoài ra, xung quanh dự án có các cơ quan hành chính, trường học, do đó vào các giờ cao điểm, mật độ đi lại của công nhân đông cộng với các hoạt động của Dự án

có thể gây mất an toàn giao thông trong khu vực.

**e. Tác động đến sức khỏe công nhân viên làm việc xung quanh dự án**

Công nhân làm việc tại khu vực lân cận có thể bị ảnh hưởng với các tác động phát sinh từ dự án:

- Tiếng ồn, độ rung;
- Bụi, khí thải, mùi hôi;

Các tác nhân trên có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân, giảm năng suất lao động, giảm khả năng tập trung đối với các cán bộ, nhân viên tại các trụ sở, cơ quan lân cận.

**f. Tác động đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật**

Các hoạt động đào, đắp, xây dựng hạ tầng như công trình, đường nội bộ, sân bãi tại đây sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái hiện hữu.

Khu vực thực hiện dự án hiện tại là đất canh tác, đất nuôi trồng thủy sản và đất thể dục thể thao được san lấp mặt bằng để tiến hành các hoạt động đô thị hóa nên hệ sinh vật trên khu đất rất nghèo nàn chủ yếu chỉ có một số loài côn trùng, động vật gặm nhấm nhỏ và một số loài sinh vật dưới nước như cua, cá, ốc...

Trong thời gian xây dựng, các tác động thứ cấp sẽ xuất hiện như hàm lượng bụi trong không khí tăng lên, đất bị đào xới, xói lở. Những tác động này chỉ là nhất thời, diễn ra trong khoảng thời gian ngắn và chỉ gây tác động trong khu đất thực hiện dự án; khu vực thực hiện dự án hiện tại đã được giải phóng mặt bằng nên những tác động tới tài nguyên sinh vật là không đáng kể.

**g. Tác động đến công trình thủy lợi**

Khi triển khai xây dựng, không thu hồi, chiếm dụng công trình thủy lợi nên không tác động đến công trình thủy lợi.

Khu vực thực hiện dự án gần mương thủy lợi phía Đông (mương đất rộng khoảng 2,5m, có chức năng tưới tiêu cho khu vực) và mương phía Nam (mương đất rộng khoảng 3m có chức năng tưới tiêu cho khu vực). Trong quá trình triển khai dự án không xâm lấn, chiếm dụng kênh mương thủy lợi này.

Tuy nhiên trong quá trình thi công xây dựng, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải di chuyển trên khu vực này có thể rơi vãi nguyên vật liệu, chất thải xuống mương.

Có hoạt động của các công nhân trên công trường, phát sinh một lượng chất thải sinh hoạt trong quá trình này. Nên cần được quản lý, giám sát lượng chất thải sinh hoạt, tránh thải xuống lòng mương.

**3.2.1.3 Dự báo tác động gây ra bởi các rủi ro, sự cố**

**a, Tai nạn giao thông**

Quá trình thi công dự án cần một lượng lớn nguyên vật liệu vận chuyển đến

phục vụ dự án làm tăng đáng kể lượng phương tiện tham gia giao thông có thể gây ùn tắc cục bộ trên các tuyến đường vận chuyển.

Bên cạnh đó, trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, di chuyển các máy móc, thiết bị thi công có thể xảy ra các sự cố gây tai nạn giao thông làm thiệt hại về con người và tài sản. Vì vậy, trong quá trình thi công dự án, Chủ đầu tư sẽ phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu xây dựng trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro sự cố về tai nạn giao thông.

#### ***b, Tai nạn lao động***

Các tai nạn lao động có thể xảy ra trên công trường xây dựng bởi các nguyên nhân sau: Trong giai đoạn thi công còn tiềm ẩn các rủi ro về tai nạn lao động từ các phương tiện giao thông tại công trường, chủ yếu do sự bất cẩn của lái xe, hoặc do bố trí đường vận tải trên công trường không hợp lý,...

#### ***c, Sự cố cháy nổ***

Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ có thể do:

- Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do các nguyên nhân như chập điện, sét đánh và các quá trình khác như nấu ăn, đốt lửa, hút thuốc... tại khu vực làm việc và khu vực bếp ăn.

- Sự cố về các thiết bị sử dụng điện như quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt, dẫn đến cháy, hoặc do chập mạch khi có mưa.

- Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ tương đối nhỏ. Tuy nhiên nếu không có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó phù hợp thì khi xảy ra sự cố sẽ ảnh hưởng lớn sức khỏe, tính mạng người lao động và cảnh quan, môi trường xung quanh.

#### ***d, Tác động đến an ninh, trật tự xã hội:***

Do là nơi tập trung nhiều lao động từ các vùng miền khác nhau, phong tục tập quán khác nhau dễ phát sinh mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng và công nhân trong vùng, dễ vướng vào những tệ nạn xã hội.

#### ***e, Sự cố ngập úng, lũ lụt***

Khu vực xây dựng dự án có thể bị ngập lụt khi có mưa lớn do địa hình thấp nhất là các khu vực trũng. Tùy theo mức độ ngập lụt mà gây nên những thiệt hại khác nhau, trong đó điển hình là hệ thống thoát nước, kho chứa nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị gây hư hỏng làm tràn dầu mỡ, cát, sỏi, xi măng... ra môi trường.

#### ***f, Sự cố do bom mìn còn sót lại***

Việc dò phá bom mìn nếu để xảy ra sai sót sẽ gây ra những tác động đáng tiếc như chết người, thương tật do bom mìn còn sót lại phát nổ trong lúc thi công. Trong quá trình dò phá cũng có nguy cơ gây chết người hoặc thương tật, phá hủy tài sản do khả năng sát thương cao và phá hủy của bom mìn là rất lớn. Do đó, công tác dò phá bom mìn cần được tiến hành trên phạm vi toàn bộ diện tích đất quy hoạch và do đơn vị

có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện, công tác dò phá bom mìn phải được thực hiện ngay từ giai đoạn đầu của dự án.

### **3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện**

#### **3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động có liên quan đến chất thải**

##### **a, Biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường không khí**

\* Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động thi công đào đắp, san nền và từ hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng:

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn qui định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, đất, xi măng, đá...) để tránh phát tán bụi;

- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm;

- Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công;

- Vật liệu xây dựng được chứa trong các kho chứa để quản lý, tránh hiện tượng phát tán bụi ra môi trường xung quanh;

- Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên để giảm thiểu ô nhiễm do khói xe;

- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;

- Phun, tưới nước thường xuyên để giảm thiểu lượng bụi phát tán.

- Lắp đặt tấm chắn cao 2m để hạn chế bụi phát sinh ra khu vực xung quanh;

##### **\* Giảm thiểu tác động về vấn đề giao thông**

- Nhà thầu xây dựng có trách nhiệm phối hợp với chủ dự án để chỉ dẫn, xử lý các vấn đề đảm bảo giao thông;

- Chủ dự án yêu cầu nhà thầu cam kết xe chở nguyên vật liệu quá tải, tránh gây hư hỏng, sụt lún nền đường. Trong trường hợp bị hư hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nhà thầu phải sửa chữa kịp thời đảm bảo chất lượng bằng hoặc tốt hơn chất lượng đường hiện trạng;

- Lắp đặt các biển báo an toàn giao thông như: biển báo đoạn qua công trường thi công, biển báo hạn chế tốc độ,...trong quá trình thi công xây dựng.

##### **b, Biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường nước**

##### **\* Nước mưa chảy tràn:**

- Để hạn chế tác động do nước mưa chảy tràn, dự án che chắn nguyên vật liệu cẩn thận, không để vương vãi, thu gom triệt để rác thải sinh hoạt, không đổ rác vào hệ thống thoát nước tại khu vực Dự án.

- Để đảm bảo vấn đề tiêu thoát nước bề mặt, dự án sẽ đào các tuyến rãnh thoát nước tạm cũng như hố ga tạm để phục vụ thi công, làm cống dẫn dòng suối nhỏ phục

vụ tưới tiêu. Khi san nền, hoàn thiện trên mặt bằng theo thiết kế đã thiết kế mặt bằng có mái dốc 0,5% để nước chảy ra các rãnh thu nước mưa. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống theo các trục đường chính, sau đó được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa Dự án theo quy hoạch phân khu.

- Hướng thoát nước mưa chủ yếu trên toàn bộ diện tích dự án chảy theo độ dốc của địa hình, và theo hướng chảy thoát về mương thoát nước hiện trạng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước mặt, hồ lắng nước thải thi công, nước mặt tràn mặt, hệ thống thoát nước chung của dự án.

- Trong quá trình thi công đảm bảo theo trình tự và kỹ thuật thi công, kết nối linh động đảm bảo tiêu thoát nước, tránh ngập úng cục bộ tại khu vực thi công.

*\* Nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân xây dựng trên công trường thì để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt phát sinh thì chủ dự án áp dụng biện pháp sau:

- Nhà thầu thi công sẽ thuê 01 nhà vệ sinh di động đặt tại công trường. Nhà vệ sinh di động, module nguyên khối, vật liệu composite, gọn nhẹ, dễ vận chuyển, lắp đặt; nội thất đầy đủ như bồn cầu, gương soi, lavabo, vòi rửa, có quạt thông gió và đèn tiết kiệm điện. Nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ, bồn chứa cặn 1.200 lít và bồn nước 2.000 lít. Nước thải từ nhà vệ sinh di động sẽ định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

*\* Nước thải thi công xây dựng:*

- Đối với nước thải thi công xây dựng thì nước thải thi công xây dựng phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa máy móc, thiết bị thi công xây dựng với thành phần của nước thải thi công xây dựng là chứa cặn bẩn, các chất dễ lắng đọng nên để giảm thiểu tác động của nước thải thi công xây dựng đến môi trường nước khu vực thực hiện dự án thì chủ dự án cho xây dựng hố ga lắng cặn nước thải thi công xây dựng (bên trong hố ga có tấm vật liệu thấm dầu để thấm hút toàn bộ dầu thải từ nước thải thi công) với thể tích hố ga là 3m<sup>3</sup> (3x1x1m) được xây dựng gần cống ra vào dự án.

- Toàn bộ nước thải xây dựng sau khi qua hố lắng hàm lượng các chất ô nhiễm giảm đáng kể, nước thải được tận dụng để tưới ẩm nên không phát sinh ra ngoài môi trường.

Nước thải thi công → Hố ga (có vật liệu thấm dầu) → Hố lắng tập trung → Tận dụng để tưới ẩm trong quá trình san lấp để hạn chế bụi nên không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường.

Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát thải.

Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

Các công trình này sẽ được san lấp và hoàn trả mặt bằng trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

**c, Giảm thiểu tác động do chất thải rắn**

**\* Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Tăng cường sử dụng công nhân xây dựng là người địa phương để giảm thiểu lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh;

- Trong quá trình xây dựng chủ dự án sẽ yêu cầu Nhà thầu xây dựng bảng nội quy xây dựng trong công trường để đảm bảo công trường xây dựng luôn gọn gàng, sạch sẽ như:

+ Yêu cầu công nhân không vứt rác bừa bãi trong khu vực công trường xây dựng;

+ Yêu cầu công nhân sử dụng các suất ăn công nghiệp, không tổ chức nấu ăn tại công trường để kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, bao gói đựng thức ăn sau khi ăn xong phải được tập kết về khu vực lưu chứa chất thải tạm thời trong khu vực công trường xây dựng;

+ Yêu cầu công nhân không đốt chất thải rắn sinh hoạt trong khu vực công trường thi công xây dựng.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa tại công trường khoảng 6kg/ngày. Do đó, tại dự án trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ trang bị 01 thùng chứa rác loại 200 lít để chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được chủ dự án bố trí tại khu đất gần cổng ra vào của dự án để thuận tiện cho việc vận chuyển, đưa đi xử lý.

- Chủ dự án yêu cầu Nhà thầu thi công ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo đúng quy định.

**\* Đất hữu cơ bóc bề mặt:**

Đất đào từ quá trình nạo vét hữu cơ được công nhân sử dụng máy cày, xe ô tô tự đổ thu gom, tập kết tại góc công trường, đảm bảo không ảnh hưởng tới hoạt động thi công trên công trường. Như vậy, lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của dự án được tận dụng hoàn toàn để bù đắp đất cây xanh, vỉa hè, sân vườn của dự án.

- Sinh khối phát quang: Trước khi thi công, chủ đầu tư thông báo để các hộ dân chủ động thu hoạch hoa màu các cây ăn quả trên đất. Khối lượng thực bì dọn dẹp cần thải bỏ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

**\* Chất thải xây dựng:**

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện quản lý CTR xây dựng theo quy định về quản lý chất thải xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng chủ yếu gạch vỡ vụn, cát, sỏi, bê tông vụn được tận dụng để san lấp mặt bằng.

+ Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa được thu gom, phân loại và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng tái chế.

+ Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu và thường xuyên nhắc nhở công nhân ý thức tiết kiệm và thắt chặt quản lý, giám sát công trình.

+ Với các loại chất thải xây dựng không được tận dụng, tái chế sau khi được thu gom, lưu giữ tạm thời bằng các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy được Nhà thầu thi công ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng đi xử lý theo đúng quy định.

\* Chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn.

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại công trường. Khu vực bảo dưỡng sẽ được bố trí tạm trước và có hệ thống thu gom dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu thiết bị thi công cơ giới.

- Dầu mỡ thải phát sinh tại dự án không được phép đốt, chúng sẽ được thu gom vào trong các thùng chứa thích hợp đảm bảo an toàn và được đặt trong khu vực dự án.

- Đơn vị nhà thầu sẽ trang bị 04 thùng chứa chất thải nguy hại 100 lít để chứa tạm thời chất thải nguy hại. Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng của dự án được công nhân thu gom, phân loại và chứa trong 04 thùng chứa chất thải nguy hại để lưu giữ tạm thời.

- Nhà thầu thi công sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định trong thời gian thi công, xây dựng.

### ***3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải***

#### ***a, Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung***

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông và giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Ngoài ra, các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm

khuya.

- Các công nhân xây dựng sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt;
- Ngoài ra, các phương tiện vận tải hạng nặng sẽ được quản lý tốt trong khi vận chuyển vật liệu xây dựng trong vùng đô thị để giảm phát sinh tiếng ồn.

- Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung nêu trên sẽ cho phép môi trường tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép theo quy định của:

QCVN 26:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn);

QCVN 27:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung);

***b, Giảm thiểu tác động đến giao thông và đường xá khu vực***

- Thực hiện nghiêm quy định của huyện Khoái Châu về thời gian vận chuyển;
- Bố trí hệ thống biển báo hiệu đường bộ và rào chắn khu vực thi công;
- Dọn dẹp sạch sẽ vật liệu xây dựng, phế thải, bùn đất rơi vãi từ các phương tiện vận tải của Dự án trên tuyến đường vận chuyển;

- Che chắn thùng xe cẩn thận tránh rơi vãi vật liệu ra đường giao thông đặc biệt là đất cát;

- Các phương tiện vận chuyển phải chở đúng trọng tải của xe, tránh gây áp lực quá lớn lên mặt bằng giao thông.

- Tham gia điều tiết hoạt động giao thông trong khu vực, tránh hiện tượng ùn tắc.

- Yêu cầu các nhà thầu vận chuyển phải thực hiện tốt việc giảm tốc độ xe khi vận chuyển qua khu dân cư để hạn chế các sự cố đáng tiếc ảnh hưởng đến dân cư sống dọc các tuyến vận chuyển như vấn đề tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường.

***c, Giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội***

Dự án tập trung một lực lượng lao động làm việc hàng ngày trong suốt thời gian thi công là điều kiện dễ nảy sinh mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương. Sự xáo trộn xã hội, kéo theo một số hiện tượng tiêu cực có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm,...). Chính vì vậy, chủ dự án có các biện pháp phòng ngừa ứng phó kịp thời như:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các khu vực thi công.
- Tham gia trong việc quản lý công nhân lao động.
- Đối với hệ thống đường giao thông: Kiểm tra độ chịu tải của hệ thống giao thông khu vực để xác định loại xe vận chuyển có trọng tải phù hợp khi tham gia giao thông. Có các giải pháp khắc phục và sửa chữa các tuyến đường hư hỏng do quá trình thi công của dự án gây ra để đảm bảo không ảnh hưởng đến đi lại của người dân trong khu vực.

- Trong quá trình thi công xây dựng lượng khí thải và chất thải phát sinh sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hiện tượng sụt lở đất có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và công trình ở gần. Vì vậy trong quá trình thi công cần tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật đã thiết kế, thi công.

- Thi công theo phương án thiết kế đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

**d, Giảm thiểu tác động đến tài sản kết cấu công trình thủy lợi và đảm bảo nhiệm vụ tưới tiêu nước của công trình thủy lợi**

Do dự án không thu hồi đất thủy lợi nên không ảnh hưởng tới kết cấu công trình thủy lợi và không phải thi công công trình thủy lợi hoàn trả.

Tiếp giáp xung quanh dự án không có công trình thủy lợi.

Tuy nhiên hoạt động thi công xây dựng sẽ tác động tới hiện trạng công trình và chất lượng nước mương thủy lợi do rơi vãi vật liệu xây dựng và nước thải xây dựng thoát xuống hệ thống rãnh thoát nước dọc đường giao thông. Vì vậy, để giảm thiểu tác động của hoạt động này tới tiêu thoát nước của khu vực, dự án thi công nhanh gọn, dứt điểm các hạng mục công trình tại khu vực tiếp giáp, hạn chế không để các vật liệu thi công và chất thải rơi vãi làm tắc nghẽn dòng chảy bằng phương án:

- Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước tạm trong giai đoạn thi công. Nước thải xây dựng được tận dụng tuần hoàn không thải ra ngoài.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải ra vào dự án được che chắn bạt kín, hạn chế rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- CTR sinh hoạt phát sinh được thu gom và vận chuyển về đúng nơi quy định.

**Không vứt rác xuống rãnh thoát nước.**

**3.2.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án**

**a. Giảm thiểu tai nạn giao thông**

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu theo giờ, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm; Các phương tiện vận chuyển phải thực hiện nội quy vệ sinh do Chủ dự án đề ra;

- Có đội ngũ giám sát quá trình thi công, có nhân viên bảo vệ, hướng dẫn các phương tiện vận chuyển ra vào công trình;

- Thường xuyên bảo dưỡng các xe vận chuyển;

- Đặt bảng báo hiệu tại các đoạn đường đang có công trình và đảm bảo số lượng xe vào công trình, tránh tình trạng các phương tiện này gây ùn tắc tại gần khu vực dự án;

**b. Giảm thiểu tai nạn lao động**

- Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định An toàn và Vệ sinh lao động;

- Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành;

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc thi công để ngăn ngừa tai nạn;
- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật;
- Tạo hàng rào ngăn cách để tách biệt các khu vực nguy hiểm như: Trạm điện, các loại vật liệu dễ cháy, dễ nổ.

**c. Phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ**

- Cấm hút thuốc tại công trường;
- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo độ an toàn, tránh nguy cơ xảy ra cháy nổ;
- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường;
- Phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, hệ thống bơm, phun nước....

**d. Giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội**

- Giữ mối liên hệ tốt với dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện dự án;
- Có hình thức kỷ luật nghiêm khắc với công nhân khi chơi cờ bạc, lô đề hay các tệ nạn xã hội khác....;

**e. Phòng chống và ứng phó sự cố ngập úng, lũ lụt**

- Khi có biểu hiện ngập úng, lũ lụt (mưa lớn, nước dâng nhanh), nhanh chóng di dời toàn bộ phương tiện thi công ra khỏi công trường. Trước hết vận chuyển các loại nhiên liệu xăng dầu sau đó vận chuyển máy móc thiết bị.
- Có phương án ứng phó khi ngập lũ. Cụ thể sẽ bố trí các nơi tập kết tài sản, vật tư khi phải di chuyển.

**f. Phòng chống và ứng phó sự cố do bom mìn còn sót lại**

- + Công tác dò phá bom mìn được thực hiện trước khi triển khai công tác thi công xây dựng Dự án và tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật của Thông tư số 59/2022/TT-BQP của Bộ Quốc Phòng về rà phá bom mìn.
- + Công tác dò phá bom mìn dự kiến được đại diện Chủ đầu tư hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành thuộc Bộ Quốc phòng có đủ năng lực thực hiện. Việc thực hiện rà phá bom mìn, vật liệu nổ theo quy định.
- + Thông báo tới chính quyền địa phương và dân cư khu vực về kế hoạch rà phá bom mìn.

- + Bố trí các đèn báo hiệu, và giới hạn khu vực dò phá bom mìn.
- + Không thực hiện dò phá bom mìn vào những ngày mưa.

### 3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

#### 3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động

##### 3.3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động liên quan đến chất thải

Trong quá trình vận hành của dự án thì dự án sẽ phát sinh các chất thải như bụi khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại gây ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án và ảnh hưởng đến các dự án xung quanh. Các nguồn phát sinh chất thải cũng như loại chất thải sinh ra và đối tượng chịu tác động khi dự án đi vào vận hành được liệt kê trong bảng sau:

**Bảng 3.18: Tổng hợp nguồn phát sinh chất thải giai đoạn hoạt động của dự án**

| Chất ô nhiễm       | Nguồn gây ô nhiễm                                                                                                                                                                                                             | Đối tượng chịu tác động                                                 |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Nước thải          | - Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án;<br>- Nước thải sinh hoạt                                                                                                                                                             | - Môi trường nước, đất trong khu vực dự án                              |
| Bụi                | - Bụi phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông.                                                                                                                                                                      | - Môi trường không khí khu vực dự án<br>- Giao thông khu vực            |
| Khí thải           | - Khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông<br>- Khí thải từ hoạt động đun nấu<br>- Khí thải phát sinh từ điểm tập kết chất thải rắn<br>- Khí thải phát sinh từ hệ thống thoát nước thải           | - Môi trường không khí<br>- Sức khỏe người dân sống trong khu vực dự án |
| Chất thải rắn      | Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn từ hoạt động công vụ, rác thải sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại                                                                                                                       | - Môi trường không khí, nước.<br>- Mỹ quan khu vực.                     |
| Chất thải nguy hại | - Bóng đèn huỳnh quang thải<br>- Pin thải<br>- Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện<br>- Bông băng y tế đã sử dụng<br>- Mực in thải có thành phần nguy hại<br>- Hộp mực in thải có thành phần nguy hại | - Môi trường không khí, nước, đất                                       |

**a, Tác động của Dự án tới môi trường không khí**

**\* Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông**

Khi dự án đi vào hoạt động, hàng ngày sẽ có một lượng nhất định các phương tiện giao thông của người dân xung quanh. Quá trình hoạt động của các phương tiện này do sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu nên khi đốt sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, VOC... Tuy nhiên các xe chủ yếu di chuyển trên đường nên mức độ ảnh hưởng đến dự án là không lớn, các chất ô nhiễm không khí sinh ra phát tán ngay vào môi trường không khí và không tập trung tại một khu vực cố định nên tác động của bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông đến môi trường tại khu vực thực hiện dự án là không đáng kể.

**\* Khí thải do hoạt động đun nấu**

Trong trụ sở công an sẽ bố trí nhà bếp để phục vụ cơm trưa/tối cho các chiến sỹ được phân công ở lại trực trụ sở hoặc xa nhà. Hoạt động của nhà bếp phục vụ ăn uống của tối đa 12 cán bộ, chiến sỹ. Với nhiên liệu sử dụng chính là gas/điện, thời gian sử dụng ngắn, nên phát sinh lượng bụi, khí thải từ hoạt động nhà bếp là rất nhỏ, không đáng kể.

**\* Mùi phát sinh từ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn**

Trong quá trình hoạt động của dự án, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt cán bộ làm việc tại dự án, chủ dự án sẽ bố trí sử dụng 02 xe rác đẩy tay với dung tích 1,5 m<sup>3</sup>/ 1 xe để thu gom toàn bộ chất thải phát sinh của dự án. Cuối ngày làm việc sẽ được cán bộ đưa xe chở rác ra phía trước cổng của dự án và được đội vệ sinh môi trường xã thu gom vận chuyển trong ngày đi xử lý theo quy định.

Do chất thải rắn sinh hoạt có thành phần chính là các hợp chất hữu cơ nên thông thường sau một ngày lưu trữ các thành phần hữu cơ trong chất thải rắn sinh hoạt sẽ phân hủy kỵ khí tạo thành các chất khí như CO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO... Trong đó, gây mùi khó chịu chủ yếu là NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S. Do đó toàn bộ chất thải rắn phát sinh sẽ được thu gom hàng ngày và xử lý theo quy định.

**b, Tác động tới môi trường nước**

**\* Nguồn tác động**

- Nước mưa chảy tràn;
- Nước thải sinh hoạt;

**\* Mức độ tác động**

- Nước mưa chảy tràn:

Khi dự án đi vào hoạt động thì khu vực thực hiện dự án đã được xây dựng hoàn thiện hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện và hệ thống cấp thoát nước. Đường giao thông đã được đổ bê tông không thấm nước nên nước mưa chảy tràn giai đoạn này tương đối sạch chứa chủ yếu là các tạp chất vô cơ khó tan có kích thước nhỏ như bụi

từ sân, đường đi, từ mái nhà... Ngoài ra với chất thải có kích thước lớn khi bị nước mưa cuốn theo sẽ làm tắc nghẽn dòng chảy, gây ngập úng khi có mưa lớn.

Với diện tích tổng diện tích dự án giai đoạn vận hành là 2.076 m<sup>2</sup>, lượng mưa tại Hưng Yên trung bình năm cao nhất (Theo niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên từ 2018-2022) là 2144,1 mm, thì tổng lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trên khu đất thực hiện dự án trong 1 năm trung bình khoảng

$Q = \text{Diện khu đất dự án} \times \text{lưu lượng mưa} \times \text{thời gian tác động}$

$Q = 2.076 \times 2144,1 \times 10^{-3} \times 12/12 = 4.451 \text{ m}^3/\text{năm}.$

So với các loại nước thải như: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước thải công nghiệp thì nước mưa khá sạch. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn theo WHO được ước tính như sau:

Tổng Nitơ : 0,5 ÷ 1,5 mg/l;

Photpho : 0,004 ÷ 0,03 mg/l;

COD : 10 ÷ 20 mg/l;

Tổng chất rắn lơ lửng : 10 ÷ 20 mg/l.

Tuy nhiên nếu các tuyến cống thoát nước có bùn cặn lắng đọng nhiều thì khi nước mưa thoát không kịp sẽ gây úng ngập tức thời. Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu để hạn chế các tác động từ nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt

Khi dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu đi vào hoạt động với 12 cán bộ, nhân viên thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bao gồm các nguồn sau: (Theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP, lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp):

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBNV là 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khách đến làm việc tại trụ sở (ước tính 30 lượt khách/ngày) là 0,15 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Thành phần của nước thải sinh hoạt gồm: chất hữu cơ (BOD), chất dinh dưỡng (N/P), chất rắn lơ lửng (SS), vi sinh vật,... đây là những chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao đối với nguồn nước mặt và nước ngầm trong khu vực nếu không được xử lý nhất là hệ sinh vật nơi tiếp nhận nguồn thải. Ngoài ra trong nước thải sinh hoạt chứa các vi khuẩn mang mầm bệnh, trứng giun sán, các vi khuẩn này theo nguồn nước làm lan truyền mầm bệnh, gây hại cho con người và môi trường.

Nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý tốt, sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí xung quanh và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Về lý thuyết nồng độ bản của nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào lưu lượng thải, lượng chất bản đơn vị tính trung bình cho 1 người/ngày, đặc điểm, tính chất của các công trình và thiết bị vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được tính như sau:

**Bảng 3.21: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

| TT | Chất ô nhiễm            | Định mức TB<br>(g/người.ngày) | Tổng tải lượng (g/ngày) |
|----|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 1  | BOD <sub>5</sub>        | 50                            | 1.680                   |
| 2  | COD                     | 89                            | 3.738                   |
| 3  | TSS                     | 86                            | 3.612                   |
| 4  | Dầu mỡ                  | 20                            | 840                     |
| 5  | Coliform<br>(MPN/100ml) | 10 <sup>4</sup>               | 42 x 10 <sup>4</sup>    |

Ghi chú: (\*) Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật  
 Từ tổng tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

$$C = P/V \text{ (g/m}^3\text{)} = P \times 10^3 / V \times 10^3 = P/V \text{ (mg/l)}$$

Trong đó:

P: Tổng tải lượng chất gây ô nhiễm (gam/ngày)

V: Thể tích nước thải sinh hoạt (V= 1,35 m<sup>3</sup>/ngày, đêm)

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

Theo tính toán như trên, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bảng sau:

**Bảng 3.20: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt**

| TT | Chất ô nhiễm            | Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l) | QCĐP 01:2019/HY |                           |
|----|-------------------------|-----------------------------|-----------------|---------------------------|
|    |                         |                             | C               | C <sub>max</sub> (K =1,2) |
| 1  | BOD <sub>5</sub>        | 714,3                       | 30              | 36                        |
| 2  | COD                     | 1.271,4                     | -               | -                         |
| 3  | TSS                     | 1.228,6                     | 50              | 60                        |
| 4  | Dầu mỡ                  | 285,7                       | 10              | 12                        |
| 5  | Coliform<br>(MPN/100ml) | 143.857                     | 3.000           | 3.000                     |

(Nguồn: tính toán)

K: hệ số ứng với quy mô, loại hình cơ sở (K=1,2 đối với trụ sở cơ quan dưới 10.000 m<sup>2</sup>).

Dự án thuộc loại hình xây dựng công trình dân dụng, thuộc địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Theo Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 19/01/20223 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Đề án “Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” thì đối

với các công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước thải tại chỗ: Để cải thiện chất lượng môi trường, giai đoạn đến năm 2030 áp dụng cột B của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT). Từ sau năm 2030, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn như đối với công trình xử lý nước thải tập trung (Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt QCVN 01:2019/HY (không áp dụng hệ số  $K_{hy}$ )).

- Nhận xét: Từ bảng số liệu trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của dự án cao hơn quy chuẩn của QCVN 01:2019/HY nhiều lần. Vì vậy, để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt, chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường được trình bày ở phần sau của báo cáo.

### **c. Tác động của chất thải rắn**

#### *\* Nguồn tác động*

- Chất thải rắn sinh hoạt;
- Chất thải nguy hại.

#### *\* Mức độ tác động*

- *Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động công vụ:*

Trong quá trình hoạt động của dự án, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động công vụ bao gồm: Giấy in hỏng, văn phòng phẩm thải bỏ, bã chè,... Ước tính phát sinh khoảng 2 kg/ngày.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*

Trong quá trình hoạt động của dự án, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các nguồn: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ nhân viên; khu vực bếp ăn. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ, có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy cần được thu gom vệ sinh và định kỳ chuyên chở đến nơi quy định.

Ước tính lượng phát thải vào khoảng 0,5 kg/người/ngày. Khi dự án đi vào hoạt động số lượng cán bộ nhân viên là 12 người thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 6 kg/ngày tương đương 2,2 tấn/năm.

CTRSH chủ yếu là các chất hữu cơ (chiếm 55 – 70 %), là nơi lý tưởng cho sự sinh sôi và phát triển của các loài sinh vật gây bệnh truyền nhiễm như ruồi, muỗi. Nếu lượng rác thải sinh hoạt không được thu gom, xử lý thì các chất hữu cơ sẽ phân huỷ và tạo mùi khó chịu, các khí  $CH_4$ ,  $CO_2$ ,  $H_2S$ , Hydrocacbua sẽ ảnh hưởng đến môi trường không khí, đất và nước.

Các chất thải rắn sinh hoạt này nếu được thu gom, phân loại tại nguồn và tập kết đúng nơi quy định sẽ hạn chế được khả năng phát thải ra môi trường và mức độ tác động đến môi trường được dự báo là không đáng kể.

- *Bùn thải từ Bể Bastaf:* Dự kiến khi đi vào hoạt động, dự án có khoảng 12 người. Tại khu vực bể Bastaf sẽ phát sinh một lượng bùn thải. Nếu bùn thải không

được nạo hút định kỳ sẽ làm giảm khả năng xử lý nước thải sinh hoạt, gây mùi hôi thối khó chịu. Vì vậy, dự án cần thuê đơn vị có chức năng định kỳ nạo hút bùn từ Bể Bastaf để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

Khối lượng bùn thải dự kiến được tính theo công thức sau:

$$B = a \times N (*)$$

Trong đó:

B: Lượng bùn từ bể Bastaf.

a: Lượng cặn trung bình phân hủy ( $m^3$ /người/ngày):  $a = 0,005$

N: Tổng số người:  $N = 12$  người.

(\*): Theo sổ tay thiết kế công trình cấp thoát nước – Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội - 2008

=> Lượng bùn từ Bể Bastaf trung bình:  $B = 0,005 \times 12 = 0,06 m^3$ /ngày tương đương  $22 m^3$ /năm ( $28,6$  tấn/năm).

**\*) Mức độ tác động:**

**Chất thải rắn sinh hoạt:** chủ yếu là hàm lượng các chất hữu cơ dễ phân hủy. Đây là môi trường thuận lợi để các vật mang mầm bệnh sinh sôi, phát triển như ruồi, muỗi, chuột... ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiếp xúc trực tiếp với nguồn ô nhiễm này. Ngoài ra, nếu không có biện pháp quản lý tốt sẽ gây mất mỹ quan khu vực và khi mưa nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm, thấm vào đất làm ảnh hưởng tới môi trường đất, chảy vào nước làm suy giảm chất lượng môi trường nước và ảnh hưởng tới đời sống của động vật và các sinh vật sống trong nước. Quá trình phân hủy các chất hữu cơ còn làm phát sinh ra mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực. Do đó cần phải có biện pháp quản lý và xử lý hiệu quả và phù hợp.

**- Chất thải nguy hại**

Các loại chất thải nguy hại phát sinh số lượng nhỏ như: bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải, ... được phân loại theo đúng quy định về quản lý CTNH, thu gom, lưu giữ trong các thùng chuyên dụng riêng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, có ký hiệu rõ ràng theo quy định.

Khối lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được dự báo trong bảng số liệu dưới đây:

**Bảng 3.23: Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án**

| STT | Chất thải                 | Đơn vị | Lượng thải | Mã chất thải                            |
|-----|---------------------------|--------|------------|-----------------------------------------|
| 1   | Bóng đèn huỳnh quang thải | Kg/năm | 2,5        | Ký hiệu phân loại:NH<br>Mã số: 16 01 06 |

|                        |                                                             |                |            |                                          |
|------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------|------------|------------------------------------------|
| 2                      | Pin thải                                                    | Kg/năm         | 0,5        | Ký hiệu phân loại:NH<br>Mã số: 16 01 12  |
| 3                      | Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện | Kg/năm         | 2          | Ký hiệu phân loại:NH<br>Mã số: 16 01 13  |
| 4                      | Bông băng y tế đã sử dụng                                   | Kg/năm         | 1,75       | Ký hiệu phân loại: NH<br>Mã số: 13 01 01 |
| 5                      | Mực in thải có thành phần nguy hại                          | Kg/năm         | 0,5        | Ký hiệu phân loại: NH<br>Mã số: 08 02 01 |
| 6                      | Hộp mực in thải có thành phần nguy hại                      | Kg/năm         | 1          | Ký hiệu phân loại: NH<br>Mã số: 08 02 04 |
| <b>Tổng khối lượng</b> |                                                             | <b>Kg/ năm</b> | <b>8,5</b> |                                          |

Chất thải nguy hại được liệt kê trong danh mục đã nêu có khả năng gây ung thư, đột biến, gây cháy nổ, có thể cháy do ma sát, hoặc tự thay đổi – chuyển hóa về hóa học.

Do tính dễ cháy nổ, hoạt tính hóa học cao, nếu không có biện pháp quản lý và kiểm soát tốt thì các chất nguy hại này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của con người.

**- Mức độ tác động: Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.**

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, dự án phát sinh CTNH với khối lượng rất ít, tác động đến môi trường và con người là không đáng kể. Toàn bộ lượng CTNH được thu gom và phân loại. Sau đó, sẽ chuyển giao cho đơn vị chức năng.

### **3.3.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải**

Trong giai đoạn vận hành thương mại của dự án, các nguồn tác động không liên quan đến chất thải là:

- Tiếng ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án;

- Giao thông khu vực;

- Các tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

#### **a. Tiếng ồn, rung động**

- Các phương tiện chủ yếu là xe máy, ô tô nên tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các nguồn này là không đáng kể.

- Dự án là Trụ sở làm việc của công an xã Ông Đình với số lượng cán bộ không nhiều, không thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nên các hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung là không đáng kể trong quá trình hoạt động.

#### **b. Giao thông khu vực**

Khi dự án đi vào hoạt động, số lượng xe ra vào dự án góp phần gia tăng lượng xe lưu thông trên các tuyến đường khu vực.

Việc gia tăng các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án làm tăng nguy cơ ách tắc giao thông tại nút giao, ngã rẽ các tuyến vào khu vực. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn giao thông ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân lưu thông trên tuyến đường.

### **c. Tác động đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực**

Chủ yếu là những tác động tích cực sau đây:

- Xây dựng "Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu" nhằm nhằm đáp ứng cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu làm việc của lực lượng Công an xã Ông Đình, góp phần tạo điều kiện để lực lượng xã Ông Đình hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao. Tạo được một không gian kiến trúc đẹp, hài hoà phù hợp về quy hoạch và phát triển.

- Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực không tránh khỏi những tác động tiêu cực từ dự án như việc triển khai sẽ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.

#### **3.3.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

##### **a. Sự cố cháy nổ**

Các nguyên nhân cháy nổ:

- Rò rỉ nhiên liệu xăng (khu vực nhà để xe), gas (tại khu vực bếp ăn) có thể dẫn đến cháy, nổ cho cả khu vực dự án. Trong đó, rò rỉ gas là một trong những nguyên nhân lớn nhất gây cháy nổ tại khu vực nấu nướng.

- Sự cố về các thiết bị sử dụng điện như quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt, dẫn đến cháy, hoặc do chập mạch khi có mưa.

##### **b. Sự cố tai nạn giao thông**

Tai nạn giao thông xảy ra gây thiệt hại về người và tài sản của người tham gia giao thông. Trong đó, những đối tượng chịu tác động có thể gồm: Người dân tại khu vực lưu thông trên tuyến đường, cư dân xung quanh dự án.

Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ tương đối nhỏ. Tuy nhiên nếu không có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó phù hợp thì khi xảy ra sự cố sẽ ảnh hưởng lớn sức khỏe, tính mạng người dân và cảnh quan, môi trường xung quanh.

##### **c, Đánh giá, dự báo các tác động đến công trình thủy lợi của khu vực dự án**

Trong quá trình vận hành dự án sẽ phát sinh nước thải liên tục 24/24h với lưu lượng tối đa là 1,35 m<sup>3</sup>/ngày đêm (tương đương 0,000016 m<sup>3</sup>/s) với nguồn tiếp nhận là hệ thống rãnh thoát nước hiện có, chạy dọc theo trục đường giao thông phía Tây khu đất dự án. Do đó, không xả vào công trình thủy lợi, không tác động đến công trình thủy lợi. Nước thải xả và rãnh thoát nước với lưu lượng xả nhỏ và nước thải đã được xử lý qua bể Bastaf 5 ngăn cải tiến sẽ không ảnh hưởng tới chất lượng cũng như lưu lượng của hệ thống thoát nước thải của khu vực.

#### **3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện**

### **3.3.2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường không khí**

#### **\* Bụi, khí thải và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông**

- Thiết kế tăng ma sát tại đường dốc dẫn vào cổng chính của dự án để hạn chế tốc độ của các phương tiện ra vào;
- Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào hợp lý và thuận tiện;
- Trồng nhiều cây xanh tại các khu vực đất trống tạo cảnh quan, không gian xanh. Trồng cây xanh là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, chắn tiếng ồn... Cây xanh lựa chọn trồng tại khu vực dự án là cây bản địa, dễ dàng thích nghi với điều kiện khí hậu của địa phương;
- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;

#### **\* Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu**

Hoạt động đun nấu phát sinh từ nhà bếp + ăn trong dự án. Biện pháp để giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu là: bố trí các cửa sổ thông gió tự nhiên bên trong nhà bếp. Tại khu vực bếp nấu, bố trí các chụp hút, khí bụi phát sinh đun nấu được hút vào các chụp hút qua các quạt hút và dẫn ra ngoài ống thoát khí.

#### **\* Khí thải từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết CTR sinh hoạt tạm thời**

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước 1-2 lần/năm;
- Đối với bể tự hoại Bastaf trong khu vực dự án sẽ được hút bùn cặn định kỳ khoảng **2-3 năm/lần**.
- Vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày để tránh phát tán mùi hôi thối.

### **3.3.2.2 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nước**

#### **a. Nước mưa chảy tràn**

Nước mưa cuốn theo đất đá, các chất trên đường đi của nó. Vì vậy, dự án sẽ xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Trên hệ thống sẽ có song chắn rác, hố ga để lắng cặn, bụi, chất rắn trước khi thoát vào hệ thống thu gom và thoát nước mưa của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo dạng xương cá, nước mưa sẽ được thu gom từ bề mặt vào các giếng hàm ếch đặt trên sân với khoảng cách 40m đến 50m một giếng. Độ dốc trung bình của sân là 0,04% theo độ dốc san nền.

- Mạng lưới mương thoát nước mưa chính là đường ống BTCT B600, được bố trí dưới lòng đường dọc theo các tuyến đường giao thông xung quanh các khu vực. Nước mưa được thu gom bằng các hố ga thu nước ven đường bằng BTCT có nắp (khoảng cách trung bình 25-30m), có lưới chắn rác, rồi đổ vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

- Đường ống được chôn sâu trung bình từ 0,7 đến 1,2m, độ dốc là  $i=0,017\%$

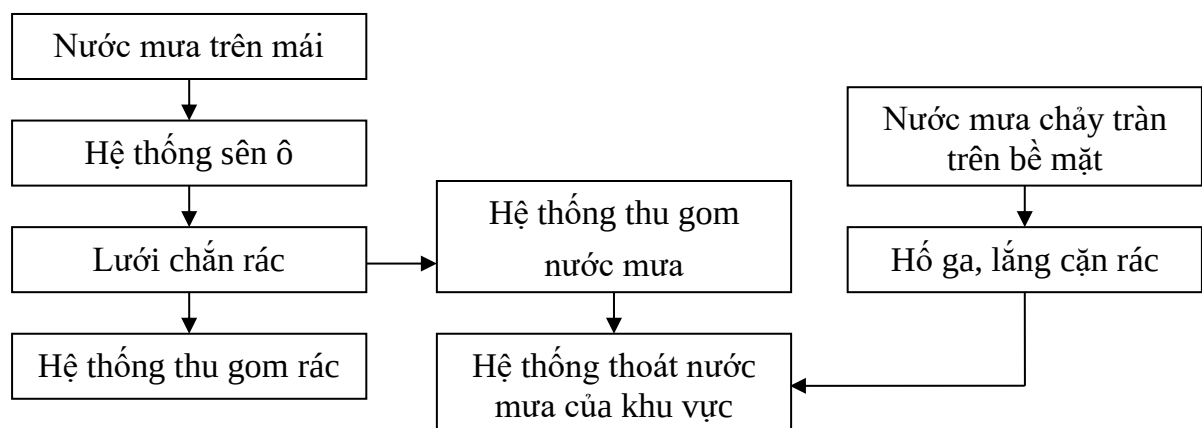
- Hướng thoát nước: Nước mưa được thoát ra hố ga thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên vệ sinh hệ thống thoát nước. Bùn, cặn tại hố ga được nạo vét định kỳ và thu gom đưa đi xử lý.

- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống rãnh thoát nước mưa, không để các loại rác thải, chất thải độc hại xâm nhập vào rãnh thoát nước.

- Thường xuyên vệ sinh hệ thống thoát nước. Bùn, cặn tại hố ga được nạo vét định kỳ và thu gom đưa đi xử lý.

Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa của dự án được thể hiện như hình dưới đây:



**Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa**

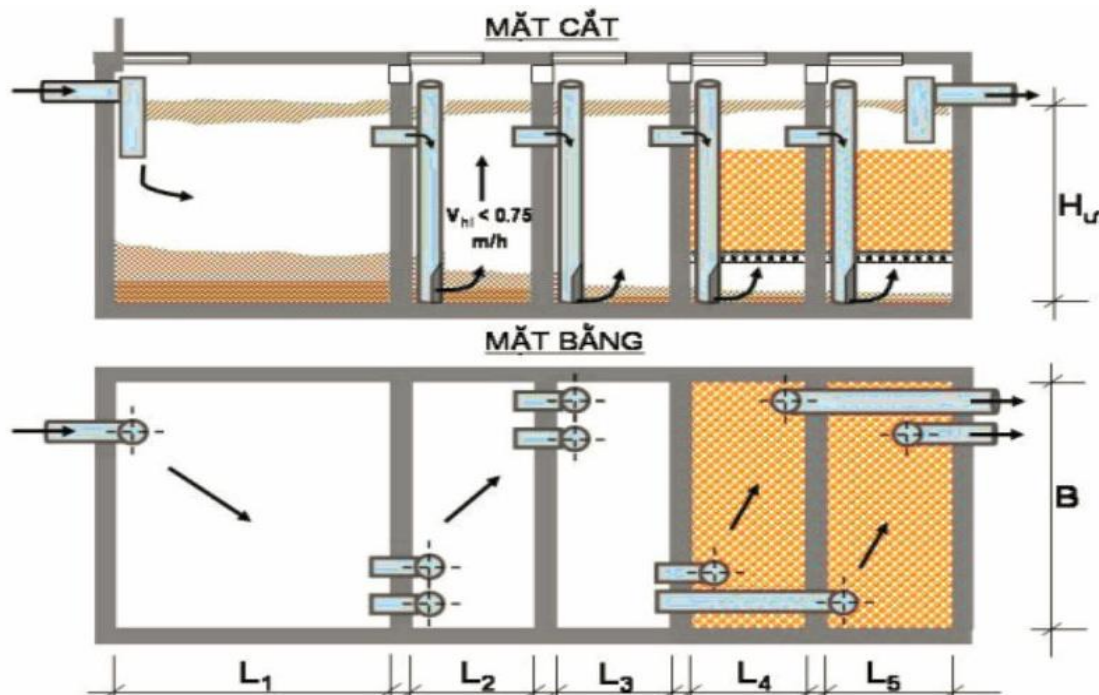
#### *b. Nước thải sinh hoạt*

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt đề án “Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Ưu tiên áp dụng công nghệ sinh học, chi phí thấp, dễ quản lý vận hành trong xử lý nước thải. Do lượng nước thải phát sinh tại dự án là nhỏ ( $1,35 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ) nên Chủ đầu tư lựa chọn công nghệ xử lý nước thải tại chỗ bằng Bể Bastaf. Đây là công nghệ xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học, nước thải được tự chảy qua các ngăn của bể xử lý đảm bảo đạt QCVN 01:2019/HY trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Do đó việc đầu tư xây dựng Bể Bastaf để xử lý nước thải tại dự án là khả thi và theo đúng định hướng xử lý nước thải của tỉnh Hưng Yên được quy định tại Quyết định số 175/QĐ-UBND.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án là khoảng  $1,35 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt, chủ dự án sẽ xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và hợp vệ sinh với Bể Bastaf để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án sẽ được thu gom và xử lý qua Bể Bastaf. Bể Bastaf được bố trí ngầm, tại vị trí xây dựng Nhà vệ sinh. Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom trực tiếp xuống Bể Bastaf. Nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ và tự chảy về Bể Bastaf bằng đường ống PVC D60 dài khoảng 10 m. Đảm bảo thu gom, xử lý triệt để nước thải phát sinh tại dự án.

Sơ đồ minh hoạt công nghệ xử lý nước thải bằng Bể Bastaf theo hình sau:



**Hình 3.2. Công nghệ xử lý nước thải bằng Bể Bastaf**

Cấu tạo bể tự hoại Bastaf gồm 05 ngăn tách biệt. Nguyên lý hoạt động được mô tả như sau:

Bước 1: Các dòng chất thải ra bồn cầu đều được đưa vào ngăn bể lớn;

Bước 2: Nước thải khi được đưa lên bể chứa lớn, nhanh chóng được đưa vào ngăn thứ 02 thông qua hệ thống đường ống hoặc vách ngăn, giúp điều hòa nồng độ chất thải, ngăn chặn việc lắng đọng chất thải giúp lên men kỵ khí.

Bước 3: Tại đây nước thải được chuyển qua các ngăn còn lại theo chiều chuyển động từ dưới lên nhằm tiếp xúc được hết các sinh vật kỵ khí ở dưới lớp bùn đáy bể. Tại mỗi khoang bể chứa, các chất hữu cơ sẽ được vi sinh vật hấp thụ, làm chuyển hóa nhanh, bóc tách thành 02 pha lên men axit và lên men kiềm.

Thông quá chuỗi phản ứng này, bể sẽ được xử lý triệt để các chất cặn bã hữu cơ, bùn góp phần tăng thời gian lưu bùn.

Bước 4: Ổng ngăn lọc cuối của hệ thống bể tự hoại cải tiến Bastaf, sinh vật kỵ khí sẽ sống bám vào bề mặt hạt vật liệu, từ đó làm sạch nguồn nước thải, ngăn chặn lơ lửng trôi theo.

Vật liệu lọc được sử dụng là cát thạch anh: là nguyên liệu có giá thành rẻ và vẫn đảm bảo diện tích bề mặt cũng như độ cứng theo yêu cầu.

Để đảm bảo nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường. Đơn vị sử dụng, vận hành dự án sẽ tăng cường hiệu quả xử lý của bể bastaf bằng cách thường xuyên bổ sung chế phẩm sinh học vào bể để tăng hiệu quả xử lý (tần xuất 03 tháng/lần) và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn cặn bể Bastaf thường xuyên mang đi xử lý theo quy định (tần xuất 01 năm/lần);

Tính toán thể tích bể tự hoại Bastaf tại dự án là:

+ Thể tích phần nước:  $W_N = d \times Q$

Trong đó:

$W_N$ : Thể tích phần nước;

d: thời gian lưu với điều kiện khí hậu gió mùa, có thể chọn  $d = 3$  ngày

Q: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh  $1,35 \text{ m}^3$ .

$\Rightarrow W_N = 3 \times 1,35 = 4,05 \text{ m}^3$

+ Thể tích phần bùn:  $W_b = b \times N / 1000 \text{ m}^3$

Trong đó:  $W_b$ : Thể tích phần chứa bùn;

b: Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn, 30 lít/ngày;

$\Rightarrow W_b = 30 \times 12 / 1000 = 0,36 \text{ m}^3$

$\Rightarrow$  Như vậy thể tích bể tự hoại cần xây dựng có thể tích là:

$V = W_N + W_b = 4,05 + 0,36 = 4,41 \text{ m}^3$ .

$\Rightarrow$  Chủ dự án sẽ xây dựng bể tự hoại cải tiến có thể tích là  $5 \text{ m}^3$ .

Nước thải sau bể Bastaf được thoát ra nguồn tiếp nhận.

Phương thức xả thải: Tự chảy, 24/24;

Tọa độ vị trí xả nước thải của dự án thải vào hệ thống rãnh thoát nước hiện có, chạy dọc theo trục đường giao thông phía Tây khu đất dự án (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^\circ 30'$ , múi chiều  $3^\circ$ ):

$X=2305568$  ;  $Y= 559499$

**Nguồn tiếp nhận nước thải:** Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án là hệ thống rãnh thoát nước hiện có, chạy dọc theo trục đường giao thông phía Tây khu đất dự án thuộc địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Khi Huyện Khoái Châu xây dựng hoàn thiện các trạm xử lý nước thải tập trung thì toàn bộ nước thải sau xử lý của dự án sẽ được đầu nối vào hệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của khu vực. Chủ đầu tư dự án sẽ bố trí điểm chờ để đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung phù hợp với quy hoạch của khu vực.

### **3.3.2.3 Biện pháp giảm thiểu do tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại**

Quy trình thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt ngay tại nguồn phát sinh sẽ được thực hiện nghiêm túc. Sau khi toàn bộ hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, UBND xã Ông Đình sẽ bàn giao lại cho Công an xã Ông Đình quản lý và thực hiện công tác bảo vệ môi trường ở giai đoạn hoạt động như: Bố trí thùng chứa chất thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải... Trong quá trình vận hành, Công an xã Ông Đình thực hiện phân loại chất thải theo hướng dẫn của Bộ TNMT tại Công văn số 9368/BTNMT. Theo đó chất thải rắn phát sinh tại nguồn được phân thành 05 loại:

- Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ;
- Chất thải rắn tái chế, tái sử dụng;
- Chất thải rắn cồng kềnh;
- Chất thải rắn nguy hại;
- Chất thải rắn loại khác còn lại.

Riêng phế liệu trong phân loại CTRSH là nguồn khuyến khích tự bán cho các cá nhân, tổ chức thu gom có chức năng.

\* Phương án thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình hoạt động, làm việc của các cán bộ chiến sỹ: Bố trí các thùng rác loại 20 lít, 50 lít đặt tại khu vực sân chung, khu vực trụ sở chính để thu gom rác thải phát sinh. Cuối ngày, các chiến sỹ công an sẽ phân công nhau thu gom, vận chuyển rác thải từ các thùng này về lưu giữ tại xe chứa rác thải sinh hoạt thể tích 1m<sup>3</sup> đặt tại khu lưu giữ rác thải chung của công an xã Ông Đình. Theo lịch thu gom rác của địa phương, có xe thu gom và vận chuyển của tổ vệ sinh xã đến thu gom, vận chuyển chất thải của dự án đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Bao gồm bóng đèn huỳnh quang, pin thải,... được thu gom, bố trí trong 02 thùng chứa thể tích 100 lít, có nắp đậy tại khu vực lán xe khách. Sau đó, định kỳ đơn vị vận hành dự án là công an xã Ông Đình sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các thùng chứa lưu giữ chất thải nguy hại được dán các biển cảnh báo chất thải nguy hại ở vị trí đúng với tầm nhìn của mọi người, hoặc cao hơn một chút và dấu hiệu biển gồm hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen với các biểu tượng màu đen và chữ màu đen (nếu có) tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Một số hình ảnh về biển cảnh báo chất thải nguy hại như sau:



#### **3.3.2.4. Các biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải**

##### **\* Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn**

Để giảm tiếng ồn Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông: Hạn chế sử dụng còi xe khi lưu thông trên mặt bằng sân, đường nội bộ khu dự án; trồng và chăm sóc cây xanh tại các khu vực theo quy hoạch;
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án với loại cây, mật độ và diện tích nêu trên.

##### **\* Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội và an ninh khu vực**

Khi dự án đi vào hoạt động, chủ dự án cam kết tuân thủ theo Luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng địa phương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu vực.

#### **3.3.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình xử lý chất thải**

##### **a. Biện pháp đối với sự cố cháy nổ**

- Tại dự án bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa trên các tuyến ống chính phù hợp theo tiêu chuẩn quy định và gần các cụm công trình, thuận tiện cho xe cứu hỏa hoạt động khi có cháy.
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị có sử dụng nguồn điện, tránh tình trạng chập mạch điện, cháy dây dẫn...
- Lắp đặt hệ thống chống sét cho công trình.
- Thường xuyên tập huấn tại chỗ nghiệp vụ an toàn và diễn tập PCCC.
- Khi xảy ra sự cố cháy nổ phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó cần thiết theo phương án đã đề ra, trong trường hợp vượt quá khả năng phải báo ngay cho cơ quan chữa cháy tại địa phương để phối hợp giải quyết.
- Phải khẩn trương đưa những người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để chăm sóc sức khỏe.

##### **b. Biện pháp đối với sự cố tai nạn giao thông**

Đề ra nội quy an toàn giao thông trong khuôn viên dự án; sơ cấp tại chỗ người bị tai nạn và chuyển người bị tai nạn đến cơ sở y tế.

##### **c. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tiêu thoát nước khu vực thực hiện dự án**

Trong giai đoạn hoạt động dự án, đối với ruộng thủy lợi gần dự án (phía Đông và phía Nam), không thuộc khu đất thực hiện của dự án sẽ được giữ nguyên, dự án không xâm lấn hay sử dụng trái phép nên không tác động đến kết cấu công trình thủy lợi và không ảnh hưởng đến việc tưới tiêu thoát nước của công trình thủy lợi khu vực nằm liền kề dự án.

Đối với hệ thống tiêu thoát nước định kỳ kiểm tra đường ống dẫn, vệ sinh nạo vét hệ thống thoát nước 1-2 lần/năm;

Dự án thiết kế đường ống chờ, khi xã có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung sẽ đầu nối nước thải của trụ sở vào để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

### 3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

#### a, Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường mà chủ đầu tư dự án đưa ra và đã trình bày trên, dự toán kinh phí để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

**Bảng 3.25: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án**

| TT | Danh mục các công trình                    | Thành tiền<br>(VNĐ) | Trách nhiệm<br>thực hiện |
|----|--------------------------------------------|---------------------|--------------------------|
| I  | Giai đoạn thi công xây dựng                |                     |                          |
| 1  | Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và CTNH | 2.000.000           | Nhà thầu xây<br>dựng     |
| 2  | Thuê đơn vị chức năng, thu gom, xử lý      | 12.000.000          |                          |
| II | Giai đoạn vận hành dự án                   |                     |                          |
| 1  | Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và CTNH | 3.000.000           | UBND xã Ông<br>Đình      |
| 2  | Bể tự hoại Bastaf                          | 30.000.000          |                          |

(Giá ở bảng trên chỉ có ý nghĩa tham khảo và được ước tính dựa trên giá tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khi triển khai thực tế giá của công trình sẽ được xác lập cụ thể trên cơ sở giá vật liệu nhân công tại thời điểm xây dựng).

#### b. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình BVMT

##### \* Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng thi công xây dựng với các nhà thầu, sẽ có điều khoản đảm bảo rằng nhà thầu sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đã đề ra trong báo cáo ĐTM của dự án;

Chủ dự án sẽ có nhân viên chuyên trách theo dõi và giám sát trực tiếp trong suốt quá trình thi công xây dựng, đảm bảo rằng những biện pháp giảm thiểu và các yêu cầu giám sát được nêu trong kế hoạch QLMT được thực hiện nghiêm túc trong quá trình thi công xây dựng;

- Giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng:

Nhà thầu xây dựng là đơn vị trực tiếp quản lý khối lượng công việc theo hợp đồng. Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu chịu trách nhiệm đưa ra các nội quy về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và cam kết tuân thủ nghiêm các nội quy đưa ra, đồng thời sẽ bố trí từ 1-2 cán bộ kỹ thuật đảm nhận phụ trách theo dõi các công tác bảo vệ môi trường và an toàn lao động;

Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn để giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường của nhà thầu trong giai đoạn thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật của dự án;

- Giai đoạn hoàn thiện hạ tầng, chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và quản lý.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý dự án về mọi mặt chất lượng, kỹ thuật, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường bắt đầu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc giai đoạn xây dựng theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

#### **\* Giai đoạn vận hành**

Công tác bảo vệ môi trường đảm bảo thực hiện:

- + Đảm bảo công tác quét dọn, vệ sinh trong phạm vi khu vực của dự án;
- + Vận hành hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- + Giám sát công tác thu gom rác thải;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến BVMT;

### **3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” được thực hiện dựa theo các phương pháp sau: Phương pháp thống kê; Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm, Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993, Phương pháp so sánh, phương pháp lập bảng liệt kê và phương pháp tham vấn cộng đồng dân cư. Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM được trình bày trong bảng như sau:

**Bảng 3.26: Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM**

| Stt | Phương pháp | Độ tin | Nguyên nhân |
|-----|-------------|--------|-------------|
|-----|-------------|--------|-------------|

|   |                                                                           | <b>cây</b> |                                                                                                          |
|---|---------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Phương pháp thống kê                                                      | Cao        | Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh.                                                           |
| 2 | Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm | Cao        | - Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại<br>- Dựa vào phương pháp lấy mẫu tiêu chuẩn                  |
| 3 | Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993   | Trung bình | Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam |
| 4 | Phương pháp so sánh                                                       | Cao        | Kết quả phân tích có độ tin cậy cao                                                                      |
| 5 | Phương pháp liệt kê                                                       | Trung bình | Phương pháp chỉ đánh giá định tính hoặc bán định lượng, dựa trên chủ quan của những người đánh giá       |
| 6 | Phương pháp lấy ý kiến cộng đồng dân cư qua hình thức họp                 | Cao        | Dựa vào ý kiến chính thức bằng văn bản của UBND xã và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ dự án. |

Báo cáo ĐTM cho dự án “*Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu*” do UBND xã Ông Đình làm chủ đầu tư với sự tư vấn của Đơn vị tư vấn. Đơn vị tư vấn đã đánh giá đầy đủ và có đủ độ tin cậy cần thiết về các tác động của dự án và đề xuất được các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động có hại.

Tuy nhiên, một số đánh giá trong báo cáo ĐTM theo phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993 này đã cũ và một số đánh giá còn định tính hoặc bán định lượng do chưa có đủ thông tin, số liệu chi tiết để đánh giá định lượng.

#### Chương 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

##### 4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ đầu tư dự án

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3 dưới dạng bảng như sau:

| Giai đoạn                             | Các hoạt động của dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Các tác động Môi trường                                                                                    | Các công trình, biện pháp BVMT                                                                                                                                                                           | Thời gian thực hiện và hoàn thành                         |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>Giai đoạn chuẩn bị và xây dựng</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải phóng mặt bằng, đào đắp, san nền;</li> <li>- Vận chuyển nguyên vật liệu;</li> <li>- Xây dựng các hạng mục công trình, các hạng mục hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Bảo dưỡng phương tiện, máy móc thi công;</li> <li>- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công tại công trường;</li> </ul> | Tác động tới môi trường không khí, nước, đất gồm: Khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống lắng, thoát nước mưa, nước thải thi công;</li> <li>- Nhà vệ sinh di động;</li> <li>- Thùng chứa chất thải</li> </ul>                                   | Trong suốt quá trình xây dựng của dự án                   |
| <b>Giai đoạn vận hành</b>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động trụ sở.</li> <li>- Hoạt động của các phương tiện ra vào khu vực;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         | Khí thải                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cây xanh tạo cảnh quan, không gian xanh;</li> <li>- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;</li> </ul> | Hoàn thành trước và trong quá trình dự án đi vào vận hành |
|                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nước thải sinh hoạt                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thu gom và thoát nước thải;</li> <li>- Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ</li> </ul>                                                                   | Hoàn thành trước và trong quá trình dự án                 |

|  |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                           |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|  |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | qua bể tách dầu mỡ, toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý qua bể tự hoại Bastaf và được thoát ra nguồn tiếp nhận.                                                                                                                                                                   | đi vào vận hành                                           |
|  |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất thải sinh hoạt</li> <li>- Chất thải nguy hại</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng 02 xe rác đẩy tay với dung tích 1,5 m<sup>3</sup>/ xe.</li> <li>- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và chuyển giao cho đơn vị thu gom của xã</li> <li>- Thuê đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.</li> </ul>                | Hoàn thành trước và trong quá trình dự án đi vào vận hành |
|  | Các nguồn khác                                                                             | Nước mưa chảy tràn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn                                                                                                                                                                                                                                                       | Hoàn thành trước và trong quá trình dự án đi vào vận hành |
|  | Sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn giao thông, sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm và dịch bệnh, | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động đến sức khỏe, tính mạng của người dân và cảnh quan môi trường khu vực.</li> <li>- Ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của dự án nói chung và làm mất vẻ mỹ quan chung của Khu dự án.</li> <li>- Gây xáo trộn đời sống văn hóa, trật tự xã hội của nhân dân xung quanh khu vực dự án.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư xây dựng HT cứu hỏa theo tiêu chuẩn của luật PCCC.</li> <li>-Thực hiện các biển báo hướng và quy định phương tiện ra vào dự án.</li> <li>- Cấm xe trọng tải lớn đi vào khu vực dự án tại những giờ nhất định, bố trí bãi gửi xe hợp lý.</li> </ul> |                                                           |

#### **4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án**

Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây tác động tiêu cực đến môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp xử lý ô nhiễm. Chương trình giám sát chất lượng môi trường sau đây sẽ được áp dụng trong thời gian hoạt động của dự án:

**\* *Giám sát giai đoạn thi công xây dựng:***

\* Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại vị trí xây dựng Trụ sở Công an xã Ông Đình;
- Thông số giám sát: Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió), bụi, SO<sub>2</sub>,

CO, NO<sub>2</sub>;

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong quá trình xây dựng;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT;

\* Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại của dự án;

- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;

- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình xây dựng và định kỳ 06 tháng tổng hợp báo cáo 01 lần.

**\* *Giám sát trong giai đoạn vận hành của dự án***

- *Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm*

Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát mẫu nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

- *Giám sát trong giai đoạn vận hành thương mại*

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Vị trí: Điểm tập kết, trung chuyển chất thải;

+ Thông số giám sát: Tổng hợp khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn phát sinh;

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày;

Việc quản lý chất thải của dự án tuân thủ theo các quy định:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

## Chương 5. KẾT QUẢ THAM VẤN

### 5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

#### 5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên mạng thông tin điện tử

Cơ quan quản lý trang thông tin điện tử: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

Đường dẫn trên Internet tới nội dung được tham vấn:

<https://sotnmt.hungyen.gov.vn/portal/Pages/gop-y-van-ban.aspx?uid=356>

Thời điểm và thời gian đăng tải: từ ngày 08/7/2024 đến ngày 24/7/2024.

#### 5.1.2 Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến

\* Niêm yết báo cáo:

Thời gian niêm yết: 03/5/2024 đến ngày 18/7/2024

Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Ông Đình, huyện Khoái Châu.

\* *Họp tham vấn*

Ngày tổ chức họp tham vấn: 18/7/2024

Thành phần họp tham vấn:

+ Đại diện UBND xã Ông Đình;

+ Đại biểu tham dự: Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã, Chủ tịch hội phụ nữ xã, Chủ tịch hội Cựu chiến binh xã, Chủ tịch hội Nông dân xã, Công chức văn phòng, công chức Địa chính xã, trưởng thôn Du Mỹ;

+ Đại diện các hộ dân có khả năng bị ảnh hưởng bởi việc triển khai dự án. Cuộc họp có mời 30 người dân có đất thu hồi, chịu ảnh hưởng bởi việc triển khai dự án. Tham gia họp tham vấn có mặt 06 người dân. Trong đó, có 0/06 người dân có đất thu hồi và 06/06 người dân sinh sống gần khu vực thực hiện dự án, có khả năng bị ảnh hưởng bởi việc triển khai dự án.

Biên bản họp tham vấn được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo.

#### 5.1.3 Tham vấn bằng văn bản theo quy định

Thực hiện theo luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022:

- Chủ dự án đã gửi công văn đến UBMTTQ xã Ông Đình và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên công văn kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” để xin ý kiến tham vấn.

+ UBMTTQ xã Ông Đình, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên đã nhận được văn bản của chủ đầu tư dự án thông báo nội dung của Dự án, kèm theo báo cáo đánh giá tác động tới môi trường và biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa sự cố ô nhiễm môi trường của Dự án.

- UBMTTQ xã Ông Đình có Công văn về việc ý kiến tham vấn về dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu”.

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên có Công văn về việc ý kiến tham vấn nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu.

## 5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Kết quả tham vấn cộng đồng được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

| TT           | Ý kiến góp ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>I</b>     | <b>Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                      |
|              | Không có ý kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                      |
| <b>II</b>    | <b>Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                      |
|              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị chủ dự án quan tâm tới các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình dự án đi vào hoạt động và không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.</li> <li>- Trong quá thực hiện dự án, máy móc, thiết bị phải thực hiện đảm bảo an toàn lao động trên công trường;</li> <li>- Đề nghị Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công xây dựng để có các biện pháp che chắn, hạn chế bụi phát tán ra môi trường;</li> </ul> | <p>Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công xây dựng giám sát thi công đảm bảo an toàn lao động trên công trường;</p> <p>Chủ dự án đã có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình dự án đi vào hoạt động. UBND xã Ông Đình thông báo kế hoạch thi công cho người dân xung quanh khu vực dự án trước khi dự án thực hiện;</p> | Cộng đồng dân cư xã Ông Đình                         |
| <b>III</b>   | <b>Tham vấn bằng văn bản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                      |
| <b>III.1</b> | <b>Tham vấn bằng văn bản đối với UBMTTQ xã Ông Đình</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                      |
| 1            | <p>Về vị trí thực hiện dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cũng như mục tiêu phát triển của địa phương</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND xã Ông Đình hoàn toàn đồng ý với các ý kiến đóng góp của đại diện UBMTTQ xã Ông Đình</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                            | UBMTTQ xã Ông Đình                                   |

Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình

Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

| TT | Ý kiến góp ý                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình                                                                                                                                                                                                        | Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 2  | Về các tác động môi trường của dự án đầu tư:<br>- UBMTTQ xã Ông Đình đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án gửi kèm                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                      |
| 3  | Về các biện pháp giảm thiểu tác động xấu:<br>- Các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường đã nêu trong báo cáo tương đối đầy đủ. UBMTTQ đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của dự án tới môi trường như đã trình bày trong tài liệu gửi kèm của Chủ dự án. |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                      |
| 4  | Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: UBMTTQ đồng ý với chương trình quản lý, giám sát môi trường và các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như đã trình bày trong tài liệu của Chủ dự án gửi kèm                          | - UBND xã Ông Đình hoàn toàn đồng ý với các ý kiến đóng góp của đại diện UBMTTQ xã Ông Đình                                                                                                                                                          | UBMTTQ xã Ông Đình                                   |
| 5  | Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư:<br>- Có biện pháp che chắn giảm thiểu tác động của bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng của dự án, tránh gây tác động tới các hộ dân gần khu vực dự án;                                                            | - UBND xã Ông Đình hoàn toàn đồng ý với các ý kiến đóng góp của đại diện UBMTTQ xã Ông Đình và đại diện cộng đồng dân cư.<br>- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án rất mong nhận được sự ủng hộ, hợp tác và giúp đỡ của người dân địa phương. | UBMTTQ xã Ông Đình                                   |

**Chủ đầu tư: UBND xã Ông Đình**

**Địa điểm xây dựng: xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

| TT           | Ý kiến góp ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm  |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nghiêm các quy định về trọng tải xe khi lưu thông đối với hệ thống giao thông của khu vực</li> <li>- Đề nghị Chủ dự án thực hiện các biện pháp BVMT như nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo quy định của nhà nước.</li> <li>- Chủ dự án cam kết tuân thủ các quy định của địa phương, của các cơ quan quản lý trong suốt quá trình hoạt động.</li> </ul> |                                                       |
|              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình thi công dự án yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường xung quanh;</li> <li>- Đề nghị chủ dự án quan tâm tới các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình dự án đi vào hoạt động và không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh;</li> <li>- Kết hợp với Công an xã Ông Đình trong việc đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực địa bàn Dự án hoạt động;</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cộng đồng dân cư                                      |
| <b>III.2</b> | <b>Tham vấn bằng văn bản đối với Sở Nông nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                       |
|              | - Bổ sung tên, nhiệm vụ và khả năng truyền tải lưu lượng nước của công trình thủy lợi trực tiếp tiếp nhận nước thải của dự án; Bổ sung đánh giá tác động của dự án đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (nằm tiếp giáp khu đất lập dự án) và nhiệm vụ tưới tiêu nước của công trình thủy lợi;                                                                                                                                                                                                                                  | - Chủ đầu tư đã Bổ sung tên, nhiệm vụ và khả năng truyền tải lưu lượng nước của công trình thủy lợi trực tiếp tiếp nhận nước thải của dự án; Bổ sung đánh giá tác động của dự án đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (nằm tiếp giáp khu đất lập dự án) và                                                                         | Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên. |

| TT | Ý kiến góp ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|    | <p>bổ sung tên, nhiệm vụ và khả năng truyền tải lưu lượng nước của công trình thủy lợi trực tiếp tiếp nhận nước thải của dự án.</p> <p>- Bổ sung các biện pháp giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đến nhiệm vụ tưới tiêu nước cho khu vực liền kề dự án của công trình thủy lợi.</p> <p>- Đề nghị Chủ đầu tư dự án phối hợp với Chi cục thủy lợi, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên và các đơn vị có liên quan thoả thuận vị trí đầu nối xả nước mưa, nước thải của dự án vào công trình thủy lợi theo quy định.</p> | <p>nhiệm vụ tưới tiêu nước của công trình thủy lợi; bổ sung tên, nhiệm vụ và khả năng truyền tải lưu lượng nước của công trình thủy lợi trực tiếp tiếp nhận nước thải của dự án..</p> <p>- Chủ đầu tư đã bổ sung các biện pháp giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đến nhiệm vụ tưới tiêu nước cho khu vực liền kề dự án của công trình thủy lợi.</p> <p>- Chủ đầu tư dự án sẽ phối hợp với Chi cục thủy lợi, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên và các đơn vị có liên quan thoả thuận vị trí đầu nối xả nước mưa, nước thải của dự án vào công trình thủy lợi theo quy định.</p> |                                                      |

Chủ dự án đã tiếp thu tất cả các ý kiến tham vấn của cộng đồng dân cư, UBND xã Ông Đình, UBMTTQ xã Ông Đình và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên và Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên, sau đó đã chỉnh sửa bổ sung vào nội dung Báo cáo ĐTM.

## KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

### 1. Kết luận

Căn cứ vào kết quả khảo sát và phân tích Đánh giá tác động môi trường cho dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” của UBND xã Ông Đình có thể đưa ra một số kết luận như sau:

- Xây dựng “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” nhằm đáp ứng cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu làm việc của lực lượng Công an xã Ông Đình, góp phần tạo điều kiện để lực lượng Công an xã Ông Đình hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao. Tạo được một không gian kiến trúc đẹp, hài hoà phù hợp về quy hoạch và phát triển.

- Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án có thể gây ra một số tác động tiêu cực tới môi trường và con người trong khu vực dự án. Nhưng chủ đầu tư đã có kế hoạch đầu tư cụ thể, đánh giá hết những tác động có thể có và cam kết thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu, khắc phục các tác động đó. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu và phòng ngừa ứng phó sự cố là đầy đủ, khả thi. Đây sẽ là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển bền vững của khu vực dự án. Cam kết các hoạt động của Dự án đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường như đã quy định theo TCVN, QCVN.

### 2. Kiến nghị

Để dự án đi vào hoạt động có hiệu quả và mang lại những lợi ích phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh, chủ đầu tư dự án có một số kiến nghị sau:

- Trên cơ sở đánh giá các nguồn tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, chúng tôi rất mong các cấp có thẩm quyền xét duyệt để Dự án sớm được triển khai và đi vào hoạt động.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho dự án trong quá trình hoạt động như: việc vận chuyển nguyên, nhiên liệu...

### 3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

#### 3.1. Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật

Dựa vào những đánh giá trên về tác động của dự án tới môi trường cũng như những điều khoản trong Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định về bảo vệ môi trường, các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh Hưng Yên, trong giai đoạn vận hành dự án chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường cụ thể như sau:

- Công khai báo cáo ĐTM khi được phê duyệt tại địa phương phục vụ công tác giám sát môi trường.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương 4.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, cụ thể:

- Đối với nước thải:

+ Cam kết xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Đối với chất thải:

+ Cam kết quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định về quản lý chất thải xây dựng;

+ Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ đúng theo quy định về quản lý CTNH tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

+ Cam kết vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định;

+ Cam kết áp dụng các biện pháp che chắn công trình thi công, che chắn xe chở nguyên vật liệu, thu gom chất thải xây dựng, vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển đảm bảo không để phát tán bụi ra môi trường xung quanh trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình vận chuyển.

+ Cam kết đảm bảo về an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình;

+ Cam kết thu gom, lưu giữ, quản lý lượng đất bóc hữu cơ bề mặt theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

+ Cam kết nghiêm túc thực hiện các quy định về an ninh trật tự của địa phương và các quy định khác của pháp luật;

### **3.2. Cam kết với cộng đồng**

- Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án (các ý kiến trong quá trình tham vấn cộng đồng). Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cam kết thực hiện, quan tâm thực hiện các yêu cầu của cộng đồng dân cư tại buổi họp tham vấn cộng đồng đảm bảo triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, không phá hủy các công trình văn hóa, giao thông của địa phương.

- Cam kết có kế hoạch duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công, vận chuyển. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không để xảy ra ngập úng tại khu vực;

### **3.3. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án**

- Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết chủ động thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện các nguy cơ sự cố để kịp thời khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng, đặc biệt là hoạt động thi công của các nhà thầu. Đảm bảo các điều kiện an toàn trong quá trình xây dựng, hoạt động của dự án, xây dựng và chủ động tổ chức thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rủi ro. Yêu cầu của các nhà thầu phải tuân thủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định, dừng thi công khi không đảm bảo các yêu về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết áp dụng các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng đến môi trường và đời sống, sinh hoạt của khu dân cư xung quanh; có phương án thi công, vận tải đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực; hạn chế sử dụng các loại máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn trong giờ cao điểm.

- Cam kết sử dụng cát san lấp mặt bằng phải có nguồn gốc pháp lý rõ ràng, được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định của pháp luật;

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Cam kết đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa, đường giao thông, ....

- Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam./.

*Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xem xét thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.*

*Xin trân trọng cảm ơn!*

## CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Nguồn tài liệu và dữ liệu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu” được trình bày trong bảng sau:

| TT | Tên tài liệu                                                                                                                                       | Nguồn tài liệu                                                                                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tài liệu về kỹ thuật xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                                                 | Tài liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và ngân hàng thế giới (WB)                                                           |
| 2  | Phương pháp đánh giá tác động môi trường - Trần Đông Phong, Dự án Danida, năm 2002                                                                 | Giáo trình giảng dạy nâng cao năng lực quản lý môi trường do Trần Đông Phong biên soạn và giảng dạy cho Dự án Danida năm 2002 |
| 3  | Môi trường không khí- Phạm Ngọc Đăng                                                                                                               | Do Phạm Ngọc Đăng biên soạn, nhà xuất bản xây dựng năm 2000                                                                   |
| 4  | Phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm - WHO                                                                                                           | Do tổ chức Y tế thế giới ban hành năm 1993                                                                                    |
| 5  | Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2021                                                                                                          | Cục thống kê tỉnh Hưng Yên                                                                                                    |
| 6  | Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024                                    | UBND huyện Khoái Châu                                                                                                         |
| 7  | <b>Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2024</b> | UBND xã Ông Đình                                                                                                              |

Số: 39 /NQ-HĐND

Ông Đình, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình  
trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ÔNG ĐÌNH  
KHÓA XXII – KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 26/12/2022 của UBND xã Ông Đình xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình và ý kiến của các đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình với các nội dung cơ bản như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.
3. Cấp công trình: Cấp III.
4. Địa điểm xây dựng: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Ông Đình.
6. Quy mô đầu tư dự kiến:

- Các hạng mục đầu tư chính:

**\* Trụ sở làm việc:**

Trụ sở làm việc 2 tầng: Nhà có quy mô 02 tầng, chiều cao công trình 10,65m; Chiều cao tầng (3,6m – 3,9m). Diện tích sàn xây dựng khoảng 700m<sup>2</sup>. Diện tích sử dụng đất khoảng: 350m<sup>2</sup>.

**\* Nhà để tang vật 2 gian:** diện tích xây dựng khoảng 60m<sup>2</sup>.

**\* Nhà để xe:** diện tích xây dựng khoảng 100m<sup>2</sup>.

**\* Các hạng mục phụ trợ:** Cổng; Tường rào; San nền, sân đường nội bộ, bồn cây, bó vỉa; Hệ thống rãnh thoát nước; Hệ thống Điện chiếu sáng ngoài nhà; Thiết bị...

(Các hạng mục còn thiếu sẽ được đầu tư ở các giai đoạn sau)

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: **14.980.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng./.).

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh 2.500.000.000 đồng, ngân sách huyện hỗ trợ, còn lại là ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2024.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. HĐND xã giao UBND xã căn cứ quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, tiến hành triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Thực hiện dự án cần đảm bảo việc bố trí vốn theo tiến độ dự án, tránh phát sinh nợ đọng.

2. Thường trực HĐND, các ban HĐND và các đại biểu HĐND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Ông Đình khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2025, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 30/12/2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện (để b/c);
- Phòng tư pháp huyện;
- Đảng ủy, UBND xã;
- MTTQ và các đoàn thể xã;
- Các ban, đại biểu HĐND xã;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hoàn**

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Số: /ĐC

Tên công trình: XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ ÔNG ĐÌNH

Trích lục từ tờ bản đồ địa chính số: 06, tỷ lệ 1/2000 Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.



## BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH

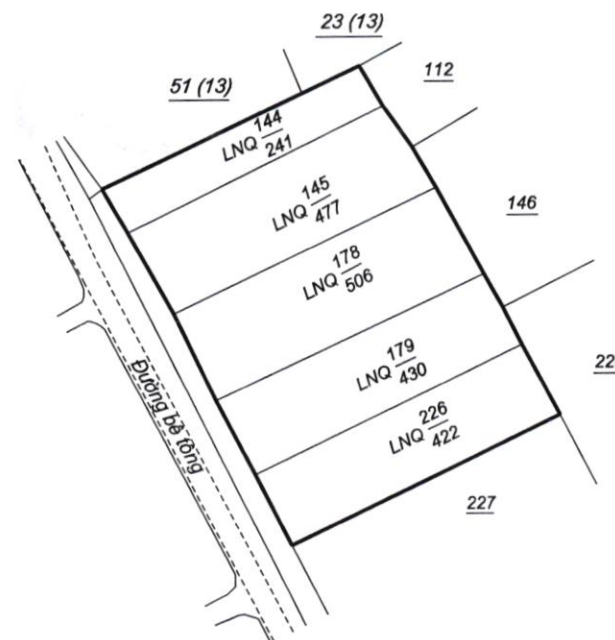
ĐVT: m<sup>2</sup>

| TT          | Số tờ BĐ | Thửa số | Diện tích | Loại đất | Ghi chú |
|-------------|----------|---------|-----------|----------|---------|
| 1           | 6        | 144     | 241       | LNQ      |         |
| 2           | 6        | 145     | 477       | LNQ      |         |
| 3           | 6        | 178     | 506       | LNQ      |         |
| 4           | 6        | 179     | 430       | LNQ      |         |
| 5           | 6        | 226     | 422       | LNQ      |         |
| Tổng = 2076 |          |         |           |          |         |

Tổng diện tích khu đất: .....2076.....m<sup>2</sup>

Gồm các loại đất:

Đất: LNQ...: .....2076.....m<sup>2</sup>



NGƯỜI TRÍCH LỤC

*bb*  
Vũ Thế Thuận

Ngày 12 tháng 7 năm 2021  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ÔNG ĐÌNH

CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH  
VŨ VĂN MẠNH

Số: 5912/QĐ-UBND

Khoái Châu, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Xây dựng trụ sở Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2024; số 120/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Khoái Châu;

Căn cứ Thông báo số 60/TB-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Hưng Yên thông báo về việc chấp thuận vị trí xây dựng trụ sở Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu;

Căn cứ Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Khoái Châu;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐTĐGDCT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Khoái Châu về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Khoái Châu;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện tại Tờ trình số 283/TTr-BQLDA ngày 14 tháng 11 năm 2024 (kèm theo Báo cáo giá đất số 72/BC-BQLDA ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Khoái Châu) và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 767/TTr-TNMT ngày 14 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể tại thời điểm tháng 11/2024 để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng trụ sở Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, cụ thể như sau:

| STT | Xã       | Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Loại đất | Giá đất cụ thể (đ/m <sup>2</sup> ) |
|-----|----------|-------------------------------------|----------|------------------------------------|
| 1   | Ông Đình | 2.076,0                             | LUC      | 80.000                             |

**Điều 2.** Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định:

- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện căn cứ vào giá đất cụ thể được phê duyệt và hồ sơ pháp lý theo quy định về trình tự thực hiện các bước trong công tác kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

- Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ông Đình căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện, Văn hóa và Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Kho bạc Nhà nước Khoái Châu, Ủy ban nhân dân xã Ông Đình và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *ony*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT. *chou*

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Xuân Thắng**

Số: 1206 /SXD-QH,KT&PTĐT

Hung Yên, ngày 26 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến quy hoạch tổng mặt  
bằng công trình: Xây dựng trụ sở làm  
việc công an các xã Liên Khê, Thuận  
Hưng, Ông Đình, huyện Khoái Châu

Kính gửi: UBND huyện Khoái Châu.

Sở Xây dựng nhận được các Văn bản số 671, 672, 677/UBND-KTHT ngày 22/7/2024 của UBND huyện Khoái Châu về việc tham gia ý kiến quy hoạch tổng mặt bằng công trình: Xây dựng trụ sở làm việc công an các xã Liên Khê, Thuận Hưng, Ông Đình, huyện Khoái Châu. Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ quy hoạch, đối chiếu với quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về quy hoạch xây dựng hiện hành, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

**1. Về thành phần hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ quy hoạch chi tiết rút gọn cơ bản tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

**2. Về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết:**

Sở Xây dựng cơ bản nhất trí với phương án quy hoạch tổng mặt bằng công trình: Xây dựng trụ sở làm việc công an các xã Liên Khê, Thuận Hưng, Ông Đình, huyện Khoái Châu gửi kèm các Văn bản số 671, 672, 677/UBND-KTHT ngày 22/7/2024 của UBND huyện Khoái Châu.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Khoái Châu, UBND xã Liên Khê và UBND xã Ông Đình (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) cần tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng Trụ sở làm việc công an các xã Liên Khê, Thuận Hưng, Ông Đình, huyện Khoái Châu; thỏa thuận với cơ quan chức năng về phương án, điểm đầu nối cấp, thoát nước, cấp điện để đảm bảo tính khả thi cho các công trình.

UBND huyện Khoái Châu chịu trách nhiệm về quy mô, ranh giới thực hiện Trụ sở làm việc công an các xã Liên Khê, Thuận Hưng, Ông Đình; rà soát các số liệu, thông số kỹ thuật trên bản vẽ để đảm bảo tính thống nhất, chính xác theo quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản

lý nhà nước của Bộ Xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành; tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Sở Xây dựng gửi tới UBND huyện Khoái Châu để tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Công an tỉnh;
- Phòng QH,KT&PTĐT<sup>d</sup>;
- Lưu VT.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: SỞ XÂY DỰNG  
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
HUNG YÊN  
Thời gian ký: 26/07/2024 09:51:27

**Lưu Văn Dương**

**THÔNG BÁO**

**Chấp thuận vị trí xây dựng Trụ sở Công an các xã: Đông Tảo, Bình Minh, Đông Kết, Ông Đình - huyện Khoái Châu; Ngọc Thanh, Vũ Xá – huyện Kim Động; Lạc Đạo – huyện Văn Lâm.**

Ngày 13/2/2023, tại cuộc họp Giao ban Chủ tịch các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ngành địa phương, dự họp có lãnh đạo các sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu, Chủ tịch UBND huyện Kim Động, Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm. Sau khi nghe Sở Xây dựng trình bày các Tờ trình số: 121/TTr-SXD ngày 06/12/2022, 16/TTr-SXD ngày 02/02/2023, 17/TTr-SXD ngày 02/02/2023; 44/TTr-SXD ngày 26/7/2022, 95/TTr-SXD ngày 07/10/2022, 97/TTr-SXD ngày 07/10/2022, 96/TTr-SXD ngày 07/10/2022 về việc Chấp thuận vị trí xây dựng Trụ sở Công an các xã: Đông Tảo, Bình Minh, Đông Kết, Ông Đình - huyện Khoái Châu; Ngọc Thanh, Vũ Xá – huyện Kim Động; Lạc Đạo – huyện Văn Lâm; ý kiến tham gia của các đại biểu dự họp, ý kiến tham gia của các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận vị trí xây dựng Trụ sở Công an các xã: Đông Tảo, Bình Minh, Đông Kết, Ông Đình - huyện Khoái Châu; Ngọc Thanh, Vũ Xá – huyện Kim Động; Lạc Đạo – huyện Văn Lâm với những nội dung cụ thể kèm theo tờ trình của Sở Xây dựng gửi kèm.

2. Giao UBND các huyện và các xã làm chủ đầu tư

Khi triển khai đầu tư xây dựng phải bố trí đường gom, giải cây cách ly cho phù hợp nếu như giáp đường tỉnh và đường huyện để đảm bảo cảnh quan và an toàn giao thông cho khu vực.

2. Giao các Sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, tài chính hướng dẫn và phối hợp cùng với UBND các huyện: Khoái Châu, Kim Động, Văn Lâm thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành của nhà nước và của tỉnh, chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sai phạm trong quá trình triển khai.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các sở, ngành, chủ đầu tư tổ chức thực hiện./. *th5*

**Nơi nhận:**

- Như mục 2
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1<sup>T</sup>.

**TL. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHỤ TRÁCH, ĐIỀU HÀNH**



**Đinh Hồng Quyên**

Số: **44** /TTr-SXD

Hung Yên, ngày **26** tháng 7 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc chấp thuận vị trí quy hoạch xây dựng Trụ sở Công an xã Ông Đình,  
huyện Khoái Châu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ văn bản hợp nhất Luật Xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện chức năng quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố, các thị trấn huyện lỵ; Xét đề nghị của UBND huyện Khoái Châu tại Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 19/7/2022 về việc đề nghị chấp thuận vị trí quy hoạch xây dựng Trụ sở Công an xã Ông Đình, huyện Khoái Châu. Sở Xây dựng đã xem xét vị trí đề xuất, cụ thể như sau:

**1. Tên công trình:** Trụ sở Công an xã Ông Đình.

**2. Chủ đầu tư:** UBND xã Ông Đình.

Tại Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 19/7/2022, UBND huyện Khoái Châu đề nghị được chấp thuận vị trí quy hoạch xây dựng Trụ sở Công an xã Ông

Đình, tại khu đất có diện tích khoảng 2.076,00m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn quản lý của xã Ông Đình, huyện Khoái Châu. Vị trí khu đất theo bản vẽ Trích lục bản đồ địa chính khu đất do UBND xã Ông Đình lập ngày 12/7/2021 như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Đất canh tác;
- Phía Đông Nam giáp: Đất canh tác;
- Phía Tây Bắc giáp: Khu dân cư;
- Phía Tây Nam giáp: Đường giao thông.

Khu đất nêu trên hiện đang là đất canh tác, nằm trong khu vực trung tâm xã Ông Đình. Theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 thì khu đất nêu trên thuộc khu vực nông thôn hiện hữu cải tạo. Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Khoái Châu đã được UBND tỉnh phê duyệt thì vị trí khu đất này được quy hoạch là đất Trữ sở Công an. Đề nghị được chấp thuận vị trí quy hoạch xây dựng Trữ sở Công an xã Ông Đình của UBND huyện Khoái Châu là phù hợp với định hướng quy hoạch khu vực.

Sở Xây dựng đề nghị UBND tỉnh xem xét, chấp thuận vị trí xây dựng Trữ sở Công an xã Ông Đình như đề nghị của UBND huyện Khoái Châu tại Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 19/7/2022. Khi được UBND tỉnh chấp thuận vị trí xây dựng, Sở Xây dựng sẽ hướng dẫn UBND huyện Khoái Châu thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

*(Gửi kèm Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 19/7/2022 của UBND huyện Khoái Châu và Trích lục bản đồ địa chính khu đất).*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Giám đốc sở (để b/c);
- UBND huyện Khoái Châu;
- Phòng QH-KT<sup>d</sup>; \*
- Lưu VT.

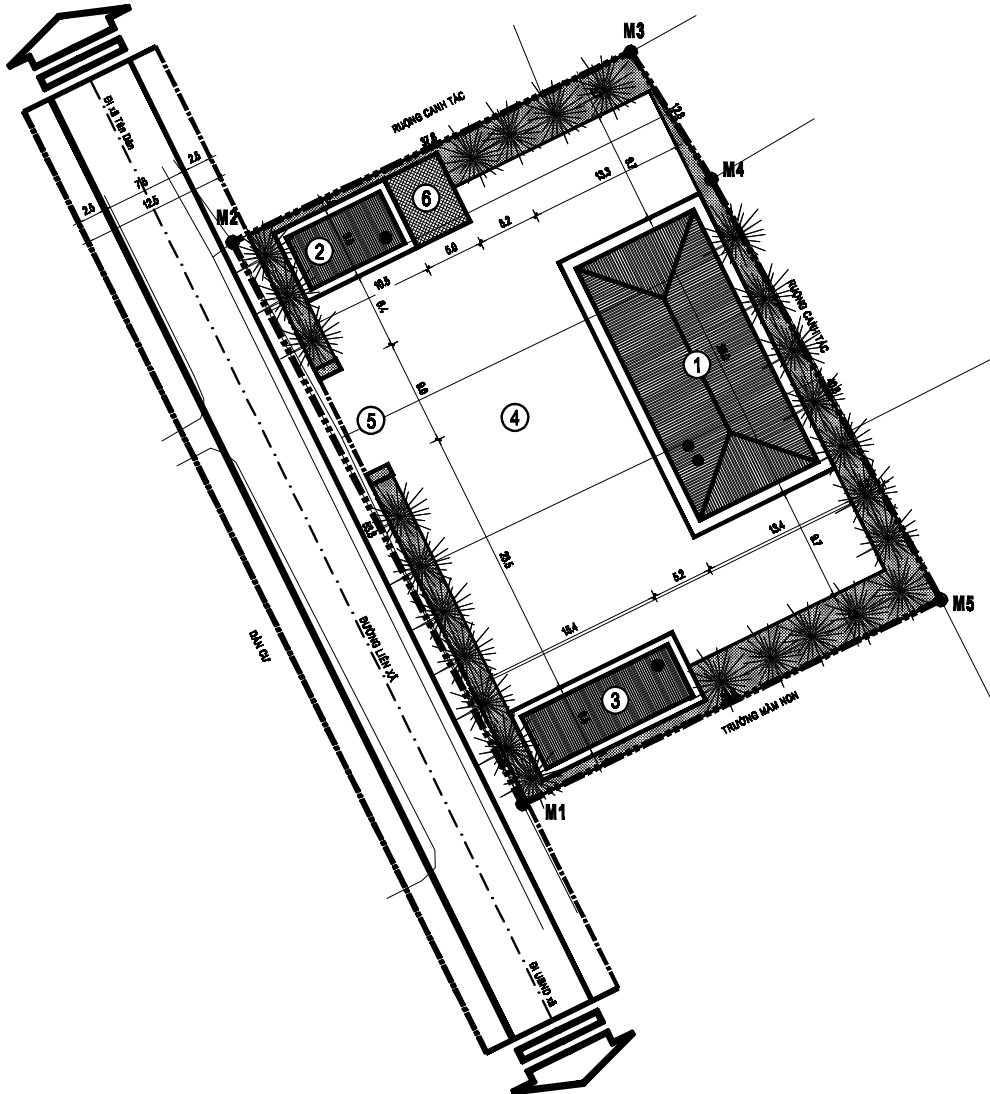
**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lưu Văn Dương**

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN XÃ ÔNG ĐÌNH, HUYỆN KHOÁI CHÂU  
ĐDDX: XÃ ÔNG ĐÌNH, HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN



BẢNG CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

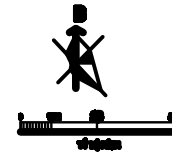
| STT | DANH MỤC           | CHỈ TIÊU QUY HOẠCH   |
|-----|--------------------|----------------------|
| 1   | DIỆN TÍCH KHU ĐẤT  | 2.078 M <sup>2</sup> |
| 2   | DIỆN TÍCH XÂY DỰNG | 818 M <sup>2</sup>   |
| 3   | SỐ TẦNG            | 1-2 TẦNG             |
| 4   | MẬT ĐỘ XÂY DỰNG    | 24,88 %              |

GHI CHÚ CHUNG

| STT | HẠNG MỤC         | SỐ TẦNG | DIỆN TÍCH XÂY      |
|-----|------------------|---------|--------------------|
| 1   | Khu vực xây dựng | 2 tầng  | 818 m <sup>2</sup> |
| 2   | Khu vực sân vườn | 1 tầng  | 68 m <sup>2</sup>  |
| 3   | Khu vực sân vườn | 1 tầng  | 190 m <sup>2</sup> |
| 4   | Sân vườn         |         |                    |
| 5   | Cổng             |         |                    |
| 6   | Bãi xe ô tô      |         | 80 m <sup>2</sup>  |

GHI CHÚ:

- CĂN CỨ QUY HOẠCH CHUNG HUYỆN KHOÁI CHÂU
- CĂN CỨ VẤN BÀN BỘ QUẢN LÝ CÔNG AN XÃ ÔNG ĐÌNH, HUYỆN KHOÁI CHÂU
- RANH GIỚI THEO TRƯỚC LỤC ĐƯỢC GHI HẠN ĐỚI CÁC ĐIỂM TỪ M1 ĐẾN M6, TỔNG DIỆN TÍCH 2.078 m<sup>2</sup>



ĐỊA CHỈ:

Ranh giới đường quy hoạch  
Ranh giới trong dự án

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN KHOÁI CHÂU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ÔNG ĐÌNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

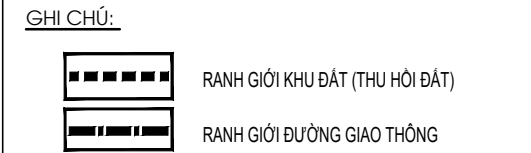
| STT | HẠNG MỤC         | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ                              | ĐƠN VỊ THIẾT KẾ                              |
|-----|------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Khu vực xây dựng | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU |
| 2   | Khu vực sân vườn | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU |
| 3   | Khu vực sân vườn | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU |
| 4   | Sân vườn         | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU |
| 5   | Cổng             | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU |
| 6   | Bãi xe ô tô      | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU |

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KHOÁI CHÂU



## TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

- CĂN CỨ QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN KHOÀI CHÂU TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2331/QĐ-UBND NGÀY 06/10/2020 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐOÀN QH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN KHOÀI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN ĐẾN NĂM 2050;
- CĂN CỨ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN KHOÀI CHÂU TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 410/QĐ-UBND NĂM 2022 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN KHOÀI CHÂU;
- CĂN CỨ VĂN BẢN SỐ 60/TB-UBND NGÀY 01/03/2023 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN THÔNG BÁO CHẤP THUẬN VỊ TRÍ XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN CÁC XÃ: ĐỒNG TÁO, BÌNH MINH, ĐỒNG KẾT, ÔNG ĐÌNH -HUYỆN KHOÀI CHÂU; NGỌC THANH, VŨ XÃ- HUYỆN KIM ĐỘNG; LẠC ĐẠO- HUYỆN VĂN LÂM.
- RANH GIỚI KHU ĐẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BỜ ĐIỂM M1-M7 CÓ DIỆN TÍCH 2.076 M2
- CĂN CỨ CÔNG VĂN SỐ 2107/CV-PH10 NGÀY 18/11/2022 CỦA CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN VỀ VIỆC THAM GIA Ý KIẾN THIẾT KẾ SƠ BỘ CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN XÃ ÔNG ĐÌNH, HUYỆN KHOÀI CHÂU
- KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG;
- KỊCH THUỘC VÀ CÁC THÔNG SỐ TRONG TỌA MẶT BẰNG CHỈ MANG TÍNH CHẤT TƯƠNG ĐỐI, KHI TRIỂN KHÁC CÁC BƯỚC SAU CẦN ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP NHƯNG VẮN ĐẢM BẢO NHỮNG THÔNG SỐ QUY HOẠCH CƠ BẢN TRONG BẢN VẼ.

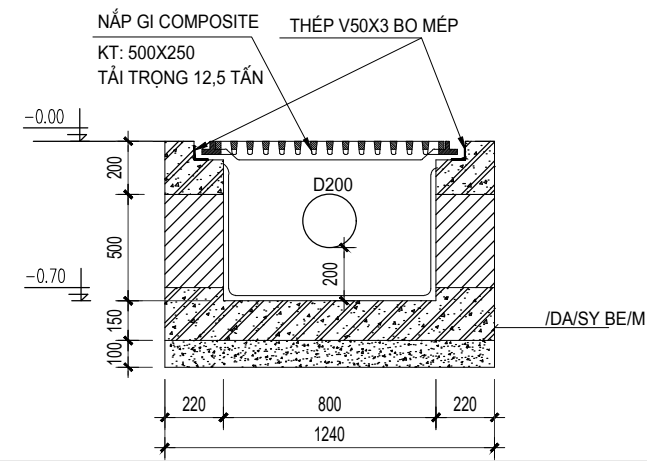


KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....NGÀY.....CỦA UBND HUYỆN KHOÁI CHÂU

KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ.....NGÀY.....CỦA PHÒNG KHTT HUYỆN KHOÁI CHÂU

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

SONGDO BUILDING-62A PHAM NGOC THACH-P6. Q3. TP HỒ CHÍ MINH



Số TN: 1203/DAK/2024/4760/MTX-KQ/HY072/9142

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường DG  
2. Cơ sở được lấy mẫu : Xây dựng trụ sở công an Xã Ông Đình, Huyện Khoái Châu  
3. Địa chỉ : Xã Ông Đình, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên  
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh  
5. Ký hiệu mẫu : KK1; KK2; KK3; KK4  
6. Ngày lấy mẫu : 07/12/2024

| STT | Thông số                      | Đơn vị | Phương pháp         | KK1            | KK2            | KK3            | KK4            | QCVN 05:<br>2023/ BTNMT<br>(TB 1h) <sup>(2a)</sup> |
|-----|-------------------------------|--------|---------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Nhiệt độ                      | °C     | QCVN 46:2022 /BTNMT | 20,7           | 20,5           | 20,8           | 20,6           | -                                                  |
| 2   | Độ ẩm                         | %      | QCVN 46:2022 /BTNMT | 74,6           | 74,4           | 74,5           | 74,6           | -                                                  |
| 3   | Tốc độ gió                    | m/s    | QCVN 46:2022 /BTNMT | 0,7            | 0,5            | 0,8            | 0,7            | -                                                  |
| 4   | Tiếng ồn (Leq)                | dBA    | TCVN 7878-2:2018    | 59,4           | 56,8           | 60,5           | 60,7           | 70 <sup>(2a)</sup>                                 |
| 5   | Tổng hạt bụi lơ lửng<br>(TSP) | µg/Nm³ | TCVN 5067:1995      | 83,3           | 82,7           | 82,2           | 83,2           | 300                                                |
| 6   | SO <sub>2</sub>               | µg/Nm³ | TCVN 5971:1995      | 71,0           | 77,8           | 72,2           | 75,1           | 350                                                |
| 7   | NO <sub>2</sub>               | µg/Nm³ | TCVN 6137:2009      | 60,1           | 60,3           | 59,6           | 61             | 200                                                |
| 8   | CO                            | µg/Nm³ | MTX.PT.KK-05        | <LOQ<br>(9600) | <LOQ<br>(9600) | <LOQ<br>(9600) | <LOQ<br>(9600) | 30000                                              |

Ghi chú:

- QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h)<sup>(2a)</sup>: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ; <sup>(2a)</sup>QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.  
- KK1 (HY072.24T12DA1.KK1): Mẫu không khí tại khu vực phía Bắc dự án; KK2 (HY072.24T12DA1.KK2): Mẫu không khí tại khu vực phía Đông dự án; KK3 (HY072.24T12DA1.KK3): Mẫu không khí tại khu vực phía Tây dự án; KK4 (HY072.24T12DA1.KK4): Mẫu không khí tại khu vực phía Nam dự án.  
(\*) Được phân tích bởi thầu phụ; (\*) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024



GIÁM ĐỐC  
Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu  
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)  
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về  
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



